

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021; kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố năm 2022; cập nhật một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố về tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố năm 2022; cập nhật một số nội dung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 của Thành phố; cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2022

Thực hiện Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, trên cơ sở nhu cầu và nguồn vốn dự kiến cân đối cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công cấp Thành phố năm 2022, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021, xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2022 ngân sách cấp Thành phố của thành phố Hà Nội.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

I. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 của toàn Thành phố (gồm cả ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp huyện)

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thành phố Hà Nội xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021 trong bối cảnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Quốc gia và của Thành phố chưa được phê duyệt (theo quy định của Luật Đầu tư công, Kế hoạch đầu tư công năm 2021 được xây dựng riêng, sau đó được tích

hợp vào Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025). Thế giới, Việt Nam và Hà Nội tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 với diễn biến phức tạp hơn, khó lường hơn năm 2020 và hơn cả dự báo. Năm 2021, để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của Nhân dân, Thành phố đã có những biện pháp phòng, chống dịch chưa từng có trong tiền lệ, quyết liệt hơn để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của Nhân dân như thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 9. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ công tác chuẩn bị và thi công các dự án, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân Kế hoạch vốn năm 2021. Bên cạnh đó, tác động sâu của dịch Covid-19 làm cho lưu thông hàng hóa khó khăn hơn, thiếu nhân công, giá nguyên vật liệu tăng cao,...ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Thành phố xác định việc thúc đẩy thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công là một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19. Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sát sao, thường xuyên, liên tục để thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án và tỷ lệ giải ngân. Các cấp, các ngành của Thành phố đã nỗ lực triển khai tổ chức thực hiện các biện pháp cụ thể trong bối cảnh dịch bệnh Covid ảnh hưởng nặng nề. Cụ thể:

- Thành phố đã thực hiện việc phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021 theo đúng quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020, hướng dẫn của các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; đã giao kế hoạch đầu tư phát triển từ đầu tháng 12/2020. Thành phố đã hoàn thành công tác nhập dự toán trên hệ thống Tabmis đảm bảo giải ngân kịp thời cho các dự án đầu tư.

- UBND Thành phố đã triển khai chỉ đạo quyết liệt các giải pháp để thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021. Thành phố đã ban hành Văn bản số 483/UBND-KHĐT ngày 18/02/2021 yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện Kế hoạch ngay từ đầu năm 2021; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 19/5/2021 về khắc phục tồn tại, hạn chế và thúc đẩy kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021; Công văn số 1013/UBND-KH&ĐT ngày 07/4/2021 về việc hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 kéo dài và kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021; Công văn số 2302/UBND-KH&ĐT ngày 20/7/2021, Công văn số 2718/UBND-KH&ĐT ngày 20/8/2021, Công văn số 3457/UBND-KHĐT ngày 11/10/2021 về tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 kéo dài (phân công các đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố trực tiếp là Tổ trưởng chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và

năm 2020 kéo dài). UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 thành lập Tổ công tác đặc biệt tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.

- Thực hiện điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn trong năm để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ lệ giải ngân (HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, UBND Thành phố ban hành các Quyết định số: 4406/QĐ-UBND ngày 08/10/2021, 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021).

- Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố chấp thuận cơ chế thanh toán linh hoạt cho một số nhiệm vụ, UBND Thành phố đã ban hành hướng dẫn tại Công văn số 2013/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2021 về cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị dự án; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; nhiệm vụ quy hoạch; thanh quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm 2021 của Thành phố.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 26/11/2021, ước thực hiện cả năm 2021

2.1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

a) Kế hoạch giao đầu năm

(1) Kế hoạch Trung ương giao:

Tại các Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 và số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020, Thủ tướng Chính phủ giao cho thành phố Hà Nội là **41.788.264** triệu đồng. Trong đó kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2021 cho thành phố Hà Nội là **6.793.995** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn trong nước: **549.594** triệu đồng (Thu hồi các khoản vốn ứng trước: **205.267** triệu đồng; các dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và các dự án khác trung ương hỗ trợ: **344.327** triệu đồng).

+ Vốn nước ngoài: **6.244.401** triệu đồng.

(2) Kế hoạch Thành phố giao:

- Thành phố đã giao kế hoạch vốn năm 2021 tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 là **51.241.326** triệu đồng, cao hơn kế hoạch vốn Trung ương giao **9.453.062** triệu đồng. Trong đó: Tổng kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố là **32.528.326** triệu đồng và tổng chi đầu tư công cấp huyện (gồm cả cấp xã) là **18.713.000** triệu đồng.

Trong đó, đối với các dự án cấp Thành phố: Thành phố đã thực hiện phân bổ vốn cho 184 dự án với tổng số vốn là **18.283.982** triệu đồng, trong đó 161 dự án chuyển tiếp (**17.744.382** triệu đồng, chiếm 97% tổng số vốn phân bổ) và 23 dự án mới (**539.6** triệu đồng, chiếm 3% tổng số vốn phân bổ).

Trong năm 2021, UBND Thành phố đã phân bổ vốn thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương tại 02 Quyết định: số 1720/QĐ-UBND ngày 13/4/2021¹; số 4523/QĐ-UBND ngày 21/10/2021² với số vốn là: 449.594 triệu đồng.

b) Kế hoạch vốn năm 2021 sau điều chỉnh trong năm:

- HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2021. Kế hoạch vốn năm 2021 sau điều chỉnh là **46.241.326** triệu đồng. Trong đó: Tổng kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố là **27.528.326** triệu đồng (bao gồm ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi cấp Thành phố: 19.209.576 triệu đồng và ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện: 8.218.750 triệu đồng); kế hoạch đầu tư công cấp huyện (gồm cả cấp xã) là **18.713.000** triệu đồng.

Trong đó, đối với các dự án cấp Thành phố: Thành phố đã thực hiện phân bổ vốn cho 231 dự án với tổng số vốn là 17.068.482 triệu đồng, trong đó 172 dự án chuyển tiếp (15.701.382 triệu đồng, chiếm 92% tổng số vốn phân bổ) và 53 dự án mới (1.367.100 triệu đồng, chiếm 8% tổng số vốn phân bổ).

- UBND Thành phố có Quyết định số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 điều chỉnh điều hòa của Ban QLDA Công trình giao thông thành phố Hà Nội đối với 17 dự án với số vốn điều hòa, điều chỉnh là 88.200 triệu đồng.

- Tại Nghị quyết số 410/NQ-UBTVQH15 ngày 01/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 1915/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương trong nước của thành phố Hà Nội: **100.000** triệu đồng.

- Như vậy, tổng kế hoạch vốn năm 2021 sau điều chỉnh là **46.141.326** triệu đồng. Trong đó: Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố là **27.428.326** triệu đồng; Kế hoạch đầu tư công cấp huyện (gồm cả cấp xã) là **18.713.000** triệu đồng.

2.2. Kết quả thực hiện

b) Kết quả thực hiện, giải ngân đến ngày 26/11/2021:

- Lũy kế giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố từ đầu năm đến ngày 26/11/2021: **20.507.051** triệu đồng, đạt 44,4% kế hoạch Thành phố giao sau điều chỉnh và đạt **49,2%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

- Từ nay đến cuối năm sẽ tiếp tục quyết liệt thực hiện các giải pháp, các chủ đầu tư đã cam kết phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất. Ước năm 2021, toàn

¹ Các dự án: Mở rộng đường Láng Hòa Lạc: 19.255 triệu đồng; Xử lý sạt lở, ổn định bờ hệ thống sông Đà, sông Hồng vùng hạ du sau đập thủy điện Hòa Bình: 70.000 triệu đồng; Các dự án, chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội: 116.012 triệu đồng (Công viên Hòa Bình: 860 triệu đồng; Trường THPT Hà Nội - Amsterdam: 75.000 triệu đồng; Trường cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội: 40.1252 triệu đồng.

² Các dự án: Mở rộng đường Láng Hòa Lạc: 119.154 triệu đồng; Dự án đầu tư phục vụ Đại hội thể thao Châu Á trong nhà lần thứ II: 125.173 triệu đồng.

Thành phố sẽ giải ngân được 38.886.540 triệu đồng, đạt 84,3% kế hoạch Thành phố giao và bằng 93,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Nếu không tính số vốn ODA Trung ương giao vượt 2.119.554 triệu đồng so với số đăng ký của Thành phố (tức là Kế hoạch sẽ giảm đi còn: 39.568.710 triệu đồng), thì ước giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021 của Thành phố sẽ đạt 98,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ sau khi giảm trừ số vốn ODA giao vượt nhu cầu và đạt 88,3% kế hoạch Thành phố giao.

- Công trình hoàn thành năm 2021:

(1) Đối với các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố: Dự kiến hoàn thành 73 dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố. Năng lực tăng thêm của các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố cụ thể như sau:

- Lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Dự kiến hoàn thành 12 dự án trụ sở công an cấp Thành phố và cấp phường với 23.521 m² sàn xây dựng và một số hạ tầng phụ trợ; mua sắm trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn.

- Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề: Dự kiến hoàn thành 08 công trình, tăng thêm 149 phòng lớp học, 41 phòng bộ môn và một số hạng mục phụ trợ (sân vườn, nhà để xe...).

- Lĩnh vực y tế, dân số: Dự kiến hoàn thành 01 bệnh viện, tăng thêm 300 giường bệnh.

- Lĩnh vực thể dục, thể thao: Dự kiến hoàn thành 07 công trình cải tạo sửa chữa phục vụ Sea Games 31, Para Games 11 và các công trình luyện tập, phụ trợ khác (bể bơi, nhảy cầu...).

- Lĩnh vực bảo vệ môi trường: Dự kiến hoàn thành 02 công trình, tăng 01 Km đường vào khu xử lý chất thải, 02 trạm quan trắc môi trường.

- Các hoạt động kinh tế, hạ tầng kỹ thuật: Dự kiến hoàn thành 41 công trình, bao gồm: 23 dự án giao thông (*trong đó gồm 08 cầu qua sông và cầu đi bộ*), cải tạo, nâng cấp, mở rộng 67,3 km đường giao thông; 09 công trình đê điều, tăng thêm 24.021 m hành lang đê và mặt đê, 2.524 m kè; 05 công trình thủy lợi, nâng cấp kênh tưới, tiêu và trạm bơm bảo đảm tiêu cho 6.305 ha và tưới cho 6.650 ha; 02 dự án hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước, tăng thêm 4,5 km đường được đầu tư chiếu sáng vào khu xử lý chất thải, cải tạo 4,95 ha hạ tầng xung quanh hồ.

- Cơ quan nhà nước và công trình khác: Dự kiến hoàn thành 01 dự án xây dựng trụ sở cơ quan Tư pháp với 10.815 m² sàn xây dựng.

(2) Đối với các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện:

Kế hoạch năm 2021, ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện 325 dự án, trong đó: Lĩnh vực giáo dục đào tạo: 153 dự án; Lĩnh vực hoạt động kinh tế (lĩnh vực giao thông, thủy lợi,...): 123 dự án; Lĩnh vực khác (y tế, văn hóa, di

tích, môi trường,...): 49 dự án, giải quyết các vấn đề bức xúc dân sinh góp phần ổn định kinh tế - chính trị địa phương. Công trình hoàn thành dự kiến hoàn thành năm 2021 như sau:

- Lĩnh vực giáo dục đào tạo: hoàn thành 80 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 16 trường công nhận chuẩn mới thuộc chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, 13 trường công nhận chuẩn lại thuộc chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

- Lĩnh vực hạ tầng kinh tế: hoàn thành 15 dự án đường giao thông với chiều dài 42.767m; 01 dự án chiếu sáng 31.582m đường; 01 dự án thoát nước 8.329m.

- Lĩnh vực khác (y tế, văn hóa, di tích, môi trường,...): hoàn thành tu bổ, tôn tạo 02 di tích lịch sử; Cải tạo, nâng cấp 04 hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường với chiều dài 17.735m và 01 dự án hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang.

Trong đó, kết quả triển khai xây dựng các nhà văn hóa thôn còn thiếu để hoàn thành chỉ tiêu “đến năm 2020, 100% các thôn, làng có nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng” theo Chương trình 04-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy về “Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh” như sau: Kết quả rà soát năm 2020 đã xác định còn thiếu 239 nhà văn hóa; kế hoạch năm 2020 và 2021 đã đầu tư xây dựng 178 nhà văn hóa từ các nguồn: ngân sách Thành phố hỗ trợ, ngân sách quận hỗ trợ huyện, ngân sách huyện. Đến thời điểm hiện nay, đã hoàn thành 104/178 nhà văn hóa thôn. Số nhà văn hóa còn lại 61 nhà văn hóa thôn của 10 huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai. Kế hoạch năm 2022, ngân sách Thành phố hỗ trợ đầu tư 10 nhà văn hóa, ngân sách các huyện sẽ bố trí 11 dự án. Còn lại 40 nhà văn hóa còn thiếu (trong đó, có 23 nhà văn hóa còn vướng mắc, chưa có địa điểm triển khai, 17 nhà văn hóa chưa có thủ tục để bố trí vốn triển khai thực hiện dự án).

2.3. Đánh giá chung

Trong bối cảnh bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sát sao, thường xuyên, liên tục để thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án và tỷ lệ giải ngân. Các cấp, các ngành của Thành phố đã nỗ lực triển khai tổ chức thực hiện các biện pháp cụ thể trong bối cảnh dịch bệnh Covid ảnh hưởng nặng nề. Kết quả thực hiện giải ngân đến ngày 26/11/2021 đạt 49,2% tổng mức vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Tại thời điểm này, đây là mức giải ngân thấp, không đạt được kết quả theo yêu cầu của Chính phủ, Thành ủy, HĐND Thành phố và UBND Thành phố. Thành phố đã có chỉ đạo quyết liệt các đơn vị cần tập trung, khẩn trương thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất.



Các nguyên nhân, tồn tại làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 là:

a) Nguyên nhân khách quan:

(1) Dịch Covid-19 bùng phát trở lại ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, khối lượng thi công và giải ngân của các dự án, đặc biệt là trong bối cảnh thành phố Hà Nội phải thực hiện giãn cách xã hội: hầu hết các dự án phải dừng thi công để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Sau khi giãn cách, mất một khoảng thời gian khó khăn triển khai các dự án do thiếu nhân công, nguồn lao động.

(2) Do năm 2021 là năm đầu tiên của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, trong khi Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 chưa được thông qua nên tại thời điểm giao kế hoạch vốn đầu năm 2021 một số nhiệm vụ, dự án chưa được phê duyệt hoặc chưa đủ điều kiện phân bổ nên tại Quyết định giao kế hoạch đầu năm vẫn còn một số khoản kinh phí chưa phân bổ nên cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn của Thành phố (đầu năm còn 5.991.594 triệu đồng chưa phân bổ chi tiết, chiếm 18,42% nguồn vốn đầu tư công cấp Thành phố, chiếm 11,69% nguồn vốn đầu tư công của Thành phố).

Đồng thời, năm 2021 cũng là năm tổ chức nhiều sự kiện lớn của Thành phố, việc kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp cũng tác động đến công tác chỉ đạo điều hành tại một số thời điểm, một số nơi.

(3) Công tác GPMB, tái định cư vẫn còn vướng mắc về cơ chế, chính sách xác định nguồn gốc đất, tái định cư; một số dự án còn tình trạng người dân chưa đồng thuận, khiếu kiện về chính sách đền bù, yêu cầu xác định giá bồi thường sát giá thị trường,... làm chậm quá trình thi công, giải ngân dự án.

(4) Giai đoạn vừa qua, giá nguyên, nhiên, vật liệu xây dựng đầu vào tăng cao, nhất là sắt, thép xây dựng, xi măng, cát, sỏi,... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành xây dựng và tiến độ thực hiện dự án.

(5) Đối với nguồn vốn ODA: Trung ương giao kế hoạch vốn ODA cấp phát năm 2021 là 6.244.400 triệu đồng, cao hơn nhu cầu đề xuất của thành phố Hà Nội và khả năng thực hiện của dự án. Số vốn ODA chiếm tỷ trọng lớn trong số vốn của Thành phố (15%), nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 hầu hết các dự án ODA đều gặp khó khăn vướng mắc, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, như không nhập khẩu được thiết bị; thiếu chuyên gia nước ngoài; vướng mắc về quy hoạch; giải phóng mặt bằng và chưa xong thủ tục ký hiệp định vay. Thành phố đã đề xuất với Trung ương để điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ODA cấp phát với số vốn là 4.502.827 triệu đồng nhưng hiện tại Trung ương chưa điều chỉnh).

(6) Một số dự án được giao kế hoạch lớn nhưng do vướng mắc một số lý do như trên nên kết quả giải ngân thấp làm ảnh hưởng đến kết quả chung (ví dụ: dự án Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn- Ga Hà

giao kế hoạch 4.934.795 triệu đồng; Dự án Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục giao kế hoạch đầu năm 1.521.000 triệu đồng và ghi thu ghi chi cho các dự án BT giao kế hoạch đầu năm 2.000.000 triệu đồng...).

(7) Năm 2021, một số quận, huyện bên cạnh việc thúc đẩy thực hiện kế hoạch đầu tư công cần đẩy mạnh công tác thu ngân sách, thì cũng phải rà soát, tính toán, đảm bảo cân đối thu chi, tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Nguyên nhân chủ quan:

(1) Có sự thiếu quyết liệt của một số chủ đầu tư và một số đơn vị thực hiện công tác liên quan đến GPMB, nhất là trong thời gian bầu cử và kiện toàn bộ máy chính quyền mới.

(2) Sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa một số chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, các quận, huyện, nhà thầu chưa tốt dẫn đến chậm tiến độ thực hiện thi công, hoàn thành thủ tục giải ngân vốn đã giao....

(3) Năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu,... còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nên dự án phải thực hiện điều chỉnh, làm chậm tiến độ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án.

(4) Đối với các dự án chuyển tiếp: Hầu hết các chủ đầu tư trong các tháng đầu năm đẩy mạnh thực hiện thi công để hoàn trả khối lượng cho phần vốn đã tạm ứng năm 2020 và thanh toán kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài nên khối lượng thực hiện để giải ngân kế hoạch vốn 2021 chưa nhiều; một số dự án chậm thực hiện thủ tục các hồ sơ thanh toán; một số dự án phải điều chỉnh dự án nên chậm giải ngân.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tiếp tục thực hiện từ nay đến các tháng cuối năm 2021

- Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Chỉ thị tăng cường các biện pháp thúc đẩy thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021.

- Thành phố tiếp tục xác định việc thúc đẩy thực hiện và giải ngân Kế hoạch đầu tư công là một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19.

- Mỗi cấp, mỗi ngành, từng sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, chủ đầu tư nghiêm túc quán triệt chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố trong đẩy mạnh, tháo gỡ các vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn theo kế hoạch. Nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đặc biệt là các đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp cần đề xuất và thực hiện các giải pháp hiệu quả nhất để tiếp tục tập trung thực hiện, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 và kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài của đơn vị mình cho từng nhiệm vụ, dự án, đảm

bảo đúng pháp luật và phù hợp với yêu cầu phòng, chống dịch bệnh tại từng thời điểm cụ thể.

- Yêu cầu các đơn vị tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; tập trung thực hiện giải ngân để đạt được kết quả như đã cam kết với UBND Thành phố. UBND các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố về việc thực hiện kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện (bao gồm cả việc thực hiện kế hoạch nguồn phân cấp, nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ) và việc thực hiện các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố do UBND các quận, huyện, thị xã làm chủ đầu tư.

- UBND Thành phố, Lãnh đạo UBND Thành phố phụ trách các khối giao ban xây dựng đề đơn đốc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn trong giải ngân kế hoạch vốn và thực hiện các dự án.

II. Cập nhật kế hoạch đối với các dự án giải ngân theo cơ chế giải ngân linh hoạt kế hoạch vốn và điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2021

1. Cập nhật kế hoạch đối với các dự án giải ngân theo cơ chế giải ngân linh hoạt kế hoạch vốn năm 2021

Theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, HĐND Thành phố chấp thuận cơ chế thanh toán linh hoạt đối với công tác chuẩn bị dự án; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; nhiệm vụ quy hoạch; thanh quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm 2021 của Thành phố, UBND Thành phố đã ban hành hướng dẫn tại Công văn số 2013/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2021 về cơ chế thanh toán linh hoạt đối với các nhiệm vụ nêu trên và tổ chức triển khai thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt. UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố cập nhật, phê duyệt danh mục và kế hoạch vốn cho các dự án thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt nêu trên.

(Chi tiết tại Phụ lục 12 kèm theo).

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương hỗ trợ mục tiêu năm 2021

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1915/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2021 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trong đó: điều chỉnh giảm 100.000 triệu đồng ngân sách trung ương trong nước hỗ trợ cho thành phố Hà Nội. UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố điều chỉnh giảm nguồn kế hoạch vốn năm 2021 của ngân sách cấp Thành phố 100.000 triệu đồng theo như Quyết định số 1915/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

B. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2022

I. Khả năng cân đối nguồn vốn năm 2022

Theo Công văn số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch

và Đầu tư, Báo cáo số 425/BC-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ báo cáo Quốc hội, Trung ương dự kiến nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho thành phố Hà Nội là **51.582.952** triệu đồng.

Dự kiến tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của Thành phố là **51.072.952** triệu đồng (thấp hơn dự kiến của Trung ương 510.000 triệu đồng, do dành nguồn chi đầu tư phát triển để chi trả nợ lãi, phí các khoản vay là 510.000 triệu đồng; năm 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, Trung ương không tính khoản chi này và địa phương phải cân đối trong dự toán ngân sách được giao). Thành phố dự kiến tạm thời chưa huy động vay trong nước 3.000.000 triệu đồng (trong bội chi ngân sách) như phương án của Trung ương. Thay vào đó, đề xuất cho phép sử dụng 3.000.000 triệu đồng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư theo cơ chế tài chính đặc thù quy định tại Nghị quyết 115/2020/QH14 của Quốc hội.

Trong đó, kế hoạch đầu tư công ngân sách cấp Thành phố là **34.376.949** triệu đồng, ngân sách cấp huyện là **16.696.003** triệu đồng. Kế hoạch đầu tư công ngân sách cấp Thành phố (**34.376.949** triệu đồng) từ các nguồn:

1. Nguồn xây dựng cơ bản trong nước: 27.396.398 triệu đồng.
 - Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 6.554.152 triệu đồng.
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất: 9.096.450 triệu đồng.
 - Nguồn thu xổ số kiến thiết: 430.000 triệu đồng.
 - Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp do Thành phố quản lý 7.920.672 triệu đồng.
 - Nguồn cải cách tiền lương: 3.000.000 triệu đồng.
 - Nguồn trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu: 395.124 triệu đồng.
2. Nguồn xây dựng cơ bản nước ngoài: 5.157.901 triệu đồng.
 - Vốn nước ngoài (ODA cấp phát): 3.802.501 triệu đồng.
 - Vốn đầu tư từ nguồn vốn ODA vay lại: 1.355.400 triệu đồng.
3. Nguồn vốn đầu tư trở lại cho các quận, huyện, thị xã từ tiền thuê đất trả tiền một lần là 822.650 triệu đồng.
4. Nguồn vốn đầu tư khác: 1.000.000 triệu đồng.

II. Mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn năm 2022

1. Mục tiêu, định hướng

a) Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII đã quyết nghị và định hướng về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 được HĐND Thành phố quyết nghị.



b) Định hướng

Kế hoạch đầu tư phát triển cấp Thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

(1) Tập trung bố trí vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình trọng điểm của Thành phố và các dự án nhiệm vụ chỉ cấp Thành phố thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của Thành phố.

(2) Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, giai đoạn 2021-2025 và giải quyết vấn đề an sinh xã hội, dân sinh bức xúc trên địa bàn, bao gồm các lĩnh vực: (1) Xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia; (2) Xây dựng, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa lịch sử; (3) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đối với địa phương bị thu hồi đất phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm quốc gia, Thành phố và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố; (4) Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; (5) Đầu tư nâng cấp tuyến y tế cơ sở.

Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc ngành dọc quốc phòng, an ninh và tư pháp theo Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp.

2. Nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn

a) Nguyên tắc phân bổ:

- Việc bố trí vốn NSNN năm 2022 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

- Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022 chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 trừ đi số vốn được giao trong kế hoạch năm 2021.

- Danh mục dự án dự kiến bố trí vốn NSNN năm 2022 phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2021 và không vượt quá Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được có thẩm quyền phê duyệt trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2021 của dự án; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2022.

b) Thứ tự ưu tiên:

Việc lập kế hoạch, bố trí vốn đầu tư NSNN năm 2022 cho các dự án thực hiện theo các nguyên tắc chung tại mục a) nêu trên và theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ xây dựng cơ bản (nếu có);

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2022 để phát huy hiệu quả đầu tư;

- Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; trong đó phân đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có tính chất liên vùng, giao thông cấp bách, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, xử lý sạt lở, bờ sông, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu,...; trong đó ưu tiên cho các dự án đã có đủ thủ tục đầu tư, được chuẩn bị kỹ để sẵn sàng triển khai thực hiện.

III. Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của cấp Thành phố

Tổng Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của cấp Thành phố là **34.376.949** triệu đồng, dự kiến phân bổ như sau:

1. Bố trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán, nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, thanh toán linh hoạt giải phóng mặt bằng và các nhiệm vụ phát triển khác... là 7.412.498 triệu đồng (chiếm 21,6% tổng Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố)

- Bố trí thu hồi các khoản ứng trước ngân sách Trung ương: 395.124 triệu đồng.

- Hoàn trả cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố ứng vốn: 522.100 triệu đồng.

- Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành: 100.000 triệu đồng.

- Bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch: 200.000 triệu đồng.

- Bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XD CB tập trung của Thành phố: 50.000 triệu đồng.

- Bố trí nguồn vốn thực hiện giải phóng mặt bằng theo cơ chế thanh toán linh hoạt: 1.429.274 triệu đồng.

- Bố trí nguồn vốn thực hiện dự án giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đấu giá các khu đấu giá quyền sử dụng đất cấp Thành phố: 1.000.000 triệu đồng. 

- Ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT: 770.000 triệu đồng.

- Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm và Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất: 1.000.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ địa phương bạn và ngành dọc: 446.000 triệu đồng (trong đó năm 2022 dự kiến hỗ trợ xây dựng trụ sở công an xã 346.000 triệu đồng).

- Dự phòng đầu tư công: 1.500.000 triệu đồng (*chiếm 4,4% kế hoạch*).

2. Vốn phân bổ thực hiện các dự án đầu tư công cấp Thành phố là: 15.921.801 triệu đồng (*chiếm 46,3% tổng kế hoạch*)

(1) Vốn phân bổ dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố là: 15.418.801 triệu đồng, 141 dự án.

- Dự án XD CB tập trung sử dụng vốn trong nước: 10.260.900 triệu đồng, 136 dự án.

- Các dự án sử dụng vốn ODA cấp phát và ODA vay lại: 5.157.901 triệu đồng, 5 dự án.

(2) Vốn phân bổ cho các dự án sử dụng nguồn vốn huy động, đóng góp từ các tổ chức: 15.000 triệu đồng, 01 dự án.

(3) Bố trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù tiền thu sử dụng đất: 488.000 triệu đồng, 06 dự án.

Trong phương án phân bổ đối với các dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố, có 04 dự án xử lý cấp bách của lĩnh vực đề điều được triển khai theo trình tự, thủ tục: UBND Thành phố công bố tình huống xử lý khẩn cấp; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phương án xử lý cấp bách và phê duyệt dự án theo ủy quyền tại Công văn số 1200/UBND-KT ngày 26/3/2019 của UBND Thành phố (do Phó Chủ tịch UBND Thành phố thay mặt UBND Thành phố và ký thay Chủ tịch UBND Thành phố, trong văn bản có nội dung: “Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án kỹ thuật xử lý cấp bách, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán”).

Các dự án xử lý cấp bách chưa có văn bản ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng có hiệu lực (ngày 03/3/2021); các Quyết định phê duyệt dự án của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở các Quyết định công bố tình trạng khẩn cấp của UBND Thành phố, Quyết định phương án xử lý cấp bách của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đợt tháng 9 vừa qua, HĐND Thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố. Hiện nay, các đơn vị đang đẩy

nhanh tiến độ phê duyệt dự án. Trong năm 2022, dự kiến sẽ có thêm các dự án mới đủ điều kiện bố trí vốn, các dự án chuyển tiếp có thêm nhu cầu vốn để thực hiện dự án theo tiến độ đã được phê duyệt. Thành phố sẽ xem xét, bố trí kế hoạch vốn cho các dự án trên từ nguồn kinh phí dự phòng.

3. Hỗ trợ các huyện, thị xã thực hiện các Chương trình, đề án là 10.220.000 triệu đồng (chiếm 29,7% kế hoạch cấp Thành phố)

(1) Vốn bố trí thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.240.000 triệu đồng, bao gồm:

- Dự nguồn thực hiện CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững: 1.000.000 triệu đồng.

- CTMT quốc gia phát triển KT-XH dân tộc miền núi: 240.000 triệu đồng cho 17 dự án.

(2) Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện: 8.980.000 triệu đồng, trong đó:

- Các dự án đủ điều kiện phân bổ ngay từ đầu năm: 6.980.000 triệu đồng, 410 dự án.

- Dự nguồn bố trí vốn khi dự án đủ điều kiện thực hiện: 2.000.000 triệu đồng (gồm hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích: 1.000.000 triệu đồng, hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến y tế cơ sở: 1.000.000 triệu đồng).

Phương án bố trí năm 2022 đảm bảo nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ dự án thuộc 04 lĩnh vực gồm: xây dựng trường học đạt chuẩn, di tích lịch sử, hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng bị ảnh hưởng bởi bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố, hạ tầng kinh tế (theo như chủ trương hỗ trợ cấp huyện đã được Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố thông qua và HĐND Thành phố quyết nghị trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021) và ưu tiên bố trí nguồn vốn nâng cấp y tế tuyến cơ sở (theo Thông báo số 493-TB/TU ngày 17/9/2021 của Thường vụ Thành ủy), đã được tính toán đảm bảo các huyện, thị xã đủ nguồn lực để cân đối ngân sách của cấp huyện để đối ứng phần kinh phí còn lại, ngoài phần ngân sách Thành phố hỗ trợ để hoàn thành dự án.

Phương án phân bổ vốn đầu năm đối với dự án đủ thủ tục theo các ngành, lĩnh vực là 7.220.000 triệu đồng (gồm ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội dân tộc miền núi):

- + Xây dựng trường học đạt chuẩn: Ưu tiên cân đối bố trí vốn cho 201 dự án đủ thủ tục để thực hiện ngay trong đầu năm 2022 là 3.373.500 triệu đồng.

- + Lĩnh vực di tích, nhà văn hóa thôn: cân đối bố trí tối đa theo nhu cầu của các đơn vị đề xuất đối với 55 dự án đủ điều kiện bố trí vốn 618.700 triệu đồng.

+ Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng bị ảnh hưởng bởi bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố (Sóc Sơn (bãi rác Nam Sơn), Sơn Tây (bãi rác Xuân Sơn), Ba Vì (bãi rác Xuân Sơn, nghĩa trang Yên Kỳ), Chương Mỹ (Núi Thoong), Phú Xuyên (Châu Can): Ưu tiên cân đối bố trí vốn theo nhu cầu đề xuất của các đơn vị cho 20 dự án đủ thủ tục để thực hiện ngay trong đầu năm 2022 là 304.300 triệu đồng.

+ Lĩnh vực hạ tầng kinh tế (gồm đường giao thông, kênh mương tưới, tiêu...): 2.923.500 triệu đồng thực hiện 151 dự án.

4. Chi từ nguồn đầu tư trở lại cho các quận, huyện, thị xã từ tiền thuê đất trả tiền một lần với kinh phí dự kiến 822.650 triệu đồng.

IV. Một số nhiệm vụ và giải pháp trong xây dựng và điều hành Kế hoạch đầu tư công năm 2022

Để tăng cường công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các công trình, dự án đầu tư thực hiện đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ đề ra, Thành phố tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

1. Đối với việc bố trí kế hoạch vốn năm 2022: Thành phố ưu tiên bố trí kế hoạch vốn năm 2022 cho các dự án giải ngân tốt trong năm 2021. Đối với các dự án được bố trí vốn trong năm 2022 có kết quả giải ngân tốt có thể được xem xét, bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn dự phòng (1.500 tỷ đồng).

2. Đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán theo đúng quy định của Luật Đầu tư công đối với các dự án mới để khẩn trương hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, thúc đẩy tỷ lệ giải ngân Kế hoạch năm 2022. Coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong năm 2022.

3. Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài: Kho bạc Nhà nước Hà Nội rà soát, kiểm soát chặt chẽ giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 trước khi giải ngân kế hoạch năm 2022 đối với dự án có cả hai kế hoạch vốn (tránh tình trạng không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2021, phải hủy dự toán).

4. Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XD CB:

Kho bạc Nhà nước Hà Nội phối hợp Sở Tài chính và các sở ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XD CB, vốn GPMB của các dự án theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ thanh toán, thu hồi tạm ứng, quyết toán niên độ năm ngân sách.

5. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế - dự toán công trình các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng trên cơ sở quá trình thẩm định rà soát kỹ sự cần thiết, quy mô đầu tư của từng dự án, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, phù hợp với khả năng nguồn vốn.

6. Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác GPMB các dự án:

- UBND Thành phố sẽ thường xuyên tiến hành giao ban, kiểm điểm tiến độ GPMB, đề nghị các Bí thư, Chủ tịch quận, huyện chỉ đạo quyết liệt, có cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ GPMB.

- Các đơn vị tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ dân trong diện GPMB đồng thuận và chấp hành tốt. Thực hiện công tác GPMB công khai, minh bạch, đúng luật, đảm bảo công bằng, chính xác.

7. Đối với các quận, huyện, thị xã giao tăng thu ngân sách từ đất, yêu cầu các quận, huyện, thị xã phải thực hiện nghiêm khi có nguồn thu mới tổ chức đấu thầu, triển khai thực hiện dự án để tránh nợ đọng XDCB.

8. Các huyện được ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu triển khai các dự án có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại để đảm bảo hoàn thành các công trình ngoài phần vốn hỗ trợ của Thành phố theo đúng Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND Thành phố Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố.

9. Giao và điều hành Kế hoạch 2022:

- Giao Kế hoạch theo dự toán, trong đó từng công trình phải đảm bảo vốn GPMB, xây lắp và chi phí khác theo tiến độ XDCB.

- Điều hành kế hoạch XDCB theo khả năng nguồn thu, thực hiện các cơ chế linh hoạt để đảm bảo đủ vốn cho các dự án trọng điểm.

- Xây dựng tiến độ cụ thể chi tiết từng loại công việc để kiểm soát tiến độ thực hiện các hạng mục và công trình đảm bảo triển khai các dự án đầu tư XDCB ngay từ đầu năm, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

- Định kỳ tháng, quý giao ban XDCB cấp Thành phố để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án.

V. Đề xuất và kiến nghị

UBND Thành phố kính đề xuất HĐND Thành phố chấp thuận:

1. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, để đảm bảo điều hành ngân sách chủ động, an toàn, linh hoạt, UBND Thành phố đề xuất bố trí mức dự phòng 1.500 tỷ đồng trong Kế hoạch năm 2022 (chiếm tỷ lệ 4,4% tổng kế hoạch vốn, phù hợp với chủ trương của Thành ủy và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố) và dự nguồn một khoản kinh phí cho công tác GPMB thanh toán theo cơ chế linh hoạt, xây dựng hạ tầng các khu đấu giá cấp Thành phố. Hiện nay, Đề án xây dựng trụ sở Công an xã, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; các dự án đầu tư nâng cấp y tế cơ sở, các dự án di tích chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND Thành phố kính đề xuất dự nguồn kinh phí cho nhiệm vụ này, sẽ phân bổ chi tiết cho các dự án khi Đề án được phê duyệt và các dự án đủ điều kiện bố trí vốn trong năm 2022.

2. Cho phép thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, thanh quyết toán dự án hoàn thành, trong tổng nguồn vốn năm 2022 giao cho công tác này theo dự toán được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án và đảm bảo điều kiện theo quy định hiện hành của Nhà nước như Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về dự toán thu, chi ngân sách năm 2021, HĐND Thành phố đã chấp thuận.

3. Đối với một số dự án chuyển tiếp có tiến độ hoàn thành là năm 2021 theo quyết định phê duyệt dự án nhưng đến nay không thực hiện theo đúng tiến độ do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan. Các dự án cần bố trí kế hoạch vốn của năm 2022 để tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành công trình. UBND Thành phố kính đề nghị cho phép bố trí kế hoạch vốn năm 2022 đối với các dự án này. UBND Thành phố chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành thủ tục phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án theo đúng quy định. Kho bạc Nhà nước kiểm soát chặt chẽ giải ngân đối với các dự án này.

4. Dự kiến năm 2022, thành phố Hà Nội được ngân sách trung ương hỗ trợ mục tiêu và trong năm 2022 có thể có các đợt điều chỉnh kế hoạch, để kịp thời tiếp nhận và sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, UBND Thành phố đề xuất: HĐND Thành phố cho phép UBND Thành phố giao chi tiết kế hoạch vốn cho các chủ đầu tư trên cơ sở số vốn được Trung ương giao chi tiết; báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

5. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 của một số dự án sang năm 2022:

Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 (có hiệu lực thi hành từ năm 2020) quy định: Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện đối với vốn ngân sách địa phương nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.* Tuy nhiên theo quy định, HĐND Thành phố quyết định theo lịch của các kỳ họp và nếu tổ chức kỳ họp bất thường cũng cần phải có thời gian nhất định để chuẩn bị và triệu tập họp nên không đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời trong việc xem xét quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn sang năm sau, nhất là đối với các dự án chỉ có vốn kéo dài để tiếp tục thực hiện mà không bố trí kế hoạch vốn năm 2022.

Do đó, UBND Thành phố đề xuất:

- Đối với dự án sử dụng ngân sách Thành phố và ngân sách Thành phố hỗ trợ: HĐND Thành phố cho phép kéo dài thời gian thực hiện đối với các dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022 và HĐND Thành phố giao UBND Thành phố ban hành Quyết định kéo dài kế hoạch vốn năm

2021 cho các dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 48, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

- Đối với ngân sách cấp huyện: Giao HĐND cấp huyện xem xét, quyết định chuyển nguồn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 đối với các dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2021 có nhu cầu kéo dài sang năm 2022.

6. Tại kỳ họp tháng 9/2021, HĐND Thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án. Các đơn vị đang tích cực đẩy nhanh để hoàn thiện các thủ tục đầu tư để đủ điều kiện bố trí vốn năm 2022. Tuy nhiên, một số dự án đề xuất bố trí vốn khởi công mới năm 2022 hiện chưa có quyết định phê duyệt dự án. UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố xem xét, bố trí vốn đối với các dự án mới đủ thủ tục đến thời điểm UBND Thành phố trình HĐND Thành phố báo cáo giải trình bổ sung theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND Thành phố. UBND Thành phố báo cáo bổ sung thủ tục của các dự án đủ điều kiện bố trí vốn.

C. NGÂN SÁCH CÁC QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 115/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI

Thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về cơ chế tài chính đặc thù cho thành phố Hà Nội, trong đó có nội dung cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận để hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, đã có một số quận đề xuất được hỗ trợ cho một số huyện. Qua rà soát của cơ quan tài chính và kế hoạch đầu tư, hiện nay chỉ có quận Hà Đông đảm bảo đủ điều kiện về nguồn vốn hỗ trợ cho huyện Phúc Thọ (sử dụng nguồn ngân sách quận kế hoạch năm 2022) với tổng kinh phí là 2.600 triệu đồng để thực hiện 01 dự án thuộc lĩnh vực y tế.

UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố xem xét, thông qua cho phép quận Hà Đông được sử dụng ngân sách Quận hỗ trợ huyện Phúc Thọ thực hiện xây dựng nông thôn mới theo theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội để thực hiện 01 dự án thuộc lĩnh vực y tế với kinh phí là 2.600 triệu đồng như trên.

(Chi tiết tại Phụ lục 7 kèm theo)

HĐND và UBND các quận thực hiện thủ tục quyết định hỗ trợ tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. HĐND và UBND các huyện có dự án được hỗ trợ tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phát huy hiệu quả đầu tư và tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Hg

PHẦN II

CẬP NHẬT MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 23/09/2021, HĐND Thành phố đã quyết nghị Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của Thành phố tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Căn cứ Luật Ngân sách năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019, triển khai Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố cho phép cập nhật một số nội dung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố như sau:

1. Cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của Thành phố đối với các dự án sử dụng ngân sách Trung ương.

Tại Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội và Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước 2021-2025, thành phố Hà Nội được giao vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 là **29.803.154** triệu đồng, trong đó: vốn trung ương nước ngoài (vốn ODA cấp phát) là 23.865.500 triệu đồng cho 06 dự án; vốn trung ương trong nước là 5.937.654 triệu đồng gồm: 1.031.575 triệu đồng vốn thu hồi các khoản ứng trước ngân sách trung ương cho 16 dự án và dự kiến 4.906.079 triệu đồng ngân sách trung ương trong nước cho các dự án liên kết vùng, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương nhưng không có danh mục dự án cụ thể do các dự án chưa có thủ tục đầu tư để đủ điều kiện bố trí vốn.

Tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, HĐND Thành phố đã quyết nghị kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025: đối với vốn ngân sách trung ương nước ngoài (ODA cấp phát), chi tiết mức vốn cho 06 dự án như Trung ương giao; đối với phần vốn ngân sách trung ương trong nước mức vốn trung ương trong nước dự kiến là 5.937.654 triệu đồng, trong đó thu hồi vốn ứng trước ngân sách trung ương là 1.031.575 triệu đồng *nhưng chưa có danh mục dự án cụ thể*; đồng thời, giao UBND Thành phố giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cho các dự án có sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo đúng các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo các Bộ, HĐND Thành phố theo đúng quy định.

Hiện nay, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND Thành phố về giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của Thành phố, trong đó, đã thực hiện giao danh mục dự án, kế hoạch vốn chi tiết cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương nước ngoài (vốn ODA) theo như Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và danh mục HĐND Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.



Trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố:

- 03/04 dự án (Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai; Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình; Xây dựng cầu Vân phúc và đường nối ra Quốc lộ 32) thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ thực tế của dự án tại Nghị quyết.

- 01/04 dự án (Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32 đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà) đã được phân bổ vốn chi tiết phần ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.

Về thủ tục đầu tư, 03 dự án (Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai; Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình; Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32 đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà) đã được HĐND Thành phố quyết nghị chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND Thành phố ngày 23/9/2021, đủ điều kiện để bố trí vốn trung hạn theo quy định.

Do vậy, để hoàn thiện kế hoạch 2021-2025 của Thành phố và theo quy định Luật đầu tư công, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua:

- Phương án phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) là 1.031.575 triệu đồng cho 16 dự án thu hồi vốn ứng trung ương theo đúng như Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021.

(Chi tiết tại Phụ lục 8 kèm theo)

- Cập nhật kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố sử dụng vốn ngân sách trung ương trong nước sau khi được Trung ương giao bổ sung kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 cho các dự án bao gồm: Nguồn Ngân sách Trung ương theo đúng mức vốn Trung ương giao và Ngân sách Thành phố phân đối ứng phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao.

(Chi tiết tại Phụ lục 9 đính kèm).

2. Cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đối với các dự án sử dụng ngân sách Thành phố:

- Cập nhật, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố khởi công mới giai đoạn 2022-2025 đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định để phù hợp với Nghị quyết của HĐND Thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố tại kỳ họp HĐND Thành phố cuối năm 2021. Danh mục các dự án này thuộc danh mục các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021-2025

đã được HĐND Thành phố phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 (thời điểm đó chưa đủ thủ tục và điều kiện để bố trí vốn chi tiết cho từng dự án). Hiện nay, UBND Thành phố đang trình HĐND Thành phố phê duyệt chương đầu tư các dự án. Do vậy, để đảm bảo việc cập nhật kế hoạch vốn trung hạn đối với các dự án này sát với Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, UBND Thành phố đề xuất: Cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đối với các dự án đã đủ thủ tục.

(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục 10 đính kèm).

- Cập nhật danh mục dự án dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 đối với dự án Xây dựng bệnh viện Nhiệt đới Hà Nội, dự kiến quy mô 500 giường tại vị trí trước đây dự kiến đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa 1.000 giường Mê Linh.

- Cập nhật danh mục các dự án trọng điểm giai đoạn 2021-2025 có sử dụng ngân sách nhà nước vào danh mục các dự lớn khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ thực tế của dự án.

(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục 11 đính kèm).

- Bổ sung trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố từ nguồn dự phòng để hỗ trợ thực hiện các dự án nâng cấp tuyến y tế cơ sở. Trong đó, năm 2022 dự kiến cân đối 1.000.000 triệu đồng. Phần kinh phí còn lại sẽ được chuẩn xác và cân đối sau khi Kế hoạch đầu tư nâng cấp y tế tuyến cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cập nhật danh mục dự án thuộc Chương trình hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII trên cơ sở dự án đảm bảo đủ thủ tục đầu tư và phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ đã được HĐND quyết nghị tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND và khả năng cân đối nguồn vốn Kế hoạch năm 2022.

Kính đề nghị HĐND Thành phố cho phép UBND Thành phố tiếp tục phối hợp với Ban Kinh tế Ngân sách, trong quá trình hoàn thiện, ban hành nội dung về cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 trong Nghị quyết của HĐND Thành phố sẽ cập nhật danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn của các dự án đảm bảo thống nhất với danh mục dự án được HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại kỳ họp của HĐND Thành phố.

Theo Quyết định 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, có một số nhiệm vụ chuyển từ cấp huyện sang cấp Thành phố (thay thế Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016). Trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án sử dụng vốn đầu tư công ngân sách cấp huyện đã được HĐND cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư; các huyện đề xuất được tiếp tục sử dụng ngân sách cấp huyện để thực hiện các dự án đó (trước là nhiệm vụ của cấp huyện, nay là nhiệm vụ của cấp Thành phố) và cấp huyện được phép tiếp tục triển khai các thủ tục đầu tư dự án và tổ chức

thực hiện các bước tiếp theo quy định của Luật Đầu tư công. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp trong quá trình triển khai thực hiện, UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố chấp thuận đề xuất trên của các huyện.

PHẦN III

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I. Đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020

1. Thông tin về các dự án

- Theo Nghị quyết 15 ngày 04/12/2017 của HĐND Thành phố, danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020 gồm 55 công trình, trong đó: 31 dự án Ngân sách và ODA; 22 dự án PPP và 02 dự án xã hội hóa (XHH).

- Theo Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch tiến độ triển khai các công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020, trong đó 33 dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020, gồm 23 dự án Ngân sách, 09 dự án PPP, 01 dự án XHH; 22 dự án hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2016-2020, thực hiện đầu tư và hoàn thành sau năm 2020.

2. Kế hoạch vốn trung hạn và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn

Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao 31.672 tỷ đồng, giải ngân được 25.413 tỷ đồng (đạt 80,2%). Kế hoạch vốn năm 2021 giao 10.156,37 tỷ đồng, đến hết tháng 11/2021 là 3.351,093 tỷ đồng (đạt 34%), trong đó vốn trong nước giải ngân được 1.817,702 tỷ đồng (đạt 62%).

3. Kết quả, tiến độ triển khai

- Các dự án hoàn thành theo mục tiêu ban đầu (11 dự án Ngân sách).
- Các dự án đang thi công xây dựng (15 dự án, gồm 12 dự án Ngân sách và ODA, 03 dự án PPP).
- Các dự án đang chuẩn bị thực hiện và hoàn thiện thủ tục (12 dự án, gồm 5 dự án Ngân sách, ODA; 06 dự án PPP; 01 dự án XHH).
- Các dự án chưa triển khai thủ tục đầu tư (17 dự án, gồm 03 dự án Ngân sách, ODA; 13 dự án PPP và 01 dự án XHH).

Số dự án hoàn thành theo mục tiêu ban đầu đề ra là **11/33 dự án (đạt 33,33%)**.

4. Khó khăn, vướng mắc

- Công tác GPMB, tái định cư, người dân không đồng thuận, khiếu kiện, làm chậm quá trình thi công dự án.
- Năng lực đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công và của Chủ đầu tư còn hạn chế dẫn đến quá trình thực hiện còn lúng túng, tiến độ chậm.

- Một số dự án phải điều chỉnh thiết kế - dự toán, điều chỉnh dự án.
- Các thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA kéo dài, kế hoạch vốn ODA hàng năm không được bố trí đủ và kịp thời làm chậm thanh toán cho các nhà thầu dẫn đến tiến độ thi công bị ảnh hưởng.
- Tiến độ một số dự án (Dự án Cầu hầm chui Trần Hưng Đạo qua sông Hồng, 02 dự án Trục dọc sông Hồng đoạn từ cầu Thượng Cát đến cầu Thanh Trì bờ trái và bờ phải) phụ thuộc vào đồ án Quy hoạch chi tiết dọc hai bên sông Hồng hiện chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các dự án đầu tư theo hình thức PPP thủ tục triển khai phức tạp, năm 2018-2019 dừng thanh toán theo Luật Quản lý tài sản công; các dự án đầu tư theo hình thức BT phải dừng thực hiện theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

II. Danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025

1. Nguyên tắc đưa các dự án vào danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025

Dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025 là dự án tiêu biểu có ý nghĩa lớn với Thủ đô, dự án thuộc lĩnh vực quan trọng có tính chất lan tỏa, thúc đẩy kinh tế - xã hội và có tính khả thi cao trong giai đoạn 2021-2025; Danh mục công trình trọng điểm cần đảm bảo hài hòa giữa các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội (giáo dục, đào tạo; y tế; an sinh xã hội, kinh tế số, bảo vệ môi trường...), giữa các địa bàn theo quan điểm phát triển đồng đều; phù hợp với các quy hoạch có liên quan, hình thức đầu tư, khả năng cân đối các nguồn lực của Thành phố và huy động nguồn lực xã hội hóa; có tính khả thi trong triển khai thực hiện và sắp xếp thứ tự ưu tiên theo từng lĩnh vực, địa bàn.

2. Danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025

- Đối với các dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành phố 2016-2020: Căn cứ kết quả đánh giá tình hình thực tế triển khai các dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành phố 2016-2020, UBND Thành phố đề xuất:

+ Các dự án có ý nghĩa lớn với Thủ đô và hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025; Các dự án lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội thời gian tới: Đề xuất tiếp tục đưa vào danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025 là **17 dự án**.

+ Các dự án đã hoàn thành và cơ bản hoàn thành; các dự án phải điều chỉnh quy hoạch (dự án hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng, dự án trục dọc sông Hồng bờ trái và bờ phải,...); các dự án PPP dừng triển khai thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và chưa có khả năng triển khai; các dự án có quy mô không lớn có khả năng sớm hoàn thành: Đề xuất không đưa vào danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025 là **38 dự án**.

- Trên cơ sở nguyên tắc nêu trên, rà soát các dự án trong danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2016-2020, UBND Thành phố đề xuất **39 dự án** thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2021-2025 thuộc 10 lĩnh vực, trong đó:

- Theo tiến độ triển khai thực hiện: **17 dự án hoàn thành** trong giai đoạn 2021-2025 và **22 dự án triển khai đầu tư** trong giai đoạn 2021-2025 và hoàn thành sau năm 2025.

- Theo ngành, lĩnh vực: **Lĩnh vực Y tế**: 03 dự án; **Lĩnh vực văn hóa xã hội**: 08 dự án; **Lĩnh vực giáo dục đào tạo**: 02 dự án; **Lĩnh vực công nghệ thông tin**: 01 dự án; **Lĩnh vực môi trường**: 03 dự án; **Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước**: 02 dự án; **Lĩnh vực thủy lợi kết hợp thoát nước đô thị**: 02 dự án; **Lĩnh vực giao thông**: 15 dự án; **Lĩnh vực công nghiệp**: 01 dự án; **Lĩnh vực thương mại - dịch vụ**: 02 dự án.

- Theo nguồn vốn, hình thức đầu tư: 32 dự án Ngân sách và ODA (trong đó: Dự án đầu tư Xây dựng đường vành đai 4 - vùng Thủ đô kết hợp giữa các nguồn vốn NSTP + NSTW + PPP; Dự án cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên kết hợp giữa các nguồn vốn NSTP + PPP; Dự án đầu tư Cầu Trần Hưng Đạo kết hợp giữa các nguồn vốn NSTP + PPP; Dự án đầu tư Đền thờ Ngô Quyền kết hợp giữa các nguồn vốn Ngân sách huyện Đông Anh + XHH); 01 dự án đầu tư theo hình thức PPP; 05 dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa; 01 dự án đầu tư kết hợp giữa nguồn vốn FDI + XHH.

(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục 13 đính kèm).

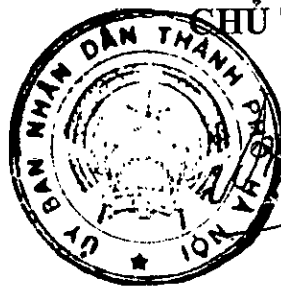
Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố năm 2022; cập nhật một số nội dung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 của Thành phố; danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 của Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy; *K*
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng CV;
- Lưu: VT, KT. *Thái*

60

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Chu Ngọc Anh

**DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
VÀ CẬP NHẬT MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025, DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM
CỦA THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Tên Phụ lục	Số Phụ lục
A	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022	
1	Dự kiến tổng nguồn vốn và phương án kế hoạch vốn năm 2022 của Thành phố	Phụ lục 1
2	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách Thành phố cho các dự án XDCB cấp Thành phố (gồm các dự án XDCB tập trung; theo cơ chế đặc thù từ đất và huy động vốn từ tổ chức, cá nhân)	Phụ lục 2
3	Kế hoạch vốn năm 2022 các dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương trong nước	Phụ lục 3
4	Danh mục các dự án ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT năm 2022	Phụ lục 4
5	Danh mục dự án đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thành phố năm 2022	Phụ lục 5
6	Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện, thị xã năm 2022; Cập nhật Kế hoạch trung hạn đầu tư công 5 năm 2021-2025	Phụ lục 6
7	Ngân sách quận hỗ trợ huyện năm 2022	Phụ lục 7
B	CẬP NHẬT MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025	
8	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) để thu hồi vốn ứng ngân sách trung ương	Phụ lục 8
9	Danh mục dự án XDCB sử dụng vốn NSTW trong nước cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025	Phụ lục 9
10	Danh mục dự án XDCB sử dụng vốn ngân sách Thành phố cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025	Phụ lục 10
11	Cập nhật danh mục dự án XDCB tập trung cấp Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025	Phụ lục 11
12	Cập nhật phân bổ Kế hoạch vốn năm 2021 và Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 đối với các dự án thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt	Phụ lục 12
C	DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
13	Đề xuất danh mục các dự án thuộc công trình trọng điểm của Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025	Phụ lục 13

Phụ lục 1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CỦA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số **343** /BC-UBND ngày 01/12/2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số dự án	Dự kiến nguồn vốn và Kế hoạch 2022		Ghi chú
			Kinh phí	Tỷ lệ%	
A	<u>NGUỒN VỐN NĂM 2022</u>				
A1	<u>TỔNG NGUỒN VỐN NĂM 2022 TRUNG ƯƠNG DỰ KIẾN GIAO CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI</u>		51.582.952		
	Vốn cân đối ngân sách địa phương		47.385.327		
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		15.585.955		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		20.000.000		
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		430.000		
4	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn DN địa phương		7.920.672		
5	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		3.448.700		
	Vốn ngân sách Trung ương		4.197.625		
1	Thu hồi các khoản ứng trước (vốn trong nước)		395.124		
2	Vốn nước ngoài		3.802.501		
A2	<u>PHƯƠNG ÁN NGUỒN KẾ HOẠCH 2022 CỦA TP HÀ NỘI</u>		51.582.952		
A2.1	NGUỒN VỐN CHI TRẢ NỢ		510.000		
1	Dành nguồn chi đầu tư phát triển để chi trả nợ lãi, phí các khoản vay		510.000		
A2.2	NGUỒN VỐN PHÂN BỐ		51.072.952		
I	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ		34.376.949		
1	Đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) trong nước		27.396.398		
1,1	Từ nguồn XDCB tập trung		6.554.152		
1,2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		9.096.450		
1,3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		430.000		
1,4	Đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn DN địa phương		7.920.672		
1,5	Đầu tư từ nguồn cải cách tiền lương		3.000.000		
1,6	Từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước)		395.124		
2	Đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) nguồn nước ngoài		5.157.901		
2,1	Nguồn ODA cấp phát		1.355.400		
2,2	Nguồn ODA vay lại		3.802.501		
3	Vốn đầu tư trở lại cho các quận, huyện, thị xã từ tiền thuê đất trả tiền một lần		822.650		
4	Vốn đầu tư khác		1.000.000		
II	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		16.696.003		
B	<u>PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022</u>		51.072.952		
B.1	<u>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ</u>	575	34.376.949	100%	
I	Bố trí vốn thu hồi ứng trước, thanh quyết toán, nhiệm vụ quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác...		7.412.498	21,6%	
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước ngân sách Trung ương đến hết Kế hoạch năm 2021 chưa bố trí nguồn để thu hồi		395.124	1,1%	Phụ lục 3
2	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố		522.100	1,5%	

STT	Nội dung	Số dự án	Dự kiến nguồn vốn và Kế hoạch 2022		Ghi chú
			Kinh phí	Tỷ lệ%	
3	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành		100.000	0,3%	Giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt
4	Bổ trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch		200.000	0,6%	
5	Bổ trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư		50.000	0,1%	
6	Bổ trí nguồn vốn bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất		1.429.274	4,2%	
7	Bổ trí nguồn vốn thực hiện dự án GPMB, xây dựng hạ tầng đầu giá các khu đầu giá quyền sử dụng đất cấp Thành phố		1.000.000	2,9%	
8	Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất đối ứng cho các dự án BT		770.000	2,2%	Phụ lục 4
9	Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm và Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất		1.000.000	2,9%	
10	Hỗ trợ địa phương bạn và ngành dọc (dự kiến năm 2022 hỗ trợ xây dựng trụ sở công an xã 346 tỷ đồng)		446.000	1,3%	
11	Dự phòng đầu tư công		1.500.000	4,4%	
II	Vốn phân bổ thực hiện dự án đầu tư công Thành phố	148	15.921.801	46,3%	
II.1	Vốn phân bổ dự án XCDB tập trung cấp Thành phố	141	15.418.801	44,9%	Phụ lục 2
1	Vốn trong nước	136	10.260.900	29,8%	
2	Vốn nước ngoài (ODA)	5	5.157.901	15,0%	
	- ODA cấp phát		3.802.501	11,1%	
	- ODA vay lại		1.355.400	3,9%	
	Phân bổ theo các ngành, lĩnh vực như sau:	141	15.418.801		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	103	12.908.301		
	Dự án khởi công mới năm 2021	22	1.666.000		
	Dự án khởi công mới năm 2022	16	844.500		
(1)	Lĩnh vực quốc phòng	2	155.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	2	155.000		
(2)	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	5	127.500		
	Dự án khởi công mới năm 2021	2	11.500		
	Dự án khởi công mới năm 2022	3	116.000		
(3)	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	4	92.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	2	55.000		
	Dự án khởi công mới năm 2021	1	12.000		
	Dự án khởi công mới năm 2022	1	25.000		
(4)	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	3	373.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	3	373.000		
(5)	Lĩnh vực văn hóa thông tin	4	493.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	4	493.000		
(6)	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn	2	28.500		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	1	20.000		
	Dự án khởi công mới năm 2021	1	8.500		
(7)	Lĩnh vực thể dục, thể thao	1	18.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	1	18.000		
(8)	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	3	2.270.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	3	2.270.000		
(9)	Các hoạt động kinh tế	107	11.398.801		

STT	Nội dung	Số dự án	Dự kiến nguồn vốn và Kế hoạch 2022		Ghi chú
			Kinh phí	Tỷ lệ%	
(9.1)	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, đê điều, thủy lợi	18	2.077.600		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	9	1.604.100		
	Dự án khởi công mới năm 2021	5	415.000		
	Dự án khởi công mới năm 2022	4	58.500		
(9.2)	Lĩnh vực giao thông	87	9.049.173		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	66	7.185.173		
	Dự án khởi công mới năm 2021	13	1.219.000		
	Dự án khởi công mới năm 2022	8	645.000		
(9.3)	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước	2	272.028		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	2	272.028		
(10)	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1	200.000		
	Dự án chuyển tiếp 2016-2020	1	200.000		
(11)	Lĩnh vực khác	9	263.000		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	9	263.000		
II.2	Bổ trí vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức	1	15.000	0,04%	Phụ lục 2
II.3	Bổ trí vốn thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù	6	488.000	1,4%	Phụ lục 2
III	Hỗ trợ các huyện, thị xã thực hiện các Chương trình, dự án	427	10.220.000	29,7%	
III.1	Vốn bố trí thực hiện dự án thuộc CTMT quốc gia	17	1.240.000	3,6%	
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững		1.000.000	2,9%	Chưa phân chi tiết
2	CTMT quốc gia phát triển kinh tế dân tộc miền núi	17	240.000	0,7%	Phụ lục 5
III.2	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	410	8.980.000	26,1%	Phụ lục 6
	Dự án đủ điều kiện thủ tục thực hiện từ đầu năm	410	6.980.000		
1	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn	194	3.234.200	9,4%	
2	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích	55	618.700	1,8%	
3	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố	20	304.300	0,9%	
4	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kinh tế (đường giao thông, kênh mương tưới tiêu...)	141	2.822.800	8,2%	
	Dự nguồn vốn bố trí khi dự án đủ điều kiện thực hiện		2.000.000		
1	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích		1.000.000	2,9%	Chưa phân chi tiết
2	Hỗ trợ xây dựng nâng cấp tuyến y tế cơ sở		1.000.000	2,9%	
IV	Chi đầu tư trở lại cho các quận, huyện, thị xã từ tiền thuê đất trả tiền một lần		822.650	2,4%	
B.2	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN		16.696.003		

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CHO CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN NHIỆM VỤ CHI CẤP THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số **343** /BC-UBND ngày **01/12/2021** của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025				Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tổng số		Trong đó nguồn cải cách tiền lương				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	10	106	32					134.097.551	85.955.201	14.445.948		48.281.978	15.921.801	3.000.000	46			
A	CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ	9	101	31					130.737.380	84.489.201	14.100.948		46.687.510	15.418.801	3.000.000	46			
	Trong đó:																		
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	9	81	13					122.594.539	78.533.701	13.347.448	30.000	45.963.654	12.908.301	2.599.300	27			
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		20	18					8.142.841	5.955.500	753.500	(30.000)	723.856	2.510.500	400.700	19			
	Dự án khởi công mới năm 2021		15	7					5.238.833	4.173.000	753.500	(30.000)	723.856	1.666.000	400.700	9			
	Dự án khởi công mới năm 2022		5	11					2.904.008	1.782.500				844.500		10			
*	Các dự án ODA	3	2						70.177.144	55.947.701	8.427.577	(2.700)	24.961.544	5.893.901					
	ODA cấp phát								38.541.786	23.404.201	6.175.207		12.633.632	3.802.501					
	ODA vay lại								19.751.346	24.681.500	1.596.200		7.194.449	1.355.400					
	Vốn trong nước								11.884.012	7.862.000	656.170	(2.700)	5.133.463	736.000					
*	Các công trình trọng điểm 2016-2020 (ngoài ODA)	5	10						28.555.110	11.491.000	2.269.475	36.900	11.380.952	3.426.000		3			
I	Lĩnh vực quốc phòng		2						612.076	420.000	105.000		223.999	155.000					
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		2						612.076	420.000	105.000		223.999	155.000					
1	STĐ.02		1		Nam Từ Liêm	2020-2022	S=1,790m2	3338/QĐ-BQP 7/8/2019 (ĐT); 1575/QĐ-BQP 18/5/2020	450.000	275.000	70.000		188.000	85.000			Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		
2	Mua sắm phương tiện trang bị, công cụ hỗ trợ phòng, chống khủng bố và làm nhiệm vụ A2		1		Nam Từ Liêm	2020-2022	Mua sắm trang thiết bị	2759/QĐ-BQP 05/9/2020	162.076	145.000	35.000		35.999	70.000			Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																		
II	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1	4						851.410	436.000	13.500		13.500	127.500		4			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020																		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		1	4					851.410	436.000	13.500		13.500	127.500		4			
a	Dự án khởi công mới năm 2021			2					32.208	25.000	13.500		13.500	11.500		2			
I	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Đại Kim, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Hoàng Mai	2019-2022	3.278m2	120/QĐ-UBND 11/1/2021	13.975	11.000	6.500		6.500	4.500		1	Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giso	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Hoàng Mai	2019-2022	4.743m2	1931/QĐ-UBND 29/4/2021	18.233	14.000	7.000		7.000	7.000		1	Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	
b.2	Dự án khởi công mới năm 2022		1	2					819.202	411.000				116.000		2		
1	Xây dựng trụ sở làm việc đồn Công an Viên An, huyện Ứng Hòa, thuộc công an TPHN			1	Ứng Hòa	2020-2022	645,6 m2	5890/QĐ-UBND 23/10/2019 (CTĐT); 4243/QĐ-UBND 23/9/2021	7.039	6.000				6.000		1	Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	
2	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Ba Vì	2020-2022	2.417m2	6257/QĐ-UBND 15/11/2018 (CTĐT); 4247/QĐ-UBND 24/9/2021	13.163	10.000				10.000		1	Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	
3	Nhà hát Hồ Gươm (Bộ Công an)		1		Hoàn Kiếm	2021-2025	Phòng biểu diễn chính 900 chỗ, phòng biểu diễn phụ 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2577/QĐ-BCA-H01 16/4/2021; 7514/QĐ-BCA-H02 17/9/2021	799.000	395.000				100.000			Cục Hậu Cần - Bộ Công an	NS TP 50% TMĐT
III	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		2	2					244.842	161.000	55.000		95.356	92.000	55.000	3		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		2						174.830	105.000	45.000		85.000	55.000	55.000	2		
1	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng		1		Đan Phượng	2019-2021	24 phòng học lý thuyết, 4 phòng học bộ môn và các công trình phụ trợ	6053/QĐ-UBND 30/10/2019	111.970	75.000	30.000		50.000	40.000	40.000	1	UBND huyện Đan Phượng	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2019-2021	26 phòng học, xây mới 01 nhà tập dượt, nhà cầu nối 2 tầng và các phòng chức năng	6130/QĐ-UBND 31/10/2019	62.860	30.000	15.000		35.000	15.000	15.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			2					70.012	56.000	10.000		10.356	37.000		1		
b.1	Dự án khởi công mới năm 2021			1					27.404	23.000	10.000		10.356	12.000		1		
1	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non B, quận Hoàn Kiếm			1	Hoàn Kiếm	2020-2021	18 phòng học	217/QĐ-UBND 13/01/2021	27.404	23.000	10.000		10.356	12.000		1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b.2	Dự án khởi công mới năm 2022			1					42.608	33.000				25.000				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Bắc Từ Liêm			1	Bắc Từ Liêm	2020-2023	Xây mới với tổng diện tích sàn 2.066 m2	25/NQ-HĐND 04/12/2019; 5345/QĐ-UBND 30/11/2020; 5001/QĐ-UBND 26/11/2021	42.608	33.000				25.000			UBND quận Bắc Từ Liêm	
IV	Lĩnh vực khoa học, công nghệ																	
V	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		3						1.937.911	1.185.000	207.000		591.247	373.000	163.000			
VI	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		3						1.937.911	1.185.000	207.000		591.247	373.000	163.000			
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, TP Hà Nội, giai đoạn 1		1		Thường Tín	2012-2021	300 giường	5060/QĐ-UBND 28/10/2011; 6745/QĐ-UBND 22/11/2019	684.486	440.000	170.000		286.028	160.000	100.000		Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án đầu tư Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội - giai đoạn 1		1		Hà Đông	2021-2024	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015; 831/QĐ-UBND 10/02/2017 (Chuyển CBT); 5049/QĐ-UBND 30/11/2021	784.433	650.000	5.000		23.139	150.000			Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2022	440 giường	6024/QĐ-UBND 31/10/2018; 4947/QĐ-UBND 23/11/2021	468.992	95.000	32.000		282.080	63.000	63.000		Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	
IV	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
VI	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1	2	1					2.389.861	1.625.000	372.000		720.813	493.000				
VI	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	1	2	1					2.389.861	1.625.000	372.000		720.813	493.000				
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Chính trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng Thành Thăng Long		1		Ba Đình	2015-2021	5,78ha	5079/QĐ-UBND 02/10/2014; 6069/QĐ-UBND 31/10/2019	226.599	170.000	20.000		55.447	88.000			Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trung bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-2021	54.150 m2	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012; 1207/QĐ-UBND 25/3/2020; 4135/QĐ-UBND 16/9/2020	771.984	400.000	2.000		290.258	100.000			Bảo tàng Hà Nội	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Công trình trọng điểm 2016 - 2020: Xây dựng Cung Thiếu nhi Hà Nội	1			Cầu Giấy, Nam Từ Liêm	2020-2024	Nhà hát 800 chỗ, rạp chiếu phim 200 chỗ, nhà thi đấu 500 chỗ, bể bơi 10 làn, nhà học, thư viện	4493/QĐ-UBND 29/8/2014; 4608/QĐ-UBND 14/10/2020	1.376.465	1.050.000	350.000		370.508	300.000			Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	
4	Dự án Bảo tồn nhà Cúc tác chiến và từng bước hoàn trả không gian Điện Kính Thiên			1	Ba Đình	2017-2019	3915,7m2	6770/QĐ-UBND 28/9/2017; 129/QĐ-UBND 08/01/2019	14.813	5.000			4.590	5.000			Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	Đã hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
VII	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin		1	1					139.674	41.000	12.000		56.000	28.500				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		1						98.554	20.000			44.000	20.000				
1	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	Chuyển đổi công nghệ sản xuất truyền dẫn phát sóng phát thanh	2606/QĐ-UBND 17/5/2019; 685/QĐ-UBND 8/2/2021	98.554	20.000			44.000	20.000			Đài phát thanh - truyền hình Hà Nội	NSTP (74 tỷ đồng chiếm 75% TMBT) và phần còn lại từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Đài; Đang làm thủ tục điều chỉnh dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1					41.120	21.000	12.000		12.000	8.500				
b.1	Dự án khởi công mới năm 2021			1					41.120	21.000	12.000		12.000	8.500				
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất tại Trung tâm Truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội tại đường Sa Đới phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm phục vụ bàn giao Trụ sở 32 Tô Hiệu, Hà Đông cho Báo Nhân dân.			1	Nam Từ Liêm	2019-2021	Cải tạo nhà xe 1 tầng thành nhà làm việc 2 tầng; xây mới nhà làm việc 2 tầng và trường quay quy mô 1 tầng	1730/QĐ-UBND 27/4/2020	41.120	21.000	12.000		12.000	8.500			Đài phát thanh - truyền hình Hà Nội	Phần còn lại từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Đài; Đang làm thủ tục điều chỉnh dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b.2	Dự án khởi công mới năm 2022																	
VIII	Lĩnh vực thể dục, thể thao		1						101.589	55.000	37.000		73.557	18.000			1	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		1						101.589	55.000	37.000		73.557	18.000			1	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Cải tạo, nâng cấp công trình sân diễn kinh ngoài trời và hạ tầng kỹ thuật khuôn viên Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021.		1		Nam Từ Liêm	2020-2021	39470m2	2990/QĐ-UBND 06/7/2020	101.589	55.000	37.000		73.557	18.000		1	Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
EX	Lĩnh vực môi trường	2	1						19.116.896	7.000.000	2.206.297		5.731.658	2.270.000		1		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	2	1						19.116.896	7.000.000	2.206.297		5.731.658	2.270.000		1		
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013;	16.293.444	5.800.000	2.100.000		4.187.894	2.100.000			BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	KHV theo dự kiến kế hoạch vốn trung ương giao. Hiệp định vay vốn đến tháng 6/2022
	Vốn nước ngoài (ODA)							7574/QĐ-UBND 31/10/2017	13.709.042	5.000.000	2.000.000		3.650.824	1.950.000				
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)																	
	Vốn trong nước								2.584.402	800.000	100.000		537.070	150.000				
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Khu LHXLC T Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội		1		Sóc Sơn	2012-2021	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019; 957/QĐ-UBND 04/3/2020; 1009/QĐ-UBND 01/3/2021	1.487.018	400.000	100.000		1.117.042	70.000		1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
3	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			Hà Nội	2015-2022	101.356ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND 27/11/2014; 2122/QĐ-UBND 26/5/2020; 4287/QĐ-UBND 29/9/2021	1.336.434	800.000	6.297		426.722	100.000			Sở Tài nguyên và Môi trường	Nguồn vốn NSTP từ nguồn thu tiền sử dụng đất
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
X	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	6	81	20					103.000.810	72.493.201	10.655.151		38.151.547	11.398.801	2.582.000	33		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	6	62	9					95.820.511	67.050.701	9.937.151	30.000	37.463.547	9.061.301	2.181.300	19		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		19	11					7.180.299	5.442.500	718.000	(30.000)	688.000	2.337.500	400.700	14		
b.1	Dự án khởi công mới năm 2021		15	3					5.138.101	4.104.000	718.000	(30.000)	688.000	1.634.000	400.700	6		
b.2	Dự án khởi công mới năm 2022		4	8					2.042.198	1.338.500				703.500		8		
X.1	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2	10	6					11.262.906	3.463.000	694.500		7.143.581	2.077.600	179.700	12		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	2	5	2					10.047.204	2.574.500	564.500		7.013.581	1.604.100	129.000	7		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		5	4					1.215.702	888.500	130.000		130.000	473.500	50.700	5		
b.1	Dự án khởi công mới năm 2021		5						1.149.699	830.000	130.000		130.000	415.000	50.700	1		
b.2	Dự án khởi công mới năm 2022			4					66.003	58.500				58.500		4		
X.1.1	Lĩnh vực đa điều		2	5					453.029	170.000	27.000		261.048	140.100		7		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		1	1					281.139	26.500	7.000		241.048	16.600		2		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Hồng và hữu Đà, huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2012-2021	L = 3.827,6 m	5076/QĐ-UBND 31/10/2011; 2983/QĐ-UBND 10/6/2016; 5492/QĐ-UBND 12/10/2018; 2587/QĐ-UBND 14/6/2021	231.417	20.000	7.000		201.538	13.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đã sắp hết thời gian thực hiện dự án; Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội			1	Ba Vì	2018-2019	l = 2.144 m	6151/QĐ-UBND 31/8/2017	49.722	6.500			39.510	3.600		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đã hết thời gian thực hiện; Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1	4					171.890	143.500	20.000		20.000	123.500		5		
b.1 Dự án khởi công mới năm 2021			1						105.887	85.000	20.000		20.000	65.000		1		
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Điểm), huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2021-2022	L = 13.294 m	772/QĐ-UBND 18/02/2021	105.887	85.000	20.000		20.000	65.000		1	UBND huyện Thường Tín	
b.2 Dự án khởi công mới năm 2022				4					66.003	58.500				58.500		4		
1	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ kè Nhạn Tái, huyện Đông Anh đoạn tương ứng từ K3+600 đến K4+250 đê hữu Cà Lồ			1	Đông Anh	2021	L = 645m	1253/QĐ-SNN 15/10/2021	15.721	14.000				14.000		1	Sở NN&PTNT	Các DA được triển khai theo trình tự, thủ tục: UBND TP công bố tình huống xử lý khẩn cấp; GĐ Sở NN&PTNT quyết định phương án xử lý cấp bách và quyết định phê duyệt dự án theo ủy quyền tại Công văn số 1200/UBND-KT ngày 26/3/2019 của UBND TP).
2	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2021	L = 1247m	1375/QĐ-SNN 29/10/2021	28.634	25.000				25.000		1	Sở NN&PTNT	
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở chân đê thượng lưu đê hữu Đáy đoạn từ K5+770 đến K5+990 và đoạn từ K6+020 đến K6+310, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội			1	Quốc Oai	2021	L = 508m	1013/QĐ-SNN 06/9/2021	3.821	3.500				3.500		1	Sở NN&PTNT	
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ kè Linh Chiểu tương ứng từ K32+600 đến K32+850 đê hữu Hồng, xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ			1	Phúc Thọ	2021	L = 280m	1012/QĐ-UBND 06/9/2021	17.827	16.000				16.000		1	Sở NN&PTNT	
X.1.2 Lĩnh vực thủy lợi		2	8	1					10.809.877	3.293.000	667.500		6.882.533	1.937.500	179.700	5		
a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		2	4	1					9.766.065	2.548.000	557.500		6.772.533	1.587.500	129.000	5		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hà Đông	2013-2022	Tiêu 6300ha	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND 10/6/2021	4.722.852	1.600.000	320.000		3.005.904	1.043.000		1	Sở NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
2	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2010-2021	Tiêu 1.390ha	109/QĐ-UBND 11/01/2010; 4397/QĐ-UBND 08/9/2010; 3293/QĐ-UBND 19/6/2019; 276/QĐ-UBND 14/1/2021	161.715	18.000	5.500		126.231	12.500			1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Đang làm thủ tục điều chỉnh dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
3	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà		1		Ứng Hòa	2011-2022	L = 2.500 m	5370/QĐ-UBND 29/10/2010; 599/QĐ-UBND 01/02/2018; 2570/QĐ-UBND 11/6/2021	166.126	41.000	19.000		128.018	19.000	19.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội		1		Chương Mỹ	2019-2021	Tiêu 200ha; Tưới 1.980ha	6055/QĐ-UBND 31/10/2019	144.675	65.000	30.000		73.500	35.000	35.000			Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Đang làm thủ tục điều chỉnh dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
5	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai (trạm bơm tiêu Yên Sơn), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội		1		Quốc Oai	2019-2022	Tiêu 1490ha	6129/QĐ-UBND 31/10/2019	246.942	120.000	45.000		120.500	75.000	75.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
6	Cải tạo thoát nước sông Pheo, quận Bắc Từ Liêm			1	Bắc Từ Liêm	2012-2021	6.450m	5668/QĐ-UBND 20/12/2006; 2913/QĐ-UBND 27/6/2012; 3460/QĐ-UBND 06/6/2017; 1126/QĐ-UBND 11/3/2019; 4993/QĐ-UBND 06/11/2020	69.990	4.000	1.000		50.514	3.000				Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đã sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
7	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì	2011-2020	Tưới 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1801/QĐ-SNN 18/10/2017; 2340/QĐ-SNN 28/11/2017	4.253.765	700.000	137.000		3.267.866	400.000			1	Sở NN&PTNT	Dự án hết thời gian thực hiện. CĐT đang điều chỉnh dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		4						1.043.812	745.000	110.000	-	110.000	350.000	50.700				
b.1	Dự án khởi công mới năm 2021		4						1.043.812	745.000	110.000	-	110.000	350.000	50.700				
1	Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2020-2022	Tiêu 5.759,44 ha; L = 6.995 m	5222/QĐ-UBND 20/11/2020	218.630	150.000	70.000		70.000	80.000				Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát môn, B1, B2,B3), huyện Phúc Thọ		I		Phúc thọ	2021-2022	L = 18,68km	5259/QĐ-UBND 24/11/2020	116.371	100.000	30.000		30.000	40.000			Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
3	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh		I		Mê Linh	2014-2024	Tiêu 6.950ha	6489/QĐ-UBND 28/10/2013; 2807/QĐ-UBND 02/7/2021	454.778	320.000	5.000		5.000	150.000	50.700		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
4	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mỗi trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín		I		Thường Tín	2021-2024	Tiêu chủ động 1.214ha; hỗ trợ tiêu 3.000ha	5520/QĐ-UBND 24/10/2014; 2808/QĐ-UBND 02/7/2021	254.033	175.000	5.000		5.000	80.000			Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
b.2 Dự án khởi công mới năm 2022																		
X.1.3 Lĩnh vực nông nghiệp																		
X.2 Lĩnh vực công nghiệp, khu công nghiệp và khu kinh tế																		
X.3 Lĩnh vực giao thông																		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	4	55	7					90.008.766	67.820.201	9.820.651	30.000	30.736.884	9.049.173	2.130.272	21		
									84.044.169	63.266.201	9.232.651		30.178.884	7.185.173	1.780.272	12		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)		I		Thanh Trì	2010-2022	L = 3.814 m B = 39-56 m	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 1513/QĐ-UBND 30/3/2011; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND 23/4/2019; 1310/QĐ-UBND 17/3/2021	887.735	320.000	5.200		402.464	70.000	70.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án được bố trí vốn lĩnh hoạt GPMB năm 2021 là 3.600 triệu đồng
2	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín		I		Thường Tín	2019-2022	L=5Km, 1/2 mặt cắt B=13-20,5m	1503/QĐ-UBND 29/3/2019; 1369/QĐ-UBND 22/3/2021	247.268	60.000	20.000		160.000	40.000	40.000		UBND huyện Thường Tín	
3	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội		I		Phủ Xuyên	2015-2020	L=685m; B=44-45m	3084/QĐ-UBND 02/7/2015; 972/NP-ĐT 05/02/2018; 1596/QĐ-UBND 17/4/2020	89.172	20.000	1.000		43.263	3.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án hết thời gian thực hiện. Chi giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
4	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên		I		Phú Xuyên	2013-2021	L=5,6Km, B=12m	5064/QĐ-UBND 31/10/2011; 4012/QĐ-UBND 11/9/2012; 183/QĐ-UBND 10/01/2013; 3683/QĐ-UBND 03/8/2013; 1985/QĐ-UBND 09/5/2018; 1742/QĐ-UBND 28/4/2020	261.820	94.000	1.000		101.298	3.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chi giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

Hé

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Công hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		1		Ba Đình	2009-2022	1040,16mx(25-30,5)m	2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND 07/11/2012; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016; 1696/QĐ-UBND 9/4/2019; 2401/QĐ-UBND 31/5/2021	740.450	140.000	30.000	8.200	255.014	74.772	74.772		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Năm 2021 bổ trí vốn linh hoạt GPMB là 27.028 triệu đồng.
6	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2022	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; 2186/QĐ-TTg 05/12/2014; 1510/QĐ-UBND 02/3/2017; 4036/QĐ-UBND 26/7/2019; 1052/QĐ-UBND 13/3/2020; 2002/QĐ-UBND 13/5/2020	32.910.000	17.740.607	4.934.795		18.899.806	3.530.832	-		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn nước ngoài (ODA)							13.158.810	6.907.607	2.927.785		7.555.002	1.709.609					
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)							13.649.180	7.311.000	1.497.010		7.054.919	1.291.223					
	Vốn trong nước							6.102.010	3.522.000	510.000		4.289.885	530.000					
7	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội		1		Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2022	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thí điểm sử dụng bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND 23/7/2014; 5754/QĐ-UBND 25/10/2018; 7030/QĐ-UBND 10/12/2019; 2297/QĐ-UBND 25/5/2021	1.296.900	1.213.086	534.682	(2.700)	548.156	140.400	-		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
	Vốn nước ngoài (ODA)							813.934	773.086	447.422		450.398	121.400					
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)							355.366	340.000	83.190		84.656	13.000					
	Vốn trong nước							127.600	100.000	4.070	(2.700)	13.102	6.000					
8	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Xây dựng Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	31.120.508	842.100		1.270.814	100.000	-		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	ĐA đang làm thủ tục điều chỉnh TMBT 35.000 tỷ đồng
	Vốn nước ngoài (ODA)							10.860.000	10.723.508	800.000		977.408	21.492					
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)							5.625.000	16.957.000			-	28.508					
	Vốn trong nước							3.070.000	3.440.000	42.100		293.406	50.000					
9	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội		1		Hà Nội	2015-2022	Hỗ trợ CĐT trong công tác quản lý dự án	5941/QĐ-UBND 9/10/2015; 843/QĐ-UBND 19/02/2019	121.800	73.500	16.000		54.874	22.669	-		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn nước ngoài (ODA)																	
	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)							121.800	73.500	16.000		54.874	22.669					
	Vốn trong nước																	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
10	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông quận Ba đình và quận Tây hồ		1		Ba Đình, Tây Hồ	2017-Quý I/2022	L = 270 m B = 10 m; đường từ Âu cơ đến cầu Nhật tân L -3,7 Km	3665/QĐ-UBND 19/6/2017; 3376/QĐ-UBND 24/6/2019; 402/QĐ-UBND 19/01/2021	815.864	400.000	28.000	(8.000)	345.000	180.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
12	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32; Xây dựng tuyến đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2017-2022	L=3,76km; B=60m	7586/QĐ-UBND 31/10/2017; 7105/QĐ-UBND 16/12/2019; 5713/QĐ-UBND 29/12/2020; 4995/QĐ-UBND 26/11/2021	1.355.455	400.000	56.000		867.928	100.000			UBND huyện Hoài Đức	Nguồn vốn thực hiện từ kinh phí thu lại theo cơ chế trước đây các CĐT đã được đối trừ tiền sử dụng đất phải nộp kết hợp nguồn thu từ đầu giá đất trên địa bàn huyện Hoài Đức (NSTP ứng trước, NS huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần vốn NSTP)
13	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch		1		Đống Đa	2018-2021	L=318m; 7 nhịp (30+2x36+5x37+30); B=9m	1172/QĐ-UBND 26/02/2014; 6125/QĐ-UBND 31/10/2019; 4937/QĐ-UBND 03/11/2020	147.280	120.000	32.000		35.100	50.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chi giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
14	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2019-2021	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017; 4437/QĐ-UBND 02/10/2020	535.712	470.000	50.000	21.000	76.410	100.000	100.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chi giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Dự án được bổ trí vốn lĩnh hoạt GPMB là 20.800 triệu đồng
15	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh		1		Đống Đa	2018-quý II/2022	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UB 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND 31/10/2017; 7031/QĐ-UBND 10/12/2019; 1886/QĐ-UBND 26/4/2021	120.501	70.000	10.000	9.600	58.557	15.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Năm 2021 bổ trí vốn lĩnh hoạt GPMB là 1.242 triệu đồng.
16	Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mổ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2017-Quý IV 2022	L=3.079m; B=40-73m	2307/QĐ-UBND 17/4/2017; 1878/QĐ-UBND 18/4/2019; 2951/QĐ-UBND 05/7/2021	436.735	280.000	6.000		77.483	30.000	30.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
17	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+ 469,12 đến Km 12 +733,55)		1		Sóc Sơn	2015-T6/2021	L= 8.264m, B = 12,0m	5570/QĐ-UBND 28/10/2014; 923/QĐ-UBND 02/3/2020	197.204	110.000	5.000	(3.000)	28.515	20.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
18	Xây dựng tuyến đường vào KCN sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2019-2022	L=4,53km, B=11,5-22,25m	3954/QĐ-UBND 23/7/2019; 875/QĐ-UBND 22/02/2021	334.099	205.000	5.000	(3.000)	44.402	50.000	50.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
19	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch			1	Ba Đình	2018-quý IV 2021	L=285m, B=30m	5802/QĐ-UBND 26/10/2018; 283/QĐ-UBND 14/01/2020; 2143/QĐ-UBND 14/5/2021	72.891	50.000	1.000		6.675	5.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
20	Xây dựng đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp, huyện Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2019-2021	L=315,13km; B=40-50m	1383/QĐ-UBND 26/3/2019; 1053/QĐ-UBND 13/3/2020	658.935	335.000	100.000		310.500	100.000	100.000		UBND huyện Sóc Sơn	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
21	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2018-2021	L=3433m; Bn=(12-17)m; Bm=11m	2338/QĐ-UBND 16/5/2018; 583/QĐ-UBND 29/01/2021	186.173	55.000	20.000	(6.000)	109.332	9.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
22	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lừ		1		Đống Đa	2018-Hết quý IV 2022	L=325,92m; B=17,25m (Bm=10,5m, Bnh=2x3,375m)	1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018; 1887/QĐ-UBND 26/4/2021	225.792	175.000	5.000	(4.000)	3.199	55.000	55.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
23	Cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2019-2021	QL1A: L=325,4m, B=30m; chỉnh trang đường vào huyện ủy và UBND huyện: L=50,2 m, B=(6,5-20)m, xây cổng huyện	5482/QĐ-UBND 12/10/2018; 5133/QĐ-UBND 16/11/2020	156.156	60.000	35.000		90.000	20.000			UBND huyện Phú Xuyên	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
24	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khế nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đến Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-Quý III/2022	L=3,2Km, B=17,5m-40m	5359/QĐ-UBND 08/10/2018; 4398/QĐ-UBND 30/9/2020	382.407	110.000	70.000		251.434	40.000	40.000		UBND huyện Đông Anh	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
25	Dự án trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2019-2020	Lhầm= 520m (140m hầm kín; 2x190m hầm hở); Bhk=22,6m; Bhh=23,6m	5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671.653	605.000	5.000	(4.500)	6.950	5.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Đã hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
26	Công trình trọng điểm 2016-2020: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - Giai đoạn I	1			Đống Đa	2018-2024	2.270mx50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018; 1322/QĐ-UBND 21/3/2019; 1742/QĐ-UBND 14/4/2021	7.210.958	1.521.000	100.000		277.855	100.000			BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	GPMB thực hiện theo cơ chế linh hoạt
27	Xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, phường Láng Thượng, quận Đống Đa		1		Đống Đa	2018-2022	L=1,3Km, B=28,3-30,0m	3213/QĐ-UBND 26/6/2018; 4758/QĐ-UBND 23/10/2020	342.624	80.000	50.000		191.902	30.000	30.000		UBND quận Đống Đa	
28	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tính lộ 414), huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây Ba Vì	2018-2021	L= 8.100m, Bn=12m, Bm=11m Cầu Suối Bơ	5672/QĐ-UBND 23/10/2018; 5979/QĐ-UBND 29/10/2019; 539/QĐ-UBND 25/01/2021	206.103	55.000	2.000		112.311	3.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
29	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2018-2023	L=8,5Km, B=12m	6001/QĐ-UBND 31/10/2018; 3797/QĐ-UBND 03/8/2021	343.160	150.000	60.000		170.001	80.000	80.000		UBND huyện Chương Mỹ	
30	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bộ Tư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)		1		Đống Đa	2012-2014	L=600m Bn=25m	4888/QĐ-UBND, 21/10/2011	189.840	155.000	1.000		4.667	10.000	10.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
31	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Hà vượt sông Cà Lồ, huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2019-2022	L=220,9m; B=9,5m; 09nhịpx24m	2936/QĐ-UBND 04/6/2019; 765/QĐ-UBND 17/02/2021	68.575	23.000	2.000		18.206	21.000	21.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
32	Xây dựng hoàn chỉnh khớp nối hạ tầng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2021	L=3,3Km, B=30-45m	5849/QĐ-UBND 21/10/2019	252.973	110.000	70.000		160.000	16.000			UBND huyện Gia Lâm	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
33	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn từ cầu Ba Thá đến đường Hồ Chí Minh, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018-2021	L=7,26Km, Bn=12m	5900/QĐ-UBND 30/10/2018; 1008/QĐ-UBND 01/3/2021	186.601	40.000	30.000		129.999	10.000			UBND huyện Mỹ Đức	Đã hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
34	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cống bắc qua sông Tích, thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2019-2022	L=64,7m, B=15,5m	5954/QĐ-UBND 28/10/2019	71.002	40.000	19.000		40.000	12.000	12.000		UBND thị xã Sơn Tây	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn Q5 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
35	Cải tạo, mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (từ phố Thánh Thái đến phố Nguyễn Khang), quận Cầu Giấy		1		Cầu Giấy	2019-2020	340mx 21,5m	1657/QĐ-UBND 08/4/2019	314.968	230.000	50.000		100.385	80.000	80.000		UBND quận Cầu Giấy	Đã hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
36	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế.		1		Nam Từ Liêm; Hoài Đức	2010-2021	L=3.410,4m; B=13-27m	3102/QĐ-UBND 29/6/2011; 3282/QĐ-UBND 19/6/2019	270.176	90.000	45.000	(26.000)	106.000	34.000	34.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
37	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3		1		Thanh Xuân; Nam Từ Liêm	2018-Quý I 2022	Hầm chui trục thông; L=475m; Hầm kín L=95m; BxH=18,7mx7,34 m	3297/QĐ-UBND 20/6/2019; 1741/QĐ-UBND 28/4/2020	698.158	450.000	100.000		249.955	100.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
38	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan), huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2021	L=7,4km; B=18,5-24m	6058/QĐ-UBND 31/10/2019	385.017	185.000	43.000		163.000	35.000	35.000		UBND huyện Thạch Thất	Ngân sách Huyện đầu tư phân GPMB, tái định cư; Ngân sách TP đầu tư phân còn lại. Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
39	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Tây Thăng Long đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng thuộc địa bàn quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2017-2021	3,3kmx60,5m	5995/QĐ-UBND 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND 23/10/2019	1.494.473	925.000	110.000		481.000	140.000			UBND quận Bắc Từ Liêm	Nguồn vốn thực hiện là NS quận 50 tỷ đồng, phần còn lại NSTP. Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
40	Dự án xây dựng công trình cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2019 - 2022	Cầu: L=70,3m, B=30m; đường đầu cầu L=71,1m, B=30m	6076/QĐ-UBND 31/10/2019	175.800	115.000	2.000		17.000	10.000	10.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
41	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Nội Cối, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2021	L= 109,2 m, B = 9 m	3204/QĐ-UBND 13/6/2019; 3628/QĐ-UBND 21/7/2021	56.684	10.000	1.500		39.500	3.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
42	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2020-2022	L=2.610 m; B=35m	6021/QĐ-UBND 30/10/2019	345.492	145.000	70.000		175.000	75.000	75.000		UBND huyện Thanh Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
43	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú cát (nay là đường vành đai khu công nghiệp Hòa Lạc), huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2019-2021	L=3.535 m; B=50m	6062/QĐ-UBND 31/10/2019	482.536	320.000	100.000		190.000	70.000	70.000		UBND huyện Quốc Oai	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
44	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 412 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng đi hồ Suối Hai), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2019-2022	L=5.355 m; B=(12-23)m	6067/QĐ-UBND 31/10/2019; 2131/QĐ-UBND 26/5/2020	255.460	176.000	80.000		129.999	96.000	96.000	1	UBND huyện Ba Vì	
45	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng), huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2019-2021	L=7,5km; B=21m	275/QĐ-UBND 14/01/2020	316.430	150.000	63.000		154.999	87.000	87.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
46	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch Chùa Hương (đoạn từ cầu Đồng Bình đến bến xe Hội Xá), huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2020-2021	L=2,9Km; B=12m	638/QĐ-UBND 05/02/2020	127.182	52.000	37.000		87.000	15.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	Đã sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
47	Đường giao thông kết hợp hệ thống thoát nước khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2020-2021	L= 898,92 m; B=12,5m	7103/QĐ-UBND 16/12/2019	48.640	25.000	15.000		35.000	10.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	Đã sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
48	Hoàn thiện và khớp nối HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình		1		Ba Đình	2020-2022	L=400m; B=11,5m-17,5m	6588/QĐ-UBND 13/11/2019	135.545	100.000	20.000		21.090	45.000	45.000		UBND quận Ba Đình	
49	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)		1		Phú Xuyên	2019-2021	Đường cấp IV đồng bằng (L=9,61 Km; B=9m)	3539/QĐ-UBND 03/7/2019	283.795	148.000	80.000		210.000	50.000	50.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
50	Xây dựng tuyến đường từ trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2006-2021	L=1.934m, B=30-40m	2418/QĐ-UBND 29/4/2005; 4229/QĐ-UBND 12/8/2014; 899/QĐ-UBND 23/02/2016; 5902/QĐ-UBND 23/10/2019; 4399/QĐ-UBND 30/9/2020	218.649	6.000			188.906	5.000		1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
51	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn từ ngã tư Vạn Phúc đến nút Núi Trúc)		1		Ba Đình	2009-Quý II 2020	595,75m x3m	1096/QĐ-UBND 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017; 1697/QĐ-UBND 09/4/2019	300.259	30.000	2.500		259.429	27.500	27.500	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Đã hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
52	Xây dựng đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội			1	Cầu Giấy	2018-2021	L=93m, B=13,5m	7867/QĐ-UBND 10/11/2017; 1049/QĐ-UBND 04/3/2021	58.938	36.000	7.399		14.799	14.000			UBND quận Cầu Giấy	Đã sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
53	Xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 đoạn phía Bắc Khu công nghiệp Vĩnh Tuy, quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2013-2021	1/2 cầu: 30,2mx18m; Đường 2,5: 462,38mx40m	4889/QĐ-UBND 29/10/2012; 1513/QĐ-UBND 28/3/2018; 3724/QĐ-UBND 24/8/2020	152.485	75.000	3.000		33.958	20.000			UBND quận Hoàng Mai	NS Quận Hoàng Mai phân GPMB. Đã sắp hết thời gian thực hiện, Chủ đầu tư đang làm thủ tục điều chỉnh dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
54	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Kim Bài tới nút giao ngã tư Vác, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2021-2023	L=3,2Km, B=35m	2290/QĐ-UBND 04/6/2020	386.154	285.000	105.000		205.000	120.000	120.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
55	Đầu tư Xây dựng đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội		1		Thanh Oai	2020-2024	L=6,531m, B=23-25m	4309/QĐ-UBND; 24/9/2020	523.858	310.000	150.000		284.999	160.000	160.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
56	Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2020-2022	L=4,32 km; B=17,5-60m	4141/QĐ-UBND 16/9/2020	570.974	425.000			6.646	100.000	100.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
57	Cầu đập tràn Quan Sơn, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2020-2022	L=500m, Lc=373m, B=21m	3823/QĐ-UBND 26/8/2020	288.497	132.000	65.000		202.000	67.000	67.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
58	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 418 đoạn Km0-Km3, thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2018-2022	L=3,0Km; B=9m	6009/QĐ-UBND 31/10/2018; 4938/QĐ-UBND 03/11/2020	76.668	35.000	24.000		64.999	11.000	11.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
59	Công trình trọng điểm: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy, Giai đoạn 2	1			Long Biên, Hai Bà Trưng	2020-2022	3,47kmx19,25m	2673/QĐ-UBND 24/6/2020	2.538.153	2.100.000	904.475	49.400	986.990	600.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
60	Đầu tư xây dựng cầu Chiềng, Km8+255 đường tỉnh 427, huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2017-2021	81mx18,5m	6341/QĐ-UBND 18/11/2016; 2747/QĐ-UBND 24/5/2019; 1567/QĐ-UBND 16/4/2020; 1516/QĐ-UBND 01/4/2021	115.544	18.000	4.000	(1.000)	78.084	4.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Đã sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
61	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long-Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I		1		Mê Linh	2015-quý IV/2021	L= 1.154,7m; B=24m	7458/QĐ-UBND 09/12/2013; 6285/QĐ-UBND 15/11/2016; 1517/QĐ-UBND 29/3/2018; 2821/QĐ-UBND 30/5/2019; 1606/QĐ-UBND 17/4/2020; 1470/QĐ-UBND 29/3/2021	100.754	11.000	4.000		77.499	7.000		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Đã sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
62	Xây dựng tuyến đường nối từ trường THCS Nam Từ Liêm đi Quốc Lộ 32 (đoạn hết địa phận quận Nam Từ Liêm)		1		Nam Từ Liêm	2018-2023	L = 920m; B=40m	5166/QĐ-UBND 31/10/2018; 1576/QĐ-UBND 15/6/2021	251.936	27.000	-		84.815	27.000			UBND quận Nam Từ Liêm	Ngân sách Thành phố không vượt quá 50% TMDT; Ngân sách quận Nam Từ Liêm bố trí phần còn lại để hoàn thành dự án. Chỉ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án và phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đối với các dự án hết thời gian thực hiện (nếu có)
63	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà qua đường 70 đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm (tuyến đường ven sông Cầu Ngà)		1		Nam Từ Liêm	2018-2022	L = 3000m, cầu vượt đường sắt L = 365,3m	5171/QĐ-UBND 31/10/2018; 2691/QĐ-UBND 15/7/2020	486.854	27.000	-		202.664	27.000			UBND quận Nam Từ Liêm	
64	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh đến đường Lê Đức Thọ - Phạm Hùng (đoạn sau khu Trung tâm thể thao dưới nước)		1		Nam Từ Liêm	2018-2023	L = 1500 m; B=40m	5164/QĐ-UBND 31/10/2018	603.367	16.500	-		118.194	16.500			UBND quận Nam Từ Liêm	
65	Xây dựng tuyến đường Lương Thế Vinh (đoạn từ nút giao đường hồ Mễ Trì đến đường Tô Hữu)		1		Nam Từ Liêm	2018-2024	L = 400 m	5165/QĐ-UBND 31/10/2018; 3512/QĐ-UBND 12/11/2021	259.305	83.000	-		1.255	4.000			UBND quận Nam Từ Liêm	
66	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà đến Đại Lộ Thăng Long		1		Nam Từ Liêm	2018-2020	L = 1300m; B=17,5-26,5m	5168/QĐ-UBND 31/10/2018	230.746	60.000	-		55.076	35.500			UBND quận Nam Từ Liêm	
67	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm thể thao quân đội Bộ quốc phòng đến Khu bảo tàng quân sự Việt Nam (bao gồm cầu qua Sông Nhuệ)		1		Nam Từ Liêm	2018-2020	L = 350m	5167/QĐ-UBND 31/10/2018	211.834	68.000	-		1.528	44.000			UBND quận Nam Từ Liêm	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025				Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tổng số		Trong đó nguồn cải cách tiền lương				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		14	7					5.964.597	4.554.000	588.000	(30.000)	558.000	1.864.000	350.000	9			
b.1	Dự án khởi công năm 2021		10	3					3.988.402	3.274.000	588.000	(30.000)	558.000	1.219.000	350.000	5			
1	Xây dựng cầu qua sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32		1		Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm	2020-2022	Cầu: L=76m, B=40m; đường đầu cầu L=1,03Km, B=40m	782/QĐ-UBND 15/2/2011; 4760/QĐ-UBND 23/10/2020	380.126	300.000	22.000	(21.000)	1.000	50.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố		
2	Xây dựng tuyến đường nối tiếp đường tỉnh 421B đoạn từ cầu vượt Sỏi Sơn qua khu hành chính huyện Quốc Oai kết nối với đường tỉnh 421B (đoạn Thạch Thán - Xuân Mai)		1		Quốc Oai	2020-2023	L=3,26Km, B=42m	5012/QĐ-UBND 09/11/2020	477.220	377.000	82.000		82.000	60.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố		
3	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vị Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây		1		Ba Vì Sơn Tây	2021-2024	L=4,67 Km, B=35m	2593/QĐ-UBND 14/6/2021	390.307	350.000	80.000		80.000	90.000			UBND thị xã Sơn Tây		
4	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km0+00 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2021-2024	L=6,08Km, B=30m	2592/QĐ-UBND 14/6/2021	474.861	415.000	5.000		5.000	170.000	80.000		UBND thị xã Sơn Tây		
5	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Văn Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2021-2025	L=4,632 Km, B=29m	2718/QĐ-UBND 24/6/2021	651.987	550.000	190.000		190.000	360.000	150.000	1	UBND huyện Ứng Hòa		
6	Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2021-2023	L=3,67Km; B=35m	2719/QĐ-UBND 24/6/2021	382.300	320.000	180.000		180.000	140.000	70.000	1	UBND huyện Thanh Oai		
7	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2021-2023	L=1,7Km, B=35m	3989/QĐ-UBND 23/8/2021	365.355	250.000	5.000		5.000	95.000			UBND huyện Ba Vì		
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 414C đi xã Thuần Mỹ (nối khu du lịch Suối Hai với khu du lịch nước khoáng nóng Thuần Mỹ), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2021-2024	L=8,143Km; B=14m	4062/QĐ-UBND 01/9/2021	276.732	220.000	5.000		5.000	75.000			UBND huyện Ba Vì		
9	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đông Mỹ, huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2020-2022	L=3,806 Km, B=17,5 m	5497/QĐ-UBND 08/12/2020	205.890	160.000	5.000		5.000	100.000	50.000		UBND huyện Thanh Trì		
10	Đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 32 (thôn Lai Xá), huyện Hoài Đức			1	Hoài Đức	2021-2022	L=40,9m, B=3,4m	5169/QĐ-UBND 17/11/2020	4.568	4.000	4.000	(3.000)	1.000	3.000		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố		
11	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 1, quận Long Biên			1	Long Biên	2020-2021	L=32,2m, B=3,4m	5461/QĐ-UBND 07/12/2020	4.079	3.800	3.800	(2.800)	1.000	2.800		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
12	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 3, quận Long Biên			1	Long Biên	2020-2021	L=28,4m, B=3,4m	5460/QĐ-UBND 07/12/2020	4.663	4.200	4.200	(3.200)	1.000	3.200		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
13	Xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng		1		Quốc Oai	2021-2023	L=5,6Km, B=21m	1161/QĐ-UBND 10/3/2021	370.314	320.000	2.000		2.000	70.000			BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
b.2 Dự án khởi công mới năm 2022			4	4					1.976.195	1.280.000				645.000		4		
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Đỗ Nhuận qua nhà máy nước Cáo Đình đến chợ Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2021-2025	L=1.125m; B=21,5m	01/NQ-HĐND 29/3/2021	462.973	385.000				60.000			UBND quận Bắc Từ Liêm	Dự kiến đầu tháng 12/2021 phê duyệt dự án
2	Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2021-2023	L=896m, B=17-46m	25/NQ-HĐND 04/12/2019; 3796/QĐ-UBND 03/8/2021	87.724	70.000				40.000			UBND quận Bắc Từ Liêm	
3	Xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vinh đến đường 36 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2022-2025	L=2.385 m, B=33-36m	23/NQ-HĐND 23/9/2021	648.613	480.000				200.000			UBND huyện Mê Linh	Dự kiến đầu tháng 12/2021 phê duyệt dự án
4	Đường liên khu vực 6 (đoạn từ đường liên khu vực 1 đến đường vành đai 3,5), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2021-2025	L=3,6Km, B=40m	12/NQ-HĐND 05/12/2018; 6060/QĐ-UBND 15/11/2021	758.888	330.000				330.000			UBND huyện Hoài Đức	NSTP 50% TMBT; NS Huyện 50% TMBT từ nguồn thu tiền sử dụng đất của Huyện
5	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Đào Tấn, quận Ba Đình			1	Ba Đình	2021-2022	L=33,4m B= 3,4 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4263/QĐ-UBND 27/9/2021	5.417	4.500				4.500		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	Thuộc nhóm 13 cầu vượt đi bộ và cầu yếu được HĐND quyết nghị dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, đề xuất bố trí vốn trung hạn chi tiết cho từng dự án và KHV năm 2022
6	Cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Hoàng, quận Nam Từ Liêm			1	Nam Từ Liêm	2021-2022	L=30.9 m B= 3,4 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4270/QĐ-UBND 27/9/2021	4.188	3.400				3.400		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
7	Cầu vượt cho người đi bộ qua đường 2,5 tại khu vực chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2021-2022	L=29.9 m B= 3,4 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4271/QĐ-UBND 27/9/2021	4.557	4.100				4.100		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
8	Cầu vượt cho người đi bộ tại trước tòa nhà HH1A, HUD3, CTS-X2 trong khu đô thị Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2021-2022	L=28.2 m B= 3.0 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4269/QĐ-UBND 27/9/2021	3.835	3.000				3.000		1	BQLDA ĐTXDCT giao thông Thành phố	
X.4 Lĩnh vực thương mại																		
X.5 Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước			2						1.729.138	1.210.000	140.000		271.082	272.028	272.028			
a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020			2						1.729.138	1.210.000	140.000		271.082	272.028	272.028			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2019-2021	35 m3/s	6120/QĐ-UBND 31/10/2019	817.629	590.000	65.000		106.385	100.000	100.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2022	Trạm 1: 22,5m3/s; Trạm 2: 24m3/s	6000/QĐ-UBND 31/10/2018; 3055/QĐ-UBND 9/7/2020	911.509	620.000	75.000		164.697	172.028	172.028		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
X.6	Lĩnh vực quy hoạch																	
XI	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1						659.358	340.000	75.000		215.000	200.000	200.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		1						659.358	340.000	75.000		215.000	200.000	200.000			
1	Khu liên cơ quan Văn Hồ		1		Hai Bà Trưng	2018-2022	6 tầng; S=3.613m2	1547/QĐ-UBND 01/4/2019; 584/QĐ-UBND 29/01/2021	659.358	340.000	75.000		215.000	200.000	200.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
XII	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)																	
XIII	Lĩnh vực khác (hạ tầng kỹ thuật tái định cư...)		6	3					1.682.953	733.000	363.000		814.833	263.000		4		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		6	3					1.682.953	733.000	363.000		814.833	263.000		4		
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
XIII.1	Lĩnh vực HTKT tái định cư		3	1					815.452	346.000	108.000		337.547	132.000				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		3	1					815.452	346.000	108.000		337.547	132.000				
1	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác thuộc huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-2021	24,1ha	4112/QĐ-UBND 31/7/2019; 2834/QĐ-UBND 29/6/2020	524.426	205.000	37.000		167.000	100.000			UBND huyện Thanh Trì	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2016-2021	26.770 m2	2105/QĐ-UBND 5/4/2017; 6697/QĐ-UBND 20/11/2019	56.740	37.000	13.000		20.999	7.000			UBND thị xã Sơn Tây	Dự án sắp hết thời gian thực hiện. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
3	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đông, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (Phục vụ GPMB tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn Ba La - Xuân Mai)		1		Chương Mỹ	2019-2022	5,45ha	3529/QĐ-UBND 2/7/2019; 4265/QĐ-UBND 27/9/2021	119.910	36.000	20.000		70.000	7.000			UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)		1		Sóc Sơn	2019-2022	19,5 ha	2574/QĐ-UBND 30/5/2019; 1827/QĐ-UBND 23/6/2020; 3270/QĐ-UBND 22/9/2020; 5490/QĐ-UBND 01/12/2021	114.376	68.000	38.000		79.548	18.000			UBND huyện Sóc Sơn	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
XIII.2	Lĩnh vực tôn an		3	1					843.134	376.000	249.000		461.158	126.000		3		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020		3	1					843.134	376.000	249.000		461.158	126.000		3		
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội		1		Hoàng Mai	2019-2021	Tổng diện tích sàn xây dựng 34,862m2	6111/QĐ-UBND 31/10/2019	711.099	300.000	200.000		376.232	100.000			BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	NSTP phần chi phí xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và dự phòng phí. DA sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
2	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông		1		Hà Đông	2019-Quý II 2022	Tổng diện tích sàn xây dựng 3,979m2	6113/QĐ-UBND 31/10/2019; 1744/QĐ-UBND 14/4/2021	49.219	25.000	11.000		27.276	14.000		1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	CĐT đang xin điều chỉnh dự án.
3	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm			1	Bắc Từ Liêm	2020-2021	2987m2 diện tích sàn	2892/QĐ-UBND 02/7/2020	35.269	25.000	19.000		24.377	5.000		1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	Dự án sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
4	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-Quý II 2022	Tổng diện tích sàn khoảng 4,247m2	6115/QĐ-UBND 31/10/2019; 838/QĐ-UBND 19/02/2021; 4244/QĐ-UBND 23/9/2021	47.547	26.000	19.000		33.273	7.000		1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
XIII.3	Lĩnh vực kiểm sát			1					24.367	11.000	6.000		16.128	5.000		1		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020			1					24.367	11.000	6.000		16.128	5.000		1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025			Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022 dự kiến		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó KHV năm 2021 đã giao	Điều hòa KHV năm 2021 tại QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 15/11/2021		Tổng số	Trong đó nguồn cải cách tiền lương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội			1	Thường Tín	2018-2021	Nhà làm việc cao 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.348,9 m ²	763/QĐ-UBND 17/3/2020; 110/QĐ-UBND 11/01/2021	24.367	11.000	6.000		16.128	5.000			1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp CĐT đang xin điều chỉnh DA và gia hạn thời gian thực hiện đến hết năm 2022. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025																	
a																		
XIII.4	Lĩnh vực khác																	
B	CÁC DỰ ÁN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ SỬ DỤNG NGUỒN THU TỪ ĐẤT	1	5						3.300.143	1.420.000	330.000		1.569.285	488.000				
I	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế (lĩnh vực giao thông)	1	4						2.865.559	1.040.000	330.000		1.567.385	338.000				
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	1	4						2.865.559	1.040.000	330.000		1.567.385	338.000				
1	Xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2018-2021	L=5.360m; Đường mặt đê Bmd=10m; Đường gom B=13-17m	9008/QĐ-UBND 31/10/2018; 2285/QĐ-UBND 10/5/2021	511.247	270.000	100.000		277.907	70.000			UBND huyện Gia Lâm	Cơ chế nguồn vốn tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố; Dự án sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án.
2	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đuống đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp		1		Gia Lâm	2018-2021	L=2,03Km; B=25m	9012/QĐ-UBND 31/10/2018; 2286/QĐ-UBND 10/5/2021	348.477	240.000	100.000		166.082	100.000			UBND huyện Gia Lâm	
3	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2018-2021	L=2,6 Km, B=40m	9013/QĐ-UBND 31/10/2018; 2287/QĐ-UBND 10/5/2021	380.108	110.000	50.000		233.678	3.000			UBND huyện Gia Lâm	
4	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2017-2021	L=2.959,2m, B=28m	7887/QĐ-UBND 25/10/2019	287.737	220.000	50.000		69.638	70.000			UBND huyện Gia Lâm	
5	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến Khu đô thị mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1			Cầu Giấy	2016-2021	L=420m, B=50m	03/QĐ-UBND 13/01/2016; 7587/QĐ-UBND 31/10/2017; 375/QĐ-UBND 18/01/2021	1.337.990	200.000	30.000		820.080	95.000			UBND quận Cầu Giấy	Cơ chế nguồn vốn tại Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 13/01/2016 của Thường trực HĐND Thành phố. DA sắp hết thời gian thực hiện dự án. Chỉ giải ngân KHV năm 2022 khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
II	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quân lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1						434.584	380.000			1.900	150.000				
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020		1						434.584	380.000			1.900	150.000				

Phụ lục: 3

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 343 /BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm XD	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025				Đề xuất Kế hoạch năm 2022				Chủ đầu tư	Ghi chú		
		A	B	C				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
															Thu hồi các khoản ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
	Tổng cộng	1	7	3					8.637.160	764.103	580.197	580.197	580.197		395.124	395.124	395.124					
1	Mở rộng đường Láng Hòa Lạc	1			Thành phố Hà Nội	2005-2010	21.200m	2013/QĐ-BGTVT ngày 11/7/2003; 3072/QĐ-BGTVT ngày 10/11/2007	7.527.251	392.350	215.430	215.430	215.430		77.021	77.021	77.021		Bộ GTVT (đại diện là Ban QLDA Thăng Long; Tổng công ty cổ phần Vinaconex)	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
2	Dự án xử lý khẩn cấp chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thượng - Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội		1		Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	2010-2011	4.181m	647/QĐ-UBND ngày 03/6/2005; 1143/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	82.364	17.500	17.248	17.248	17.248		17.248	17.248	17.248		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
3	Dự án xử lý khẩn cấp chống sạt lở bờ hữu sông Đà, khu vực xã Minh Quang (sau kè Khánh Thượng - Minh Quang), huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội			1	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	2007-2010	6.964m	253/QĐ-UBND ngày 31/1/2008; 1142/QĐ-SNN ngày 21/7/2010	99.725	49.039	49.039	49.039	49.039		49.039	49.039	49.039		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
4	Dự án xử lý khẩn cấp hộ chân chống sạt lở khu vực hạ lưu Kè Thuần Mỹ (Kè Thuần Mỹ)		1		Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	2008-2010	4.608m	512/QĐ-UBND ngày 19/3/2009; 1201/QĐ-SNN ngày 04/8/2010	116.260	60.000	53.755	53.755	53.755		53.755	53.755	53.755		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
5	Dự án Kè Minh Châu, huyện Ba Vì			1	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	2006-2011	2.260m	2422/QĐ-UBND ngày 01/6/2010	62.200	18.000	17.719	17.719	17.719		17.719	17.719	17.719		Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
6	Dự án Kè Thọ An, huyện Đan Phượng			1	Huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	2008-2012	3.814m	2423/QĐ-UBND ngày 01/6/2010	140.500	41.533	41.325	41.325	41.325		41.325	41.325	41.325		Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
7	Dự án xử lý sự cố kè Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội			1	Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	2009-2011	1.010m	2470/QĐ-SNN ngày 27/11/2009	42.000	45	45	45	45		45	45	45		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm XD	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025				Đề xuất Kế hoạch năm 2022				Chủ đầu tư	Ghi chú		
		A	B	C				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số	Trong đó:			Tổng số			Trong đó:	
															Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
8	Dự án Xử lý sạt lở bờ hữu sông Hồng thôn Đại Gia, xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội			1	Huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	2009-2010	925m	2159/QĐ-SNN ngày 15/10/2009	34.944	336	336	336	336	336	336	336	336		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
9	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở Kê Hồng Hà, huyện Đan Phượng			1	Huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	2009-2011	1.783m	2641/QĐ-SNN ngày 14/12/2009	49.700	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
10	Dự án Kê Thanh Diêm, huyện Mê Linh			1	Huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	2010-2011	2.173m	6297/QĐ-UBND ngày 22/12/2010	164.195	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200		Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		
11	Các dự án, chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội																					
-	Cụm công trình luyện tập tập - Trung tâm đào tạo VDV cao cấp Hà Nội			1	Thành phố Hà Nội	2009-2010		2210/QĐ-UBND ngày 15/5/2009	318.021	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	103.336	103.336	103.336		Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hoá - Xã hội	Thu hồi ứng trước ngân sách Trung ương		

Phụ lục 4

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN GHI THU GHI CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN BT NĂM 2022(Kèm theo Báo cáo số **343** /BC-UBND ngày **01/12/2021** của UBND Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án BT	Số DA	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Giá trị HD, PLHD BT	Giá trị HD, đề nghị thẩm tra hoặc Giá trị phê duyệt QT	Dự án đối ứng		Tổng lũy kế GTGC hết 2021	Kế hoạch năm 2022
							Nghĩa vụ tài chính tương ứng các lần giao đất	Số tiền sử dụng đất đã nộp ngân sách (chênh lệch)		
	TỔNG SỐ	3			2.759.699	2.759.699	3.299.649	1.690.347	1.223.000	770.000
1	Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên đoạn trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	Công ty CP Đầu tư và xây dựng Thành Nam (COTANA)	7/2009-8/2014	400.945	400.945			-	400.000
2	Tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ qua sông Nhuệ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (kéo dài đến đường 70)	1	CTCP TASCO	2008-2010 (48 tháng)	1.543.600	1.543.600	784.958		784.000	174.000
3	Khu công viên và hồ điều hòa tại phía Bắc nghĩa trang Mai Dịch, quận Cầu Giấy	1	CTCP BDS Hồng Ngân (nay là CT CP ĐT và PT Đô thị Sài Đồng)	Quý 3/2015-Quý 2/2017	815.154	815.154	2.514.691	1.690.347	439.000	196.000

Phụ lục 5

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số **343** /BC-UBND ngày **01/12/2021** của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022	CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL+TB					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	0	17			405.819	324.895	83.000	240.000	17		
I	Lĩnh vực giáo dục	0	7			202.408	160.643	21.000	139.300	7		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>0</i>	<i>1</i>			<i>49.600</i>	<i>37.336</i>	<i>21.000</i>	<i>16.300</i>	<i>1</i>		
1	Xây mới điểm trường mầm non trung tâm xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	2021-2022	4732/QĐ-UBND 22/10/2020	49.600	37.336	21.000	16.300	1	UBND huyện Quốc Oai	DA giảm quy mô
	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>	<i>0</i>	<i>6</i>			<i>152.808</i>	<i>123.307</i>	<i>0</i>	<i>123.000</i>	<i>6</i>		
1	Trường mầm non Minh Quang B (khu đá Chông)		1	2021-2023	8071/QĐ-UBND 13/11/2021	14.998	12.975		12.900	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường mầm non Khánh Thượng B		1	2021-2023	8068/QĐ-UBND 13/11/2021	25.000	21.273		21.200	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường THCS Minh Quang		1	2021-2023	8069/QĐ-UBND 13/11/2021	25.000	21.504		21.500	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Trường Tiểu học Khánh Thượng (khu A)		1	2021-2023	8070/QĐ-UBND 13/11/2021	14.500	12.519		12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Trường mầm non khu B xã Trần Phú		1	2021-2023	6126/QĐ-UBND 02/11/2021	35.810	28.099		28.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Xây dựng, mở rộng Trường mầm non Yên Bình		1	2021-2022	5678/QĐ-UBND 12/11/2020	37.500	26.937		26.900	1	UBND huyện Thạch Thất	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022	CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày quyết định	TMDT	Giá trị XL+TB					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
II	Lĩnh vực hạ tầng kinh tế	0	10			203.411	164.252	62.000	100.700	10		
	Dự án chuyển tiếp	0	4			136.343	107.546	62.000	45.100	4		
1	Đường trục Vân Hòa đi Tân Lĩnh		1	2021-2022	3343/QĐ-UBND 12/6/2021	38.150	30.973	15.000	15.900	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Đường nối tỉnh lộ 414 đi Vân Hòa		1	2021-2022	3344/QĐ-UBND 12/6/2021	35.693	30.028	14.000	16.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xã Trần Phú		1	2021-2022	3085/QĐ-UBND 02/6/2021	32.500	27.355	15.000	12.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tiến Xuân		1	2021-2022	5680/QĐ-UBND 12/11/2020	30.000	19.190	18.000	1.200	1	UBND huyện Thạch Thất	
	Dự án khởi công mới năm 2022	0	6			67.068	56.706	0	55.600	6		
1	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nội đồng xã Đông Xuân		1	2021-2024	5327/QĐ-UBND 09/11/2021	8.918	7.503		7.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường liên xã từ thôn Đồng Âm, thôn Đồng Bèn, xã Đông Xuân đi xã Phú Mãn		1	2021-2024	5326/QĐ-UBND 09/11/2021	13.029	11.199		11.100	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Đông Xuân đi xã Phú Mãn và hệ thống thoát nước xã Đông Xuân		1	2021-2024	5328/QĐ-UBND 09/11/2021	11.810	10.003		10.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng kết hợp mương tưới tiêu xã Đông Xuân		1	2021-2024	5329/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	11.747	9.968		9.900	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 446 đi hồ C5 xã Thạch Hòa		1	2021-2024	5325/QĐ-UBND 09/11/2021	12.064	10.367		10.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
6	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Tiến Xuân		1	2022-2023	4516/QĐ-UBND 04/11/2021	9.500	7.666		7.600	1	UBND huyện Thạch Thất	

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2022;
CẬP NHẬT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 343 /BC-UBND ngày 01/12/2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	102	308			18.075.680	14.446.046	3.700.921	6.980.000	430.000	274		
	Dự án chuyển tiếp	39	143			8.280.326	6.788.185	3.694.082	2.622.900	93.000	171		
	Dự án khởi công mới năm 2022	63	165			9.795.354	7.657.861	6.839	4.357.100	337.000	103		
I	Hỗ trợ xây dựng trường học đạt chuẩn	72	122			8.485.837	6.582.951	1.413.162	3.234.200	430.000	116		
I.1	Dự án chuyển tiếp	21	50			3.082.394	2.409.506	1.411.272	883.300	93.000	66		
1	Trường mầm non Thị trấn Tây Đằng	1		2020-2022	3066/QĐ-UBND 16/10/2019	71.230	59.002	54.000	5.000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường mầm non Châu Sơn		1	2020-2022	6489/QĐ-UBND 30/10/2020	19.800	14.688	10.000	4.600		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường mầm non trung tâm Quảng Bị		1	2021-2023	9907/QĐ-UBND 26/10/2020	30.510	23.150	11.500	11.600		1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Trường tiểu học Tân Tiến		1	2021-2023	9908/QĐ-UBND 26/10/2020	35.289	28.137	15.000	13.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Trường Mầm non Đan Phượng (khu B)	1		2019-2022	6758/QĐ-UBND 12/9/2019; 9400/QĐ-UBND 23/12/2020	63.909	55.577	40.000	15.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
6	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Kim Chung	1		2021-2023	7352/QĐ-UBND 29/10/2020	52.045	41.755	20.900	18.000		1	UBND huyện Đông Anh	
7	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Cổ Loa		1	2021-2023	8052/QĐ-UBND 30/11/2020	30.531	25.792	12.100	10.000		1	UBND huyện Đông Anh	
8	Xây dựng, hoàn thiện trường mầm non trung tâm xã Xuân Nộn giai đoạn 2		1	2021-2023	7322/QĐ-UBND 27/10/2020	24.523	19.765	10.100	9.500		1	UBND huyện Đông Anh	
9	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học thị trấn A		1	2021-2023	7360/QĐ-UBND 20/10/2020	19.853	16.563	8.100	8.000		1	UBND huyện Đông Anh	
10	Xây dựng trường THCS Dương Xá, huyện Gia Lâm (giai đoạn 1)		1	2020-2022	4813/QĐ-UBND 15/7/2020	34.158	27.889	25.000	2.500		1	UBND huyện Gia Lâm	
11	Xây dựng trường THCS Phù Đổng, huyện Gia Lâm		1	2020-2022	6810/QĐ-UBND 15/9/2020	37.310	30.378	24.000	6.000		1	UBND huyện Gia Lâm	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
12	Xây dựng trường mầm non Hoa Sữa, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm		1	2021-2022	4415/QĐ-UBND 6/7/2020	39.744	32.505	19.000	13.000		1	UBND huyện Gia Lâm	
13	Trường mầm non Đông La 1 xã Đông La	1		2020-2022	5157/QĐ-UBND 26/10/2019	59.117	52.327	56.300	8.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
14	Trường mầm non Kim Chung - điểm trường thôn Lai Xá		1	2021-2022	8806/QĐ-UBND 03/12/2020	43.021	35.885	15.000	20.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
15	Xây dựng trường mầm non Cát Quế C, xã Cát Quế huyện Hoài Đức	1		2019-2022	6098/QĐ-UBND 17/10/2018; 10223/QĐ-UBND 30/12/2020	81.304	53.975	23.000	28.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
16	Xây mới Trường tiểu học Đức Thượng, xã Đức Thượng huyện Hoài Đức (Giai đoạn 1)		1	2019-2022	6267/QĐ-UBND 29/10/2018; 6196/QĐ-UBND 22/11/2021	38.596	34.202	27.000	20.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
17	Trường tiểu học Thị trấn Trầm Trôi B, huyện Hoài Đức	1		2019-2022	6301/QĐ-UBND 30/10/2018; 6197/QĐ-UBND 22/11/2021	61.538	48.579	28.000	15.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
18	Xây dựng trường THCS Tiên Yên xã Tiên Yên, huyện Hoài Đức	1		2018-2022	6270/QĐ-UBND 29/10/2018; 6193/QĐ-UBND 22/11/2021	70.259	46.390	44.000	10.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
19	Trường mầm non La Phù 2	1		2018-2023	6266/QĐ-UBND 29/10/2018; 6192/QĐ-UBND 22/11/2021	51.481	32.754	23.000	25.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
20	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng trường Tiểu học Cát Quế A		1	2021-2023	8877/QĐ-UBND 05/12/2020	22.869	18.468	5.600	15.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
21	Nâng cấp, mở rộng trường THCS An Thượng		1	2019-2023	5301/QĐ-UBND 30/10/2019; 6195/QĐ-UBND 22/11/2021	37.633	20.510	12.742	15.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
22	Mở rộng trường THCS Kim Chung		1	2019-2022	6096/QĐ-UBND 17/10/2018; 10228/QĐ-UBND 30/12/2020	32.491	23.216	2.000	15.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
23	Xây dựng, mở rộng trường Tiểu học An Thượng B		1	2019-2023	5451/QĐ-UBND 31/10/2019; 6194/QĐ-UBND 22/11/2021	40.621	19.040	10.000	15.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
24	Xây dựng trường tiểu học Đại Thịnh A, xã Đại Thịnh	1		2022	1155/QĐ-UBND 15/3/2021	85.218	59.317	25.000	22.000		1	UBND huyện Mê Linh	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
25	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Tráng Việt B, xã Tráng Việt	1		2021-2023	1151/QĐ-UBND 15/3/2021	45.830	31.155	14.000	10.000		1	UBND huyện Mê Linh	
26	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thanh Lâm A, xã Thanh Lâm	1		2021-2023	3546/QĐ-UBND 25/8/2021	62.252	55.651	20.000	20.000			UBND huyện Mê Linh	
27	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Mê Linh		1	2022-2024	3547/QĐ-UBND 25/8/2021	23.601	18.993	8.000	10.000		1	UBND huyện Mê Linh	
28	Xây dựng trường mầm non B xã An Phú		1	2020-2022	3845/QĐ-UBND 29/10/2020	44.618	34.819	20.000	14.800	14.800	1	UBND huyện Mỹ Đức	Vốn XSKT 2021
29	Trường THCS xã Hồng Sơn (giai đoạn 2)		1	2020-2022	3856/QĐ-UBND 30/10/2020	29.436	24.423	12.000	12.200	12.200	1	UBND huyện Mỹ Đức	Vốn XSKT 2021
30	Trường trung học cơ sở Văn Hoàng		1	2021-2022	5497/QĐ-UBND 31/12/2019; 1905/QĐ-UBND 18/5/2021	38.903	28.903	14.000	14.900	14.900	1	UBND huyện Phú Xuyên	Vốn XSKT 2021
31	Trường tiểu học Chuyên Mỹ		1	2021-2023	5498/QĐ-UBND 31/12/2019; 601a/QĐ-UBND 03/03/2021	44.909	40.297	31.500	8.800	8.800	1	UBND huyện Phú Xuyên	Vốn XSKT 2021
32	Trường THCS Tri Thủy		1	2021-2023	1084/QĐ-UBND 02/4/2021	56.000	47.369	42.500	4.800		1	UBND huyện Phú Xuyên	
33	Trường mầm non Chuyên Mỹ	1		2021-2024	2336/QĐ-UBND 24/5/2021	69.899	57.264	25.000	15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
34	Trường mầm non trung tâm xã Khai Thái		1	2021-2023	2712/QĐ-UBND 16/6/2021	62.150	50.340	24.000	20.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
35	Trường THCS Trần Phú	1		2021-2024	2408/QĐ-UBND 28/5/2021	105.621	99.725	45.000	15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
36	Trường tiểu học xã Đại Xuyên	1		2021-2024	2436/QĐ-UBND 31/5/2021	69.385	58.320	30.000	15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
37	Trường tiểu học Hồng Thái		1	2021-2023	2333/QĐ-UBND 21/5/2021	69.145	58.219	26.000	15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
38	Trường mầm non Nam Triều		1	2019-2022	4299/QĐ-UBND 21/10/2019	11.356	8.972	6.000	2.900		1	UBND huyện Phú Xuyên	
39	Trường THCS xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai		1	2018-2022	4982/QĐ-UBND 24/10/2018	47.528	29.168	19.000	10.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
40	Trường mầm non Phượng Cách, xã Phượng Cách	1		2019-2022	3921/QĐ-UBND 22/10/2019	58.699	41.777	20.000	15.000		1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
41	Trường THCS Tân Phú, huyện Quốc Oai		1	2018-2022	8080/QĐ-UBND 30/10/2017	42.434	32.656	25.000	7.500	7.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Vốn XSKT 2021
42	Xây mới trường mầm non Ngọc Mỹ (điểm trường thôn Phú Mỹ)	1		2020-2023	5432/QĐ-UBND 25/11/2020	49.427	33.712	20.000	13.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
43	Đầu tư xây dựng trường mầm non Liệp Tuyết (điểm trường trung tâm)		1	2021-2022	5433/QĐ-UBND 25/11/2020	35.524	23.388	15.000	8.300		1	UBND huyện Quốc Oai	
44	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nghĩa Hưng		1	2020-2023	5431/QĐ-UBND 25/11/2020	36.942	27.431	20.000	7.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
45	Cải tạo, nâng cấp trường MN Sài Sơn B		1	2021-2024	5439/QĐ-UBND 26/11/2020	41.190	34.486	18.000	16.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
46	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Trung Giã A		1	2021-2023	4150/QĐ-UBND 13/11/2020	39.772	31.185	22.550	8.600	8.600	1	UBND huyện Sóc Sơn	Vốn XSKT 2021
47	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tiên Dược	1		2021-2023	4721/QĐ-UBND 07/12/2020	69.855	53.761	25.050	15.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
48	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Trí		1	2021-2023	2629/QĐ-UBND 6/7/2021	24.880	20.361	10.300	10.300		1	UBND huyện Sóc Sơn	
49	Cải tạo, nâng cấp trường MN Bắc Sơn A		1	2021-2023	2626/QĐ-UBND 6/7/2021	11.500	10.049	7.530	2.500		1	UBND huyện Sóc Sơn	
50	Trường trung học cơ sở xã Cao Viên (giai đoạn II)		1	2021-2022	2333/QĐ-UBND 30/10/2020	44.500	33.253	25.000	8.200	8.200	1	UBND huyện Thanh Oai	Vốn XSKT 2021
51	Trường mầm non Phương Trung I (giai đoạn II)		1	2021-2022	2532/QĐ-UBND 12/5/2021	32.500	26.181	15.000	11.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
52	Trường mầm non Cao Dương (khu trung tâm)		1	2019-2022	2222/QĐ-UBND 29/10/2019	29.500	24.701	20.000	4.700		1	UBND huyện Thanh Oai	
53	Trường THCS xã Bình Minh (giai đoạn II)		1	2021-2022	2334/QĐ-UBND 30/10/2020	32.500	26.156	20.000	6.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
54	Trường tiểu học xã Bích Hòa (giai đoạn II)		1	2022-2023	1908/QĐ-UBND 21/9/2020	44.500	39.828	20.000	19.800		1	UBND huyện Thanh Oai	
55	Xây dựng trường tiểu học Liên Ninh (cơ sở 2)	1		2021-2022	7868/QĐ-UBND 29/10/2020	84.346	75.678	63.000	27.000		1	UBND huyện Thanh Trì	
56	Xây mới điểm trường trung tâm cho trường mầm non Yên Ngưu, xã Tam Hiệp	1		2022-2024	1541/QĐ-UBND 28/5/2021	88.298	65.785	40.000	20.000		1	UBND huyện Thanh Trì	
57	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tân Triều	1		2021-2023	1916/QĐ-UBND 23/6/2021	51.638	44.093	22.000	20.000		1	UBND huyện Thanh Trì	
58	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Yên Mỹ		1	2021-2023	1770/QĐ-UBND 16/6/2021	38.477	31.561	15.000	14.000		1	UBND huyện Thanh Trì	
59	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Văn Tự		1	2021-2022	3215/QĐ-UBND 25/8/2021	13.276	10.986	5.000	5.900		1	UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Trđó: Vốn XSKT			
60	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Thống Nhất		1	2021-2022	3214/QĐ-UBND 25/8/2021	19.755	16.961	7.000	9.900		1	UBND huyện Thường Tín	
61	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tô Hiệu	1		2020-2022	3213/QĐ-UBND 25/8/2021	46.716	34.394	17.000	17.300		1	UBND huyện Thường Tín	
62	Trường mầm non Dũng Tiến (GD2)		1	2021-2022	2945/QĐ-UBND 20/7/2021	12.073	7.170	3.500	3.600		1	UBND huyện Thường Tín	
63	Xây dựng trường tiểu học Văn Phú		1	2021-2023	3144/QĐ-UBND 12/8/2021	28.557	18.351	9.000	9.300		1	UBND huyện Thường Tín	
64	Xây dựng trường mầm non Thắng Lợi		1	2021-2023	3258/QĐ-UBND 27/8/2021	28.737	17.934	12.000	5.900		1	UBND huyện Thường Tín	
65	Trường mầm non Trung Tú		1	2021-2023	932/QĐ-UBND 09/11/2020	44.500	31.117	10.000	18.000	18.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Vốn XSKT 2021
66	Trường tiểu học Trung Tú, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội		1	2020-2022	914/QĐ-UBND 03/11/2020	14.980	12.057	9.000	3.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
67	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng + 4 phòng bộ môn trường THCS Trung Tú		1	2021-2022	830/QĐ-UBND 24/8/2021	14.980	12.997	9.000	4.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
68	Trường tiểu học Phương Tú huyện Ứng Hòa		1	2021-2023	463/QĐ-UBND 14/5/2021	44.461	33.970	10.000	24.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
69	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (giai đoạn 2) huyện Ứng Hòa		1	2021-2023	820/QĐ-UBND 24/08/2021	14.500	11.516	8.000	3.500		1	UBND huyện Ứng Hòa	
70	Trường THCS Viên Sơn GD2		1	2021-2023	1541/QĐ-UBND 15/12/2020	36.107	27.841	14.000	13.800		1	UBND thị xã Sơn Tây	
71	Trường THCS Ngô Quyền		1	2021-2023	1736/QĐ-UBND 31/12/2020	43.587	34.688	16.000	18.600		1	UBND thị xã Sơn Tây	
I.2	Dự án khởi công mới năm 2022	51	72			5.403.443	4.173.445	1.890	2.350.900	337.000	50		
1	Trường mầm non Phú Cường		1	2021-2023	8048/QĐ-UBND 13/11/2021	28.000	19.101		19.100		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường Mầm non Vật Lại		1	2021-2024	8057/QĐ-UBND 13/11/2021	35.000	26.957		26.900		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường mầm non Thuận Mỹ		1	2022-2023	8058/QĐ-UBND 13/11/2021	30.000	23.291		12.000	12.000		UBND huyện Ba Vì	
4	Trường mầm non Đông Quang		1	2022-2024	8049/QĐ-UBND 13/11/2021	20.000	15.618		15.600		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo nâng cấp trường mầm non Cẩm Lĩnh A		1	2021-2023	8059/QĐ-UBND 13/11/2021	30.000	25.729		12.000		1	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo nâng cấp trường mầm non Phú Sơn		1	2021-2023	8050/QĐ-UBND 13/11/2021	30.000	22.543		22.500		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Trường mầm non Minh Châu		1	2022-2024	8060/QĐ-UBND 13/11/2021	25.000	20.291		20.200		1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
8	Trường Tiểu học Phong Vân	1		2021-2025	8036/QĐ-UBND 13/11/2021	45.000	38.873		38.800		1	UBND huyện Ba Vì	
9	Trường Tiểu học Đông Quang		1	2022-2024	8061/QĐ-UBND 13/11/2021	14.960	11.491		11.400		1	UBND huyện Ba Vì	
10	Trường Tiểu học Thụy An		1	2023-2025	8081/QĐ-UBND 13/11/2021	33.000	28.455		12.000			UBND huyện Ba Vì	
11	Trường THCS Phong Vân (giai đoạn 2)		1	2023-2025	8062/QĐ-UBND 13/11/2021	25.000	21.732		21.700		1	UBND huyện Ba Vì	
12	Trường THCS Chu Minh		1	2021-2023	8080/QĐ-UBND 13/11/2021	25.000	17.725		17.700		1	UBND huyện Ba Vì	
13	Trường THCS Tây Đằng (Giai đoạn 2)		1	2021-2023	8079/QĐ-UBND 13/11/2021	44.900	33.817		16.000			UBND huyện Ba Vì	
14	Trường THCS Thụy An (giai đoạn 2)		1	2021-2023	8078/QĐ-UBND 13/11/2021	27.500	23.854		13.000			UBND huyện Ba Vì	
15	Trường THCS Đông Quang		1	2021-2023	8077/QĐ-UBND 13/11/2021	32.500	26.843		15.000			UBND huyện Ba Vì	
16	Trường Mầm non Trung tâm NC Bò và Đồng cỏ Ba Vì		1	2021-2023	8076/QĐ-UBND 13/11/2021	29.500	27.548		15.000			UBND huyện Ba Vì	
17	Trường tiểu học Tây Đằng B (Chất lượng cao)		1	2022-2024	8075/QĐ-UBND 13/11/2021	41.000	32.536		15.000			UBND huyện Ba Vì	
18	Trường Mầm non Thái Hòa		1	2021-2024	8074/QĐ-UBND 13/11/2021	30.000	17.749		10.000			UBND huyện Ba Vì	
19	Trường THCS Sơn Đà		1	2021-2023	8037/QĐ-UBND 13/11/2021	40.000	33.078		33.000		1	UBND huyện Ba Vì	
20	Trường tiểu học Lam Điền		1	2021-2023	6079/QĐ-UBND 01/11/2021	41.018	33.227		15.000	15.000		UBND huyện Chương Mỹ	
21	Trường THCS Trung Hòa	1		2021-2024	6080/QĐ-UBND 01/11/2021	83.913	62.985		20.000			UBND huyện Chương Mỹ	
22	Trường Mầm non Hòa Chính - thôn Lưu Xá		1	2022-2023	6458/QĐ-UBND 18/11/2021	11.598	8.532		8.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
23	Trường mầm non xã Hồng Phong - khu Yên Cốc		1	2022-2023	6457/QĐ-UBND 18/11/2021	21.926	17.248		8.000			UBND huyện Chương Mỹ	
24	Trường mầm non Đồng Phú - Khu B		1	2022-2023	6456/QĐ-UBND 18/11/2021	9.866	7.499		7.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
25	Trường mầm non xã Phú Nghĩa - Khu B		1	2022-2024	6083/QĐ-UBND 01/11/2021	37.161	28.762		14.000			UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
26	Trường mầm non Mỹ Lương - Khu Mỹ Lương		1	2022-2023	6084/QĐ-UBND 01/11/2021	22.384	17.664		17.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
27	Trường mầm non trung tâm xã Trần Phú		1	2021-2023	6125/QĐ-UBND 02/11/2021	26.313	21.876		21.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
28	Trường tiểu học Thượng Vực	1		2022-2024	6047/QĐ-UBND 29/10/2021	52.320	42.434		13.000			UBND huyện Chương Mỹ	
29	Trường THCS Hữu Văn	1		2022-2024	6048/QĐ-UBND 29/10/2021	63.392	54.311		18.000			UBND huyện Chương Mỹ	
30	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành (giai đoạn 2)		1	2022-2025	4848/QĐ-UBND 09/11/2021	30.525	24.288		25.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
31	Trường THCS Thượng Mỗ. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng học và 3 phòng bộ môn		1	2022-2024	3163/QĐ-UBND 16/7/2021; 4977/QĐ-UBND 15/11/2021	10.922	8.658		8.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
32	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Cổ Loa	1		2021-2023	7374/QĐ-UBND 30/10/2020	47.809	39.386	100	13.000			UBND huyện Đông Anh	
33	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Hải Bối	1		2021-2025	7363/QĐ-UBND 30/10/2020	57.426	46.558	100	17.000			UBND huyện Đông Anh	
34	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nam Hồng	1		2021-2022	8062/QĐ-UBND 30/11/2020	50.024	39.264	400	15.000			UBND huyện Đông Anh	
35	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Việt Hùng	1		2021-2025	7329/QĐ-UBND 27/10/2020	45.960	37.427	100	15.000			UBND huyện Đông Anh	
36	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Nhuế, xã Kim Chung	1		2021-2023	7373/QĐ-UBND 30/10/2020	83.074	58.679	500	26.000			UBND huyện Đông Anh	
37	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Sao Mai	1		2020-2022	1382/QĐ-UBND 12/3/2020	62.695	51.118	500	20.000			UBND huyện Đông Anh	
38	Xây dựng trường THCS chất lượng cao thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm (GĐ 1)	1		2021-2023	7134/QĐ-UBND 12/11/2021	111.474	93.760	0	40.000			UBND huyện Gia Lâm	
39	Xây dựng Trường tiểu học Cổ Bi, huyện Gia Lâm		1	2020-2022	7079/QĐ-UBND 11/11/2021	40.263	33.064	0	30.000		1	UBND huyện Gia Lâm	
40	Xây dựng trường Mầm non Vân Canh B	1		2021-2023	3358/QĐ-UBND 26/6/2021	76.773	64.103	0	30.000			UBND huyện Hoài Đức	
41	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Minh Khai		1	2021-2023	577/QĐ-UBND 01/02/2021	38.241	27.010	0	25.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
42	Cải tạo, mở rộng trường THCS Cát Quế A		1	2021-2023	5054/QĐ-UBND 21/9/2021	38.804	26.872	0	23.000		1	UBND huyện Hoài Đức	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
43	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiền Yên	1		2021-2024	5736/QĐ-UBND 26/10/2021	68.161	56.295	0	29.800			UBND huyện Hoài Đức	
44	Mở rộng, xây mới nhà lớp học và các HMPT trường mầm non Đắc Sở		1	2021-2023	5788/QĐ-UBND 29/10/2021	36.643	28.448	0	23.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
45	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Thanh Lâm A, xã Thanh Lâm		1	2022-2024	5060/QĐ-UBND 20/11/2021	29.664	22.676		10.000			UBND huyện Mê Linh	
46	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Đại Thịnh B, xã Đại Thịnh	1		2022-2024	5065/QĐ-UBND 20/11/2021	57.645	42.916		20.000			UBND huyện Mê Linh	
47	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mở rộng Trường mầm non Thạch Đà A, xã Thạch Đà		1	2022-2024	5070/QĐ-UBND 20/11/2021	42.010	30.817		13.000			UBND huyện Mê Linh	
48	Xây dựng Trường Mầm non Lê Thanh B	1		2021-2023	2551/QĐ-UBND 26/10/2021	65.059	49.605		20.000			UBND huyện Mỹ Đức	
49	Trường Mầm non khu trung tâm xã Hợp Thanh	1		2021-2025	2552/QĐ-UBND 26/10/2021	60.911	49.631		18.000	18.000		UBND huyện Mỹ Đức	
50	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS xã Đại Hưng	1		2021-2023	2553/QĐ-UBND 26/10/2021	44.995	35.766		15.000	15.000		UBND huyện Mỹ Đức	
51	Trường tiểu học Phúc Tiến	1		2021-2025	5896/QĐ-UBND 13/11/2021	77.877	65.173		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
52	Trường THCS Vân Từ		1	2022-2024	5712/QĐ-UBND 04/11/2021	17.697	14.526		14.500		1	UBND huyện Phú Xuyên	
53	Trường tiểu học Phú Túc, huyện Phú Xuyên	1		2021-2023	6041/QĐ-UBND 22/11/2021	14.901	11.965		11.500			UBND huyện Phú Xuyên	
54	Trường mầm non Quang Lăng	1		2021-2024	6062/QĐ-UBND 23/11/2021	65.133	47.857		20.000			UBND huyện Phú Xuyên	
55	Trường Mầm non Nam Tiến B		1	2021-2023	5641/QĐ-UBND 02/11/2021	21.886	17.316		10.000	10.000		UBND huyện Phú Xuyên	
56	Trường tiểu học Quang Trung		1	2022-2024	5851/QĐ-UBND 12/11/2021	35.000	29.247		10.000			UBND huyện Phú Xuyên	
57	Trường tiểu học Tri Thủy		1	2021-2023	5711/QĐ-UBND 04/11/2021	26.457	20.816		20.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
58	Trường mầm non Hoàng Long		1	2021-2023	5643/QĐ-UBND 02/11/2021	25.709	19.316		19.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
59	Trường Mầm non Tri Thủy	1		2021-2023	5636/QĐ-UBND 02/11/2021	69.451	56.378		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
60	Trường Mầm non Trung tâm thị trấn Phú Xuyên	1		2021-2024	5639/QĐ-UBND 02/11/2021	90.000	73.058		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
61	Trường mầm non Thị trấn Phú Xuyên (điểm trường Đại Đồng)		1	2021-2024	5852/QĐ-UBND 12/11/2021	37.886	30.494		15.000	15.000		UBND huyện Phú Xuyên	
62	Xây mới nhà hiệu bộ, phòng chức năng Trường THCS Tân Dân		1	2021-2023	5886/QĐ-UBND 13/11/2021	19.807	15.438		15.000	15.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
63	Trường THCS Phú Yên	1		2021-2024	5890/QĐ-UBND 13/11/2021	55.170	40.566		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
64	Trường mầm non Nam Tiến A	1		2021-2023	5465/QĐ-UBND 25/10/2021	77.303	55.462		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
65	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Đại Thắng		1	2021-2023	5897/QĐ-UBND 13/11/2021	39.341	28.456		13.000			UBND huyện Phú Xuyên	
66	Trường Tiểu học Tri Trung (Giai đoạn 2)		1	2021-2023	5892/QĐ-UBND 13/11/2021	14.839	12.304		12.000			UBND huyện Phú Xuyên	
67	Trường THCS Nam Phong	1		2021 - 2024	2837/QĐ-UBND 23/6/2021	57.006	45.631		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
68	Xây dựng, mở rộng Trường Tiểu học Vồng Xuyên B, xã Vồng Xuyên		1	2021-2023	3096/QĐ-UBND 11/10/2021	41.128	27.406		27.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
69	Xây dựng, nâng cấp trường THCS Ngọc Tảo		1	2022-2024	3639/QĐ-UBND 12/11/2021	33.018	28.758		26.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
70	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Thanh Đa xã Thanh Đa		1	2022-2024	3638/QĐ-UBND 12/11/2021	30.780	26.433		26.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
71	Trường THCS Liên Hiệp	1		2022-2024	3637/QĐ-UBND 12/11/2021	84.390	64.711		35.000	35.000		UBND huyện Phúc Thọ	
72	Xây dựng mới trường THCS Long Xuyên	1		2022-2024	3640/QĐ-UBND 12/11/2021	80.221	60.438		35.000	35.000		UBND huyện Phúc Thọ	
73	Đầu tư, nâng cấp xây dựng trường tiểu học Cấn Hữu (Giai đoạn 2)	1		2021-2024	3567/QĐ-UBND 02/7/2021	50.115	41.971		20.000			UBND huyện Quốc Oai	
74	Xây mới Trường mầm non Cấn Hữu, huyện Quốc Oai	1		2021-2023	3185/QĐ-UBND 16/6/2021	49.968	31.318		15.000	15.000		UBND huyện Quốc Oai	
75	Trường tiểu học Phương Cách, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1		2022-2025	3157/QĐ-UBND 11/6/2021	80.596	58.502		15.000	15.000		UBND huyện Quốc Oai	
76	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Minh Phú		1	2021-2023	4827/QĐ-UBND 04/11/2021	28.200	21.051	100	15.000	15.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
77	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tân Hưng		1	2021-2023	4825/QĐ-UBND 04/11/2021	34.463	30.312	50	20.000	20.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
78	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Phú Cường B		1	2021-2023	4828/QĐ-UBND 04/11/2021	22.012	17.997	40	15.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
79	Xây mới 20 phòng học, 9 phòng bộ môn, hiệu bộ, khu GD thể chất, phụ trợ Trường THCS Đồng Trúc	1		2021-2023	4502/QĐ-UBND 02/11/2021	79.704	54.871	0	20.000	20.000		UBND huyện Thạch Thất	
80	Xây mới 24 phòng học, phòng bộ môn, hiệu bộ, bếp, sân vườn, phụ trợ Trường Mầm non Chàng Sơn	1		2022-2024	4504/QĐ-UBND 02/11/2021	83.145	55.427	0	25.000	25.000		UBND huyện Thạch Thất	
81	Xây dựng, mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Thạch Xá	1		2022-2024	4492/QĐ-UBND 01/11/2021	77.406	57.062	0	23.000			UBND huyện Thạch Thất	
82	Trường Mầm non Phú Kim	1		2022-2024	4503/QĐ-UBND 02/11/2021	70.705	48.395	0	20.000			UBND huyện Thạch Thất	
83	Trường mầm non trung tâm xã Hạ Bằng	1		2022-2024	4501/QĐ-UBND 02/11/2021	73.018	50.785	0	20.000			UBND huyện Thạch Thất	
84	Xây dựng trường Tiểu học Minh Hà B xã Canh Nậu (xây điểm mới)	1		2022-2024	4512/QĐ-UBND 03/11/2021	73.389	50.556	0	20.000			UBND huyện Thạch Thất	
85	Xây dựng trường Tiểu học Hữu Bằng (xây điểm mới)	1		2022-2024	4499/QĐ-UBND 02/11/2021	87.700	53.641	0	25.000			UBND huyện Thạch Thất	
86	Xây dựng trường Tiểu học Phùng Xá (xây điểm mới)	1		2022-2024	4511/QĐ-UBND 03/11/2021	66.133	42.775	0	15.000			UBND huyện Thạch Thất	
87	Xây dựng, cải tạo Trường Mầm non Bình Yên B (điểm Hòa Lạc)		1	2022-2023	4513/QĐ-UBND 03/11/2021	40.000	31.814	0	25.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
88	Trường tiểu học Bình Minh A	1		2022-2024	6103/QĐ-UBND 25/10/2021	92.000	84.215	0	40.000			UBND huyện Thanh Oai	
89	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Thanh Thủy (Khu trung tâm)		1	2022-2023	6181/QĐ-UBND 28/10/2021	32.000	23.922	0	23.900		1	UBND huyện Thanh Oai	
90	Trường mầm non xã Tân Ước		1	2021-2023	6188/QĐ-UBND 29/10/2021	42.000	29.284	0	29.200		1	UBND huyện Thanh Oai	
91	Trường mầm non Cao Dương (Giai đoạn 2)		1	2022-2023	4385/QĐ-UBND 17/8/2021	23.181	18.800		18.800		1	UBND huyện Thanh Oai	
92	Trường mầm non xã Bích Hòa (giai đoạn II)		1	2022-2023	6102/QĐ-UBND 25/10/2021	34.500	27.497	0	27.000	27.000		UBND huyện Thanh Oai	
93	Trường mầm non Bình Minh I (điểm trung tâm)	1		2022-2023	6100/QĐ-UBND 25/10/2021	53.300	41.081	0	20.000			UBND huyện Thanh Oai	
94	Nâng cấp mở rộng Trường THCS Tam Hiệp	1		2021-2024	3654/QĐ-UBND 15/10/2021	88.704	72.323	0	35.000			UBND huyện Thanh Trì	
95	Trường tiểu học Hữu Hòa	1		2021-2023	1869/QĐ-UBND 21/06/2021	62.125	42.623	0	42.000		1	UBND huyện Thanh Trì	
96	Trường tiểu học Tiền Phong		1	2021-2024	3912/QĐ-UBND 29/10/2021	25.046	21.151	0	21.100		1	UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	ĐA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
97	Trường mầm non Hoà Bình		1	2021-2023	3854/QĐ-UBND 20/10/2021; 4542/QĐ-UBND 25/11/2021	31.853	25.967	0	25.900		1	UBND huyện Thường Tín	
98	Trường tiểu học Nguyễn Trãi		1	2021-2023	4538/QĐ-UBND 25/11/2021	19.881	15.214		15.200		1	UBND huyện Thường Tín	
99	Trường THCS Nguyễn Trãi		1	2021-2024	4415/QĐ-UBND 19/11/2021	14.388	12.181		12.100		1	UBND huyện Thường Tín	
100	Xây dựng trường Tiểu học Ninh Sở	1		2021-2023	4356/QĐ-UBND 15/11/2021	70.383	48.850		30.000			UBND huyện Thường Tín	
101	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Duyên Thái	1		2021-2023	4357/QĐ-UBND 15/11/2021	50.577	34.023		20.000			UBND huyện Thường Tín	
102	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hòa Bình		1	2021-2023	4409/QĐ-UBND 19/11/2021	14.063	11.826		11.800		1	UBND huyện Thường Tín	
103	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thống Nhất		1	2021-2023	4408/QĐ-UBND 19/11/2021	10.168	8.411		8.400		1	UBND huyện Thường Tín	
104	Xây dựng Trường THCS Thư Phú (vị trí mới)	1		2021-2023	3853/QĐ-UBND 20/10/2021; 3945b/QĐ-UBND 29/10/2021	55.016	36.249	0	18.000			UBND huyện Thường Tín	
105	Trường Tiểu học Hòa Xá, huyện ứng Hòa		1	2021-2023	2020/QĐ-UBND 01/11/2021	25.000	20.892	0	10.000			UBND huyện Ứng Hòa	
106	Trường Mầm non trung tâm xã Đồng Tân đạt chuẩn mức độ 2	1		2021-2024	1051/QĐ-UBND 25/10/2021	72.408	47.493	0	30.000			UBND huyện Ứng Hòa	
107	Xây dựng mới trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn	1		2021-2024	1053/QĐ-UBND 25/10/2021	102.934	94.301	0	26.000			UBND huyện Ứng Hòa	
108	Trường THCS Hòa Phú		1	2021-2023	992/QĐ-UBND 15/10/2021	14.900	12.444	0	12.400		1	UBND huyện Ứng Hòa	
109	Xây mới 12 phòng lớp học, phòng bộ môn và các HMPT Trường Tiểu học Phù Lưu (đạt chuẩn mức độ 2)		1	2021-2023	1037/QĐ-UBND 22/10/2021	25.800	20.710	0	10.000			UBND huyện Ứng Hòa	
110	Trường mầm non xã Đông Lỗ	1		2021-2023	1048/QĐ-UBND 25/10/2021	45.000	34.122		34.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
111	Trường mầm non trung tâm xã Viên An		1	2021-2023	2080/QĐ-UBND 12/11/2021	38.000	26.666		26.600		1	UBND huyện Ứng Hòa	
112	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Sơn Công		1	2021-2023	2096/QĐ-UBND 12/11/2021	32.102	25.585		10.000			UBND huyện Ứng Hòa	
113	Xây dựng mới Trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái	1		2021-2024	2028/QĐ-UBND 02/11/2021	45.000	32.614	0	18.000	18.000		UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
114	Trường Mầm non trung tâm xã Hòa Xá đạt chuẩn mức độ 2	1		2021-2023	1038/QĐ-UBND 22/10/2021	23.600	18.933	0	12.000	12.000		UBND huyện Ứng Hòa	
115	Trường THCS Tân Phương, thị trấn Vân Đình		1	2021-2023	2047/QĐ-UBND 04/11/2021	33.500	26.681	0	14.000			UBND huyện Ứng Hòa	
116	Xây dựng Trường THCS Hòa Lâm		1	2021-2023	2036/QĐ-UBND 04/11/2021	33.500	26.834	0	12.000			UBND huyện Ứng Hòa	
117	Xây dựng mới Trường tiểu học Đồng Tân đạt chuẩn mức độ 2	1		2021-2024	2027/QĐ-UBND 02/11/2021	55.947	45.133	0	12.000			UBND huyện Ứng Hòa	
118	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Sơn Ca		1	2022-2024	1319/QĐ-UBND 05/11/2021	43.715	35.564	0	25.000			UBND Thị xã Sơn Tây	
119	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường mầm non Cổ Đông khu Bắc Kiên, khu Đồng Trạng		1	2021-2023	1339/QĐ-UBND 08/11/2021	23.267	19.143	0	19.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
120	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường tiểu học Kim Sơn		1	2022-2024	1350/QĐ-UBND 09/11/2021	29.765	23.864	0	23.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
121	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường tiểu học Xuân Sơn		1	2021-2023	1381/QĐ-UBND 11/11/2021	21.125	16.624	0	16.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
122	Xây dựng nhà bếp, kết hợp nhà ăn, cải tạo nhà hiệu bộ trường tiểu học Thanh Mỹ		1	2021-2023	1315/QĐ-UBND 04/11/2021	17.043	13.591	0	13.600		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
123	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THCS Phùng Hưng		1	2022-2024	1384/QĐ-UBND 12/11/2021	14.767	12.298	0	12.200		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
II	Hỗ trợ bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử	4	51			1.227.622	998.905	122.770	618.700	0	44		
II.1	Dự án chuyển tiếp	1	20			390.825	323.356	122.000	199.200	0	21		
1	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Viên Châu, xã Cổ Đô		1	2021-2023	6484/QĐ-UBND 30/10/2020	39.026	31.228	14.000	17.200		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình Xóm Thượng, xã Minh Châu		1	2021-2023	3060/QĐ-UBND 02/6/2021	15.000	12.718	6.000	6.700		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình Cộng Hòa, xã Thái Hòa	1		2021-2023	3061/QĐ-UBND 02/6/2021	45.000	36.561	17.000	19.500		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, phục dựng và xây mới các hạng mục cụm di tích lịch sử đền Hạ, xã Minh Quang		1	2020-2022	2618/QĐ-UBND 09/9/2019, 196/QĐ-UBND 14/01/2020	29.960	26.843	15.000	11.800		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Vật xã Cát Quế		1	2019-2022	5459/QĐ-UBND 31/10/2019; 10227/QĐ-UBND 30/12/2020	14.871	11.996	5.000	8.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
6	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Hậu Ai xã Vân Canh		1	2019-2022	5196/QĐ-UBND 28/10/2019	14.514	11.706	4.000	8.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
7	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Đình Lũng Kinh xã Đức Giang		1	2019-2022	5195/QĐ-UBND 28/10/2019; 10243/QĐ-UBND 30/12/2020	14.981	11.400	4.000	7.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Mậu Hòa, xã Minh Khai		1	2019-2023	5035/QĐ-UBND 11/10/2019	11.837	9.040	4.000	6.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Linh Thượng, xã Vân Côn		1	2021-2023	8782/QĐ-UBND 01/12/2020	14.216	11.968	1.000	12.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
10	Tu bổ, tôn tạo đình Đào Nguyên, xã An Thượng		1	2021-2023	9222/QĐ-UBND 09/12/2020	14.338	12.077	1.000	11.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ngự Câu xã An Thượng		1	2021-2023	8870/QĐ-UBND 05/12/2020	25.313	20.492	1.000	18.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Lại Yên (Kính thiên Đài); Hạng mục: nhà đại bái, trung cung, hậu cung, nhà Tả Hữu mạc, sân vườn		1	2019-2022	6077/QĐ-UBND 30/9/2020	14.931	10.706	1.000	10.500		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
13	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Mậu Hòa xã Minh Khai		1	2016-2022	5471/QĐ-UBND 31/10/2019; 10248/QĐ-UBND 30/12/2020	11.450	9.311	5.000	4.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
14	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Sông xã Vân Côn, huyện Hoài Đức		1	2021-2022	8603/QĐ-UBND 27/11/2020	7.972	6.413	2.000	3.500		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Dương Liễu		1	2019-2022	5305/QĐ-UBND 30/10/2019; 10251/QĐ-UBND 30/12/2020	14.991	12.554	9.000	3.500		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
16	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thanh Quang xã An Thượng, huyện Hoài Đức		1	2019-2022	5472/QĐ-UBND 31/10/2019; 4784/QĐ-UBND 20/8/2020	14.997	12.996	6.000	6.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Viên xã Song Phương		1	2019-2022	3798/QĐ-UBND 08/6/2020	14.060	11.650	1.000	9.500		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
18	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cao Xá xã Đức Thượng		1	2021-2022	8747/QĐ-UBND 01/12/2020	14.282	11.935	1.000	10.000		1	UBND huyện Hoài Đức	NS huyện bố trí năm 2021
19	Tu bổ tôn tạo di tích đình-đền Phố Huyện (đình - đền Phú Quốc, thị trấn Quốc Oai		1	2020-2022	5413/QĐ-UBND 24/11/2020	14.689	12.443	6.000	6.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
20	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Thành Cổ		1	2021-2023	356/QĐ-UBND 14/5/2021	14.992	12.745	0	12.500		1	UBND Thị xã Sơn Tây	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
21	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đoài Giáp, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây		1	2019-2022	142/QĐ-UBND 23/10/2019; 559/QĐ-UBND 01/6/2020	29.405	26.574	19.000	8.500		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
II.2	Dự án khởi công mới năm 2022	3	31			836.797	675.549	770	419.500	0	23		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình La Xuyên, xã Vạn Thắng		1	2021-2024	8035/QĐ-UBND 12/11/2021	35.000	28.215		16.000			UBND huyện Ba Vì	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thái Bạt xã Tòng Bạt		1	2021-2024	7970/QĐ-UBND 11/11/2021	43.000	37.153		18.000			UBND huyện Ba Vì	
3	Tu bổ tôn tạo di tích chùa thôn Đông, thị trấn Tây Đằng		1	2021-2024	7972/QĐ-UBND 11/11/2021	40.000	32.437		16.000			UBND huyện Ba Vì	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, chùa Liễu Châu, Tây Đằng		1	2021-2024	7971/QĐ-UBND 11/11/2021	40.000	32.418		16.000			UBND huyện Ba Vì	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hải Giác xã Hạ Mỗ; Hạng mục: Nhà Tam bảo		1	2021-2023	3197/QĐ-UBND 20/7/2021	14.970	12.660		10.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Sòng (GD2); Hạng mục: Phương Đình, Tà- Hữu mạc, nghi môn, nhà thủ từ và bể PCCC		1	2021-2023	3147/QĐ-UBND 15/7/2021	13.148	11.493		10.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lý Nhân, xã Dục Tú		1	2021-2023	1860/QĐ-UBND 14/4/2020	41.619	31.876	50	15.000			UBND huyện Đông Anh	
8	Tu bổ, tôn tạo phát huy giá trị di tích đình, chùa Đào Thục, xã Thụy Lâm	1		2021-2023	7324/QĐ-UBND 27/10/2020	92.337	73.971	50	20.000			UBND huyện Đông Anh	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhạn Tái, xã Xuân Nộn		1	2021-2022	3177/QĐ-UBND 22/6/2020	28.789	23.470	50	20.000		1	UBND huyện Đông Anh	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hà Vỹ, xã Liên Hà	1		2021-2023	2659/QĐ-UBND 20/5/2020	52.865	41.520	50	15.000			UBND huyện Đông Anh	
11	Nhà văn hóa thôn Xuân Linh, xã Thụy Xuân Tiên		1	2021-2022	6085/QĐ-UBND 01/11/2021	6.925	5.171		2.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
12	Nhà văn hóa thôn Tiến Ân, xã Thụy Xuân Tiên		1	2021-2022	6086/QĐ-UBND 01/11/2021	6.494	4.479		2.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
13	Nhà văn hóa thôn Non Nông, xã Ngọc Hòa		1	2021-2022	6087/QĐ-UBND 01/11/2021	5.953	4.971		2.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
14	Nhà văn hóa thôn Trung Tiến, xã Trần Phú		1	2021-2022	6119/QĐ-UBND 02/11/2021	7.305	5.306		2.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phương Quan, xã Vân Côn		1	2021-2023	5893/QĐ-UBND 10/11/2021	17.969	14.558		14.500		1	UBND huyện Hoài Đức	

1/5

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
16	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cà xã An Khánh		1	2022-2024	5851/QĐ-UBND 05/11/2021	18.650	15.128		15.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Viên Dương Quán, xã Đức Thượng		1	2021-2023	5833/QĐ-UBND 03/11/2021	17.659	15.318		10.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Quán Lai Xá (Quán Lai Xá), xã Kim Chung		1	2022-2024	5822/QĐ-UBND 02/11/2021	17.168	13.930	0	10.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
19	Nhà văn hóa thôn Văn Quán 2, xã Văn Khê		1	2021-2023	3885/QĐ-UBND 20/9/2021	6.704	2.500		2.500		1	UBND huyện Mê Linh	
20	Nhà văn hóa thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê		1	2021-2023	3884/QĐ-UBND 20/9/2021	5.752	2.500		2.500		1	UBND huyện Mê Linh	
21	Nhà văn hóa thôn 1 Hạ Lôi, xã Mê Linh		1	2021-2023	3886/QĐ-UBND 20/9/2021	5.758	2.500		2.500		1	UBND huyện Mê Linh	
22	Nhà văn hóa thôn 2 Hạ Lôi, xã Mê Linh		1	2021-2023	3888/QĐ-UBND 20/9/2021	4.621	2.500		2.500		1	UBND huyện Mê Linh	
23	Nhà văn hóa thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh		1	2021-2023	3889/QĐ-UBND 20/9/2021	6.986	2.500		2.500		1	UBND huyện Mê Linh	
24	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Tri Trung		1	2021-2023	5888/QĐ-UBND 13/11/2021	20.733	16.502		14.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
25	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vân Cốc (giai đoạn I) xã Vân Phúc		1	2021-2023	3122/QĐ-UBND 14/10/2021	44.982	39.628		39.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
26	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phúc Lộc, xã Sen Phương		1	2022-2024	3648/QĐ-UBND 15/11/2021	17.136	15.183		15.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
27	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, chùa Hương Tảo xã Ngọc Tảo		1	2022-2024	3647/QĐ-UBND 15/11/2021	34.070	28.991		17.000			UBND huyện Phúc Thọ	
28	Tu bổ, tôn tạo đình làng Kim Thượng, xã Kim Lũ		1	2021-2023	4826/QĐ-UBND 04/11/2021	25.433	20.411	40	15.000			UBND huyện Sóc Sơn	
29	Tu bổ, tôn tạo đình làng Xuân Bách, xã Quang Tiến		1	2021-2023	4824/QĐ-UBND 04/11/2021	14.172	11.086	30	8.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
30	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bách Kim, xã Phú Kim		1	2022-2024	4496/QĐ-UBND 01/11/2021	35.000	33.889	500	17.000			UBND huyện Thạch Thất	
31	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Cao (Bảo Quốc Tự) xã Hạ Bằng		1	2022-2024	4493/QĐ-UBND 01/11/2021	40.200	32.437	0	18.000			UBND huyện Thạch Thất	
32	Nhà Văn hóa thôn Tân Dân 1, xã Phương Trung		1	2022	7091/QĐ-UBND 23/11/2021	3.083	2.481		2.500		1	UBND huyện Thanh Oai	
33	Tu bổ, tôn tạo đình Lẽ Khê		1	2021-2023	1019/QĐ-UBND 13/9/2021	22.918	18.250	0	16.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
34	Tu bổ, tôn tạo Đình Đền Phú Nhi	1		2022-2025	1352/QĐ-UBND 09/11/2021	49.398	40.118	0	30.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
III	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng ảnh hưởng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố	4	16			853.014	699.562	269.845	304.300	0	13		
III.1	Dự án chuyển tiếp	4	6			442.957	360.853	267.166	121.400	0	10		
1	Xây mới trụ sở UBND xã Nam Phương Tiến		1	2020-2022	4507/QĐ-UBND 28/5/2020	36.993	23.933	16.000	7.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hồng Kỳ A		1	2021-2022	4704/QĐ-UBND 04/12/2020; 4013/QĐ-UBND 23/9/2021	14.990	13.055	9.300	4.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (giai đoạn 3)	1		2021-2022	3269/QĐ-UBND 22/9/2020	75.509	73.935	58.875	26.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Nam Sơn (giai đoạn 3)	1		2021-2022	3047/QĐ-UBND 10/9/2020	61.995	54.306	43.440	18.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Hồng Kỳ (giai đoạn 3)		1	2021-2022	4131/QĐ-UBND 11/11/2020	28.825	23.019	17.740	8.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 - Kim Sơn - Đường 35	1		2021-2023	3306/QĐ-UBND 25/9/2020	47.452	27.889	25.471	12.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Vĩnh Hà - Hồ Đồng Quan		1	2021-2023	14/NQ-HUBND 20/7/2021; 5489/QĐ-UBND 01/12/2021	16.000	13.637	7.090	3.900		1	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Hồng Kỳ - Đô Tân	1		2021-2025	2637/QĐ-UBND 06/7/2021	86.443	78.353	40.750	38.300		1	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường và rãnh thoát nước trên địa bàn xã Xuân Sơn		1	2020-2021	1372/QĐ-UBND 15/10/2019; 558/QĐ-UBND 01/6/2020	29.775	23.820	21.500	2.300		1	UBND thị xã Sơn Tây	
10	Xây dựng trụ sở UBND xã Đường Lâm		1	2021-2023	1104/QĐ-UBND 30/9/2020	44.975	28.906	27.000	1.900		1	UBND thị xã Sơn Tây	
III.2	Dự án khởi công mới năm 2022	0	10			410.057	338.709	2.679	182.900	0	3		
1	Đường giao thông nông thôn xã Nam Phương Tiến		1	2022-2023	6036/QĐ-UBND 29/10/2021	13.876	11.770		11.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Đường giao thông nông thôn xã Tân Tiến		1	2022-2023	6037/QĐ-UBND 29/10/2021	14.926	12.646		12.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Châu Can		1	2021-2023	5738/QĐ-UBND 05/11/2021	46.894	39.030		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Trđó: Vốn XSKT			
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án xử lý rác thải Châu Can		1	2021-2024	5739/QĐ-UBND 05/11/2021	49.999	39.251		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
5	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Sơn		1	2021-2023	3681/QĐ-UBND 10/9/2021	28.465	23.441	140	13.000			UBND huyện Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hồng Kỳ khu A		1	2021-2023	4813/QĐ-UBND 04/11/2021	40.396	32.790	50	20.000			UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Nam Sơn		1	2021-2023	4759/QĐ-UBND 03/11/2021	56.993	47.103	852	20.000			UBND huyện Sóc Sơn	
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Bắc Sơn		1	2021-2023	4760/QĐ-UBND 03/11/2021	57.998	49.390	887	20.000			UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến tiêu thoát nước trực chính xã Hồng Kỳ		1	2021-2023	4758/QĐ-UBND 03/11/2021	54.998	46.352	750	20.000			UBND huyện Sóc Sơn	
10	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường và rãnh thoát nước trên địa bàn xã Xuân Sơn (Giai đoạn 2)		1	2022-2024	1359/QĐ-UBND 10/11/2021	45.512	36.936	0	36.900		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
IV	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kinh tế (đường giao thông, kênh mương tưới tiêu...)	22	119			7.509.208	6.164.628	1.895.144	2.822.800	0	101		
IV.1	Dự án chuyển tiếp	13	67			4.364.150	3.694.470	1.893.644	1.419.000	0	74		
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Vật Lại - Cẩm Lĩnh - Phú Sơn		1	2020-2022	6477/QĐ-UBND 30/10/2020	40.000	33.169	14.000	19.000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Nâng cấp tuyến đường liên xã Sơn Đà - Thuận Mỹ (nối TL 413 với TL 414C)		1	2020-2022	6481/QĐ-UBND 30/10/2020	34.985	27.242	13.000	14.200		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Thuận Mỹ - Sơn Đà		1	2021-2023	2380/QĐ-UBND 23/8/2019	49.684	41.375	16.000	25.300		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Vạn Thắng đi cầu Văn Lang		1	2020-2022	6478/QĐ-UBND 30/10/2020	30.000	24.801	13.000	11.800		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Tân Lĩnh - Yên Bài đi UBND xã Vân Hòa		1	2021-2023	3349/QĐ-UBND 12/6/2021	60.000	51.678	30.000	21.600		1	UBND huyện Ba Vì	
6	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Đồng Bàng - Phú Châu (Nối QL32 đi đê Hữu Hồng)		1	2021-2023	3345/QĐ-UBND 12/6/2021	59.000	55.506	35.000	20.500		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL 412 đi đường liên xã Tiên Phong - Thụy An		1	2021-2023	3347/QĐ-UBND 12/6/2021	45.000	37.211	25.000	12.200		1	UBND huyện Ba Vì	
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cam Thượng - Đông Quang		1	2021-2023	2197/QĐ-UBND 28/4/2021	39.950	41.269	17.000	24.200		1	UBND huyện Ba Vì	
9	Cải tạo, mở rộng đường trục xã từ Ngầm tràn đến trung tâm xã Minh Châu		1	2021-2023	3348/QĐ-UBND 12/6/2021	14.700	12.543	7.000	5.500		1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
10	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính và hệ thống tiêu thoát nước xã Vạn Thắng		1	2021-2022	3354/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900	12.008	7.000	5.000		1	UBND huyện Ba Vì	
11	Nâng cấp cải tạo đường giao thông trục chính Vân Hội		1	2021-2022	3353/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900	12.590	7.000	5.500		1	UBND huyện Ba Vì	
12	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Nương Xoan và kênh tưới xã Thụy An		1	2021-2023	3346/QĐ-UBND 12/6/2021	14.579	12.203	7.000	5.200		1	UBND huyện Ba Vì	
13	Cứng hóa hệ thống kênh tiêu thôn Phú An - Trung Hà, xã Thái Hòa		1	2021-2023	3357/QĐ-UBND 12/6/2021	14.980	12.795	7.000	5.700		1	UBND huyện Ba Vì	
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước xã Minh Châu		1	2021-2023	3342/QĐ-UBND 12/6/2021	14.600	12.774	7.000	5.700		1	UBND huyện Ba Vì	
15	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường liên thôn Cộng Hòa đi Thuận An, xã Thái Hòa		1	2021-2023	3350/QĐ-UBND 12/6/2021	20.018	15.198	10.000	5.200		1	UBND huyện Ba Vì	
16	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông xã Cẩm Lĩnh đi đường giao thông liên xã Cẩm Lĩnh - Phú Sơn, huyện Ba Vì		1	2020-2022	2886/QĐ-UBND 24/5/2021	30.000	26.156	15.000	11.000		1	UBND huyện Ba Vì	
17	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn xã Cẩm Lĩnh		1	2021-2023	3346/QĐ-UBND 12/6/2021	25.000	21.648	15.000	6.600		1	UBND huyện Ba Vì	
18	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL32 đi trung tâm xã Phú Sơn		1	2021-2023	3352/QĐ-UBND 12/6/2021	20.000	16.279	10.000	6.200		1	UBND huyện Ba Vì	
19	Cải tạo, nâng cấp đường phân luồng giao thông máng 7 (Đoạn từ Chợ Cống đi xã Thụy Hương)		1	2021-2023	9905/QĐ-UBND 26/10/2020	72.339	60.247	25.000	35.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
20	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	1		2020-2022	6332/QĐ-UBND 17/10/2019	112.513	94.297	81.950	30.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	NS huyện bố trí năm 2020
21	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (Đoạn Hoàng Diệu - Thượng Vực)		1	2021-2023	3722/QĐ-UBND 29/6/2021	47.708	32.997	20.000	12.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
22	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực		1	2021-2023	1745/QĐ-UBND 25/3/2021	47.045	31.717	20.000	11.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
23	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đồng Lạc và cứng hóa kênh		1	2021-2022	3907/QĐ-UBND 06/7/2021	40.807	33.565	18.000	15.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
24	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp cải tạo trục đường giao thông tuyến từ đê Tả Đáy đi thôn 8, thôn 9, thôn Cát Ngòi đến đường ĐH04		1	2021-2023	8804/QĐ-UBND 03/12/2020	38.148	26.787	15.000	11.000		1	UBND huyện Hoài Đức	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
25	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ Đê tả Sông Hồng đi đường Mê Linh (đoạn từ xóm Tỏi, thôn Khê Ngoại, xã Văn Khê - Thôn Tân Châu, xã Chu Phan đến đường Mê Linh)		1	2021-2023	1156/QĐ-UBND 15/3/2021	20.467	18.201	8.000	9.000		1	UBND huyện Mê Linh	
26	Đường liên xã Hồng Sơn - An Mỹ, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội		1	2020-2022	3850/QĐ-UBND 29/10/2020	79.997	70.381	28.000	25.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
27	Đường giao thông xã Phù Lưu Tế (đoạn đường từ Cầu Gỗ TL419 đến cầu Sâu Gia - Phù Lưu Tế)		1	2020-2022	3820/QĐ-UBND 27/10/2020	79.980	69.879	27.000	25.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
28	Đường liên xã Phù Lưu Tế - Xuy Xá		1	2020-2022	3795/QĐ-UBND 27/10/2020	79.900	69.597	26.000	25.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
29	Cải tạo, nâng cấp đường Đục Khê đi Tiên Mai, huyện Mỹ Đức (Giai đoạn 2)		1	2021-2023	2002/QĐ-UBND 20/8/2021	78.832	50.000	28.000	22.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
30	Đường từ Trụ sở Công an huyện đi đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ		1	2019-2022	5493/QĐ-UBND 31/12/2019	60.990	30.810	18.000	12.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
31	Đường giao thông liên xã Phượng Dực Đại Thắng		1	2021-2023	5494/QĐ-UBND 31/12/2019	54.638	39.823	20.000	15.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
32	Đường trục xã Quang Lăng (nối từ tỉnh lộ 428 đi Chùa Viên Minh)		1	2021-2023	5490/QĐ-UBND 31/12/2019; 1417/QĐ-UBND 22/04/2021	69.954	53.080	32.000	20.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
33	Nạo vét, tu bổ kênh mương xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên	1		2021-2022	2105/QĐ-UBND 19/4/2021	80.000	64.941	32.000	25.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
34	Cứng hóa kênh mương tuyến chính kết hợp đường giao thông nội đồng Hòa Mỹ, Hồng Minh		1	2021-2022	2211/QĐ-UBND 28/4/2021	34.994	29.104	14.000	15.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
35	Cải tạo, nâng cấp đường trục kết hợp cứng hóa kênh mương xã Tri Thủy		1	2021-2023	2287/QĐ-UBND 17/5/2021	34.954	29.102	10.000	19.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
36	Cải tạo, nâng cấp đường trục kết hợp cứng hóa kênh mương đường trục xã Minh Tân		1	2021-2023	2288/QĐ-UBND 17/5/2021	34.918	29.138	10.000	19.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
37	Nạo vét, tu bổ kênh mương xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên		1	2021-2023	2289/QĐ-UBND 17/5/2021	28.880	23.444	5.000	15.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
38	Đường Quân sự Châu Can (Giai đoạn 2)		1	2021-2023	2449/QĐ-UBND 01/6/2021	46.993	38.692	15.000	18.000			UBND huyện Phú Xuyên	
39	Đường giao thông nối từ đường tỉnh lộ 428 (chợ Bìm) đi thôn Vĩnh Thượng xã Khai Thái (đến cầu Văn Chi)		1	2021-2023	3038/QĐ-UBND 05/7/2021	41.733	34.085	15.000	19.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
40	Đường trục GT nối đường tỉnh 428 lên Đê sông Hồng		1	2021-2023	3039/QĐ-UBND 05/7/2021	43.000	32.913	15.000	15.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
41	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Tiến Phú Minh		1	2021-2023	3037/QĐ-UBND 05/7/2021	30.915	24.064	10.000	14.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
42	Đường kết nối An Bình - Thủy Trú - Giáp Tư		1	2021-2023	3040/QĐ-UBND 06/7/2021	33.830	25.966	14.700	11.200		1	UBND huyện Phú Xuyên	
43	Đường trục kết nối Duyên Trang - Duyên Yết		1	2021-2023	3041/QĐ-UBND 06/7/2021	34.389	27.957	15.000	12.900		1	UBND huyện Phú Xuyên	
44	Đường trục xã Chuyên Mỹ		1	2021-2023	2844/QĐ-UBND 07/6/2021	42.416	35.115	16.500	18.600		1	UBND huyện Phú Xuyên	
45	Xây dựng hệ thống chiếu sáng bờ Tà, bờ Hữu đê sông Nhuệ, sông Lương, sông Duy Tiên		1	2021-2023	2809/QĐ-UBND 03/6/2021	58.875	49.225	21.000	28.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
46	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn các xã: Tri Thủy, Bạch Hạ, Hồng Minh, Phú Túc		1	2021-2023	2810/QĐ-UBND 03/6/2021	37.328	31.540	13.000	18.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
47	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên trục huyện: Hoàng Long - Phú Túc; Hồng Minh - Tri Trung; Tri Trung - Hoàng Long - Ứng Hòa; Nội Hợp - Thụy Phú; Minh Tân - Trí Thủy - Quang Lăng; Truyền Thống; Đại Thắng - Tân Dân		1	2021-2023	2811/QĐ-UBND 03/6/2021	44.756	37.044	16.000	21.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
48	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Nam Phong - Hồng Thái		1	2021-2023	2812/QĐ-UBND 03/6/2021	32.779	27.008	12.000	15.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
49	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH 09 Phú Cát - Hoà Thạch - Đông Yên)	1		2019-2023	5079/QĐ-UBND 29/10/2018; 3560/QĐ-UBND 12/9/2019	222.948	215.487	169.400	20.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
50	Xây dựng tuyến đường trung tâm xã Tân Phú		1	2020-2022	4150/QĐ-UBND 30/10/2019; 122/QĐ-UBND 21/5/2021	64.980	36.488	43.000	6.400		1	UBND huyện Quốc Oai	
51	Xây dựng, hoàn chỉnh tuyến trục phía Tây Nam kết nối với huyện Hoài Đức và khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đoạn ĐH 02 đi ĐH 01 (Quốc Oai - Hòa Thạch)		1	2021-2023	2489/QĐ-UBND 05/4/2021	72.244	64.064	40.500	23.500		1	UBND huyện Quốc Oai	
52	Xây dựng đường giao thông xã Phương Cách (tuyến nối từ TL421B đi đường TL421A)		1	2021-2023	2493/QĐ-UBND 05/4/2021	61.190	56.000	26.000	20.000		1	UBND huyện Quốc Oai	
53	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Phú Hạ - Thanh Sơn		1	2021-2023	4147/QĐ-UBND 13/11/2020	47.000	44.236	32.794	11.700		1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kê giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
54	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Tỉnh lộ 131 (Qua KCN Nội Bài) giai đoạn 2	1		2022-2025	2634/QĐ-UBND 06/7/2021	98.203	94.573	67.300	20.000		1	UBND huyện Sóc Sơn	
55	Đường H14 - Đoạn Cẩn Kiệm đi Hạ Bằng (CNC Hoà Lạc)		1	2021-2023	5660/QĐ-UBND 12/11/2020	52.000	46.116	26.000	20.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
56	Cải tạo nâng cấp đường dân sinh từ khu đấu giá trung tâm đi trường mầm non xã Hương Ngải		1	2021-2022	2733/QĐ-UBND 16/7/2021	22.500	13.907	10.000	3.900		1	UBND huyện Thạch Thất	
57	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Trúc (đoạn đổi Phe đi ao Địa Hoi và đoạn ngã tư Trúc Động đi Đại lộ Thăng Long)		1	2021-2023	3304/QĐ-UBND 25/8/2021	31.187	9.775	5.000	4.700		1	UBND huyện Thạch Thất	
58	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - trục phát triển phía Nam - Thanh Thủy	1		2021-2022	2304/QĐ-UBND 30/10/2020	86.000	73.722	40.000	30.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
59	Đường Bích Hòa - Bình Minh đi đường tỉnh lộ 427, huyện Thanh Oai		1	2021-2023	4424/QĐ-UBND 24/8/2021	68.367	60.031	50.000	10.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
60	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Thư - Đỗ Động - Thanh Văn	1		2021-2023	3133/QĐ-UBND 18/6/2021	105.000	95.533	60.000	35.000		1	UBND huyện Thanh Oai	
61	Đường QL21B từ ngã ba Thạch Bích đi Chương Mỹ (Giai đoạn II)		1	2021-2023	3134/QĐ-UBND 18/6/2021	48.000	28.656	20.000	8.600		1	UBND huyện Thanh Oai	
62	Đường liên xã Thắng Lợi - Tô Hiệu (từ cụm công nghiệp đi đường 429), huyện Thường Tín		1	2024-2023	2220/QĐ-UBND 02/7/2021	53.421	47.132	24.000	15.000		1	UBND huyện Thường Tín	
63	Đường liên xã Nguyễn Trãi - Tân Minh		1	2018-2023	2557/QĐ-UBND 09/7/2021	49.069	44.514	21.000	23.500		1	UBND huyện Thường Tín	
64	Đường từ Quốc lộ 1A đi đê sông Nhuệ xã Nguyễn Trãi		1	2021-2025	1456/QĐ-UBND 11/5/2021	27.549	22.621	8.000	14.600		1	UBND huyện Thường Tín	
65	Đường trục chính xã Chương Dương từ dốc đê Hữu Hồng (xóm 1 xã Chương Dương) đến kênh Đông		1	2018-2022	1255/QĐ-UBND 16/04/2021	27.025	22.062	9.500	12.500		1	UBND huyện Thường Tín	
66	Nâng cấp, mở rộng đường Cẩn Thơ-Xuân Quang đi Đông Lỗ (Giai đoạn 3)	1		2021-2023	933/QĐ-UBND 09/11/2020	88.000	80.731	30.000	50.500		1	UBND huyện Ứng Hòa	
67	Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi Tỉnh lộ 426	1		2021-2023	935/QĐ-UBND 10/11/2020	96.000	88.182	30.000	20.000			UBND huyện Ứng Hòa	
68	Đường trục từ kinh tế phía Nam thành phố Hà Nội đi QL 38 tỉnh Hà Nam		1	2020-2023	930/QĐ-UBND 06/11/2020	69.388	63.514	24.000	39.500		1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Trở: Vốn XSKT			
69	Đường giao thông liên xã Hòa Phú đi Hòa Nam (từ làng Quan Xá đến gốc đề thôn Nội Xá nối đường Vạn Thái - Tảo Dương Văn)		1	2023-2025	655/QĐ-UBND 05/7/2021	50.000	40.609	25.000	15.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
70	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình huyện Ứng Hoà	1		2021-2023	829/QĐ-UBND 24/08/2021	115.197	108.492	40.000	20.000			UBND huyện Ứng Hòa	
71	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hoà	1		2021-2023	827/QĐ-UBND 24/08/2021	184.380	169.832	55.000	70.000			UBND huyện Ứng Hòa	
72	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Hoà Lâm - Trung Tú (từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	1		2021-2024	828/QĐ-UBND 24/08/2021 923/QĐ-UBND 04/10/2021	149.600	135.662	27.000	30.000			UBND huyện Ứng Hòa	
73	Đường giao thông kết hợp cứng hoá kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía nam huyện Ứng Hoà	1		2021-2023	818/QĐ-UBND 24/08/2021	90.000	83.309	30.000	53.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
74	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển kinh tế phía Nam	1		2021-2023	359/QĐ-UBND 19/04/2021	133.000	124.843	40.000	30.800			UBND huyện Ứng Hòa	
75	Đường giao thông liên xã Trường Thịnh đi Hoa Sơn, Cao Thành huyện Ứng Hoà		1	2021-2023	180/QĐ-UBND 12/03/2021	35.000	31.128	13.000	18.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
76	Nâng cấp, cải tạo đường, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Sơn Đông từ QL21 qua UBND xã đến ĐT418 và hệ thống thoát nước trục chính xã Sơn Đông		1	2021-2023	1324/QĐ-UBND 12/11/2020	30.579	25.492	18.000	6.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
77	Nâng cấp, cải tạo rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cổ Đông đoạn từ QL21 đi UBND xã Cổ Đông và hệ thống thoát nước trục chính xã Cổ Đông		1	2021-2023	1320/QĐ-UBND 12/11/2020	30.647	24.814	18.000	5.500		1	UBND thị xã Sơn Tây	
78	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Thanh Mỹ - Xuân Sơn		1	2021-2023	1323/QĐ-UBND 12/11/2020	28.147	22.079	17.000	5.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
79	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước thôn Phụ Khang, xã Đường Lâm		1	2021-2023	176/QĐ-UBND 09/02/2021	22.026	17.248	9.000	8.200		1	UBND thị xã Sơn Tây	
80	Hệ thống chiếu sáng đường trục xã Sơn Đông giai đoạn 2		1	2021-2023	1326/QĐ-UBND 12/11/2020	19.129	16.454	9.000	6.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	
IV.2	Dự án khởi công mới năm 2022	9	52			3.145.058	2.470.158	1.500	1.403.800	0	27		

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMĐT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
1	Đường giao thông nối TL 411B đi đường dẫn cầu Văn Lang		1	2021-2023	8073/QĐ-UBND 13/11/2021	45.000	38.182		38.100		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Châu Sơn - Tân Hồng huyện Ba Vì		1	2022-2024	8072/QĐ-UBND 13/11/2021	40.950	29.070		29.000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Đường giao thông liên xã Tây Đằng - Vật Lại		1	2021-2023	8038/QĐ-UBND 13/11/2021	60.000	36.285		36.200			UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới kết hợp đường giao thông nội đồng xã Vạn Thắng		1	2021-2023	6870/QĐ-UBND 13/10/2021	24.800	20.032		20.000		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Xây dựng hệ thống kênh tưới nước hồ Tây Ninh xã Tân Hồng		1	2022-2024	8056/QĐ-UBND 13/11/2021	56.985	50.641		20.000			UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới kết hợp đường giao thông nội đồng xã Cổ Đô		1	2021-2023	6668/QĐ-UBND 13/10/2021	18.500	16.099		16.000		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Cải tạo, nâng cấp đập tràn suối Bóp thôn Hương Canh xã Khánh Thượng		1	2022-2024	8065/QĐ-UBND 13/11/2021	24.050	19.792		19.700		1	UBND huyện Ba Vì	
8	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước đường Ba Vành - Suối Mơ (nối xã Vân Hòa đi xã Yên Bài)		1	2022-2023	8028/QĐ-UBND 12/11/2021	11.000	9.405		9.400		1	UBND huyện Ba Vì	
9	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Cam Thượng		1	2021-2022	6865/QĐ-UBND 13/10/2021	13.941	11.571		11.300		1	UBND huyện Ba Vì	
10	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Cổ Đô, xã Phú Cường		1	2021-2022	6863/QĐ-UBND 13/10/2021	14.944	13.271		13.000		1	UBND huyện Ba Vì	
11	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Sơn Đà, Tòng Bạt		1	2020-2022	6864/QĐ-UBND 13/10/2021	14.782	12.728		12.500		1	UBND huyện Ba Vì	
12	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các thôn: Cửa Đình, Đài Hoa, Phú Mỹ, Vân Hồng, Chợ Chàng, Cao Nhàng, Cầu Bả, thị trấn Tây Đằng		1	2021-2022	6867/QĐ-UBND 13/10/2021	11.000	9.267		9.000		1	UBND huyện Ba Vì	
13	Kè chống sạt lở Đồi Ông Bụt, xã Ngọc Hòa		1	2021-2022	6039/QĐ-UBND 29/10/2021	9.071	6.750		6.500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
14	Đường từ tỉnh lộ 419 đi trạm bơm tiêu An Vọng, xã Hoàng Diệu		1	2022-2024	6035/QĐ-UBND 29/10/2021	57.598	38.883		14.000			UBND huyện Chương Mỹ	
15	Cải tạo, nâng cấp đường Trường Yên - Trung Hòa - Tốt Động		1	2022-2025	6034/QĐ-UBND 29/10/2021	57.769	49.138		15.000			UBND huyện Chương Mỹ	
16	Đường từ tỉnh lộ 419 đi cầu Gồm xã Mỹ Lương		1	2022-2024	6007/QĐ-UBND 28/10/2021	51.200	30.971		13.000			UBND huyện Chương Mỹ	
17	Đường từ Chợ Sẻ xã Hồng Phong đi xã Đồng Lạc, tỉnh lộ 429	1		2022-2025	6006/QĐ-UBND 28/10/2021	115.302	104.574		25.000			UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
18	Xây dựng tuyến đường giao thông tuyến N14 đi tỉnh lộ 417		1	2021-2023	4849/QĐ-UBND 09/11/2021	32.988	14.014		14.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
19	Xây dựng đường giao thông tuyến N14 (nối chân cầu phùng với đường N6), huyện Đan Phượng	1		2021-2023	4852/QĐ-UBND 09/11/2021	84.090	41.674		18.000			UBND huyện Đan Phượng	
20	Xây dựng đường từ UBND xã An Tiến đi đường trục phát triển huyện Mỹ Đức		1	2021-2023	2562/QĐ-UBND 26/10/2021	49.956	39.186		39.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
21	Đường liên xã Tuy Lai đi Đồng Tâm (tránh Thượng Lâm)		1	2021-2023	2563/QĐ-UBND 26/10/2021	79.988	51.834		51.000			UBND huyện Mỹ Đức	
22	Đường giao thông từ xã Hợp Thanh đi đường Đỗ Xá-Quan Sơn		1	2021-2023	2561/QĐ-UBND 26/10/2021	70.000	42.952		42.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	
23	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tri Trung		1	2021-2023	5884/QĐ-UBND 13/11/2021	59.995	48.725		20.000			UBND huyện Phú Xuyên	
24	Đường giao thông liên xã Hồng Minh - Tri Trung		1	2021-2023	5407/QĐ-UBND 04/11/2021	42.267	34.729		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
25	Đường trục giao thông Duyên Yết - Duyên Trang - Lặt Dương		1	2021-2023	5735/QĐ-UBND 05/11/2021	22.661	18.726		18.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
26	Đường trục phát triển kinh tế Văn Hoàng-Phượng Dực (nối từ TL429 đến đê sông Nhuệ)	1		2022-2025	5647/QĐ-UBND 02/11/2021	160.662	148.665		40.000			UBND huyện Phú Xuyên	
27	Đường trục kết nối giao thông từ ĐT428 - đường Truyền Thống đến đường Thao Chính Nam Triều	1		2022-2025	5709/QĐ-UBND 05/11/2021	99.163	89.509		30.000			UBND huyện Phú Xuyên	
28	Đường giao thông liên xã Bạch Hạ - Minh Tân (giai đoạn 2)		1	2022-2025	5672/QĐ-UBND 03/11/2021	59.064	54.373		20.400			UBND huyện Phú Xuyên	
29	Đường trục xã từ 428B (ông Đầu) đến điểm cuối đầu vào đường liên xã Quang Lăng-Minh Tân		1	2022-2024	5893/QĐ-UBND 13/11/2021	45.974	39.308		15.000			UBND huyện Phú Xuyên	
30	Đường trục xã Phú Túc		1	2022-2024	5894/QĐ-UBND 13/11/2021	64.890	41.812		20.000			UBND huyện Phú Xuyên	
31	Đường liên xã Ngọc Tảo đi Thượng Cốc		1	2021-2023	4080/QĐ-UBND 11/11/2020	54.243	40.008		25.000			UBND huyện Phúc Thọ	
32	Xây dựng tuyến đường giao thông nối từ đường ĐH01 đi ĐH02, xã Nghĩa Hương và xã Liệp Tuyết		1	2021-2024	5295/QĐ-UBND 04/11/2021	70.224	64.064	0	20.000			UBND huyện Quốc Oai	
33	Xây dựng đường ĐH 08 kết nối tỉnh lộ 422 đi thôn Năm Trại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai		1	2021-2023	5316/QĐ-UBND 08/11/2021	39.485	33.461	0	15.000			UBND huyện Quốc Oai	
34	Đường nối Tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương (nhánh đi Nam Cường)		1	2021-2023	2635/QĐ-UBND 06/7/2021	40.000	20.983	200	15.000			UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMDT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
35	Cải tạo, nâng cấp trục đường Tân Hưng - Bắc Phú - Việt Long đến đê Lương Phúc	1		2021-2024	2636/QĐ-UBND 06/7/2021	106.000	92.364	300	35.000			UBND huyện Sóc Sơn	
36	Xây dựng đường từ đường E Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi Đại Lộ Thăng Long	1		2022-2025	4517/QĐ-UBND 04/11/2021	187.996	176.482	1.000	50.000			UBND huyện Thạch Thất	
37	Nâng cấp, mở rộng đường Tân Ước - Liên Châu đi huyện Thường Tín	1		2021-2022	2305/QĐ-UBND 30/10/2020	81.000	71.170	0	50.000			UBND huyện Thanh Oai	
38	Đường kết nối từ TL427 (tại vị trí cuối đường địa muỗ) đến đường trục phát triển phía nam		1	2021-2024	6097/QĐ-UBND 25/10/2021	49.721	36.874	0	36.800			UBND huyện Thanh Oai	
39	Đường liên xã Bình Minh- Mỹ Hưng (đoạn từ đường trục phát triển đến đình Minh Kha)		1	2021-2023	6096/QĐ-UBND 25/10/2021	35.827	20.966	0	20.900		1	UBND huyện Thanh Oai	
40	Đường Xuân Dương - Cao Dương - Hồng Dương - Liên Châu (Giai đoạn II)		1	2021-2023	6098/QĐ-UBND 25/10/2021	77.600	57.916	0	28.000			UBND huyện Thanh Oai	
41	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tự Nhiên (đoạn từ ngã ba chợ đến đường liên xã Hồng Vân - Tự Nhiên - Chương Dương)		1	2021-2024	3946/QĐ-UBND 29/10/2021	58.631	48.798	0	29.000			UBND huyện Thường Tín	
42	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL1A đến kênh Tây trên địa bàn xã Thăng Lợi		1	2021-2023	3221/QĐ-UBND 26/8/2021	13.975	7.848		7.500		1	UBND huyện Thường Tín	
43	Đường trục xã Hòa Bình (đoạn từ đường liên xã Hòa Bình - Nhị Khê đi TL 427)		1	2021-2023	3863/QĐ-UBND 21/10/2021; 4541/QĐ-UBND 25/11/2021	35.000	27.742	0	27.700		1	UBND huyện Thường Tín	
44	Đường trục xã Văn Bình (đoạn từ đường vành đai 4 đến trung tâm văn hóa xã)		1	2022-2024	3864/QĐ-UBND 21/10/2021; 3911/QĐ-UBND 29/10/2021	31.508	13.339	0	13.000		1	UBND huyện Thường Tín	
45	Đường liên xã Tân Minh - Tiền Phong		1	2021-2024	4355/QĐ-UBND 15/11/2021	48.766	36.730	0	20.700			UBND huyện Thường Tín	
46	Đường nối từ Tỉnh lộ 429A đến tỉnh lộ 429B, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1		2021-2023	1050/QĐ-UBND 25/10/2021	100.012	89.327	0	45.000			UBND huyện Ứng Hòa	
47	Đường trục nội đồng Bình Thịnh - Thu Hóa đi ra Tỉnh lộ 428, thôn Ngọc Động, xã Phương Tú		1	2021-2023	990/QĐ-UBND 14/10/2021	45.000	37.403	0	20.000			UBND huyện Ứng Hòa	
48	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn từ QL 21B đi Thọ vực, Xuân Quang xã Đội Bình		1	2021-2023	2017/QĐ-UBND 01/11/2021	65.000	55.551	0	25.000			UBND huyện Ứng Hòa	
49	Đường giao thông xã Quảng Phú Cầu đi xã Liên Bạt kết hợp kênh tưới tiêu		1	2021-2023	988/QĐ-UBND 14/10/2021	44.900	38.554	0	20.000			UBND huyện Ứng Hòa	
50	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Liên Bạt đi Trường Thịnh		1	2021-2023	1096/QĐ-UBND 29/10/2021	22.957	19.360	0	19.300		1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	DA nhóm		KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế giải ngân/KH hết 2021	KH năm 2022		CT HT 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C		Số, ngày QĐ	TMBT	XL+TB		Tổng số	Tráo: Vốn XSKT			
51	Đường giao thông liên xã Đồng Tiến đi Trường Thịnh (từ đê tả Đáy thôn Giang Đường đi kênh Tân Phương)		1	2021-2023	2137/QĐ-UBND 19/11/2021	50.000	36.880		18.000			UBND huyện Ứng Hòa	
52	Cải tạo, nâng cấp trục đường giao thông từ QL21B qua UBND xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa đi Phú Túc - Phú Xuyên		1	2021-2023	2136/QĐ-UBND 19/11/2021	46.950	39.224		20.000			UBND huyện Ứng Hòa	
53	Đường trục nuôi trồng thủy sản thôn Ngọc Động, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa		1	2021-2023	2135/QĐ-UBND 19/11/2021	45.000	31.364		15.000			UBND huyện Ứng Hòa	
54	Đường I2-14B liên xã Minh Đức-Trầm Lộng (Điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức-Ngăm)	1		2021-2023	2040/QĐ-UBND 04/11/2021	90.000	62.230	0	30.000			UBND huyện Ứng Hòa	
55	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Trường Thịnh đi Hoa Sơn		1	2021-2023	1095/QĐ-UBND 29/10/2021	28.845	23.934	0	23.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
56	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 5 Cổng Ô đi Phù Sa, Viên Sơn		1	2021-2023	1318/QĐ-UBND 05/11/2021	16.840	9.545	0	9.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
57	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ TL 418 thôn Đại Quang qua cống Chương đi xã Cổ Đông và đường trục thôn Vạn An, xã Sơn Đông		1	2021-2023	1380/QĐ-UBND 11/11/2021	28.052	14.487	0	14.500		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
58	Nâng cấp, cải tạo đường, xây dựng hệ thống thoát nước xã Cổ Động tuyến từ Cổ Liễn đi QL21A		1	2022-2024	1360/QĐ-UBND 10/11/2021	30.565	24.796	0	24.800		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
59	Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn các xã Cổ Động, Sơn Đông, Thanh Mỹ, Kim Sơn, Xuân Sơn		1	2022-2024	1351/QĐ-UBND 09/11/2021	30.000	24.414	0	24.400		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
60	Nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh, mương thuộc các xã Sơn Đông, Thanh Mỹ, Đường Lâm		1	2022-2024	1358/QĐ-UBND 10/11/2021	44.327	34.146	0	34.100		1	UBND Thị xã Sơn Tây	
61	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh từ Vai Đá đi Sông Sang, xã Kim Sơn		1	2022-2024	1357/QĐ-UBND 10/11/2021	28.044	18.032	0	18.000		1	UBND Thị xã Sơn Tây	

Phụ lục 07
NGÂN SÁCH QUẬN HỖ TRỢ HUYỆN NĂM 2022
 (Kèm theo Báo cáo số **343** /BC-UBND ngày **01/12/2021** của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quận đề xuất hỗ trợ	Kinh phí các quận đề xuất hỗ trợ năm 2022	Nguồn vốn hỗ trợ	Huyện/Thị xã nhận hỗ trợ	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2021	NS quận hỗ trợ huyện năm 2022		Ghi chú
									Số DA	Kinh phí	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số	2.600					5.223	2.600	1	2.600	
	<i>Lĩnh vực y tế</i>	<i>2.600</i>					<i>5.223</i>	<i>2.600</i>	<i>1</i>	<i>2.600</i>	
I	UBND quận Hà Đông	2.600	Nguồn Ngân sách Quận Kế hoạch 2022	UBND huyện Phúc Thọ	Trạm y tế xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ	4079/QĐ-UBND 11/11/2020	5.223	2.600	1	2.600	Văn bản số 3461/UBND-TCKH ngày 08/11/2021

hct

Phụ lục 8

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(VỐN TRONG NƯỚC) ĐỂ THU HỒI VỐN ỨNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 343/BC-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên dự án	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó năm 2021	
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó vốn NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng			12.229.831	4.202.266	1.031.575	449.594	
I	Lĩnh vực văn hóa			2.831.561	1.128.000	298.667	116.012	
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			2.831.561	1.128.000	298.667	116.012	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020			2.831.561	1.128.000	298.667	116.012	
1	Các dự án, chương trình trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội	11705	251/QĐ-UBND 10/2/2008; 2201/QĐ-UBND 15/5/2009; 1804/QĐ-UBND 15/5/2009; 2471/QĐ-UBND 08/12/2008; 6192/QĐ-UBND 17/10/2003; 4170/QĐ-UBND 08/7/2004; 1384/QĐ-BGTVT 11/5/2007; 3539/QĐ-UBND 10/9/2007; 1209/QĐ-TTg 04/12/2000; 5062/QĐ-UB 16/8/2004	2.831.561	1.128.000	298.667	116.012	
II	Lĩnh vực thể dục, thể thao			494.790	494.790	125.173	125.173	
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			494.790	494.790	125.173	125.173	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020			494.790	494.790	125.173	125.173	
1	Dự án đầu tư phục vụ Đại hội thể thao Châu Á trong nhà lần thứ II	11704	2646/QĐ-UBND 07/7/2008	494.790	494.790	125.173	125.173	

TT	Tên dự án	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó năm 2021	
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó vốn NSTW			
III	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.376.229	739.311	392.305	70.000	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.376.229	739.311	392.305	70.000	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020			1.376.229	739.311	392.305	70.000	
1	Xử lý sạt lở, ổn định bờ hệ thống sông Đà, sông Hồng vùng hạ lưu sau đập thủy điện Hoà Bình	11697	2343/QĐ-UBND 06/12/2007; 1143/QĐ-SNN 21/7/2010; 1142/QĐ-SNN 21/7/2010; 1279/QĐ-UBND 20/7/2007; 2641/QĐ-SNN 14/12/2009; 969/QĐ-UBND 17/4/2008	409.311	409.311	70.000	70.000	
2	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở Kè Hồng Hà, huyện Đan Phượng	35760	2641/QĐ-SNN 14/12/2009	49.700	1.100	1.100		
3	Dự án xử lý khẩn cấp chống sạt lở kè Linh Chiểu đê Hữu Hồng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	35761	2678/QĐ-UBND 23/7/2008	52.139	3.300	2.756		
4	Dự án xử lý khẩn cấp chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thượng - Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	35762	1143/QĐ-SNN 21/7/2010	82.364	17.500	17.248		
5	Dự án xử lý khẩn cấp chống sạt lở bờ hữu sông Đà , khu vực xã Minh Quang (sau kè Khánh Thượng - Minh Quang), huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	35763	1142/QĐ-SNN 01/7/2010	99.725	49.039	49.039		
6	Dự án xử lý khẩn cấp hộ chân chống sạt lở khu vực hạ lưu Kè Thuần Mỹ (Kè Thuần Mỹ), huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	35764	1201/QĐ-SNN 04/8/2010	116.260	60.000	53.755		
7	Dự án xử lý sự cố kè Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	25767	2470/QĐ-SNN 27/11/2009	42.000	45	45		
8	Dự án Xử lý sạt lở bờ hữu sông Hồng thôn Đại Gia, xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	35768	2159/QĐ-SNN 15/10/2009	34.944	336	336		
9	Dự án chống sạt lở bờ tả sông Hồng thuộc địa bàn quận Long Biên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	35769	6362/QĐ-UBND 24/12/2010	46.769	44.500	44.500		

TT	Tên dự án	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó năm 2021	
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó vốn NSTW			
10	Dự án Kè Minh Châu, huyện Ba Vì	37080	2422/QĐ-UBND 01/6/2010	62.200	18.000	17.719		
11	Dự án Kè Thọ An, huyện Đan Phượng	37081	2423/QĐ-UBND 01/6/2010	140.500	41.533	41.325		
12	Dự án Kè Thanh Diêm, huyện Mê Linh	37082	6297/QĐ-UBND 22/12/2010	164.195	34.200	34.200		
13	Kè Bát Tràng (bờ tả sông Hồng K75+600 - K77+400), huyện Gia Lâm	37083	6362/QĐ-UBND 24/12/2010	76.122	60.447	60.282		
IV	Lĩnh vực giao thông			7.527.251	1.840.165	215.430	138.409	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			7.527.251	1.840.165	215.430	138.409	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020			7.527.251	1.840.165	215.430	138.409	
1	Mở rộng Đường Láng Hòa Lạc	11706	2013/QĐ-BGTVT 11/7/2003; 3072/QĐ-BGTVT 10/11/2007	7.527.251	1.840.165	215.430	138.409	

Phụ lục 9
DANH MỤC DỰ ÁN XDCB SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC CẬP NHẬT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025
 (Kèm theo Báo cáo số **343/BC-UBND** ngày **01/12/2021** của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Chủ trương/Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2022-2025 dự kiến				CTHT 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Ngân sách trung ương		Ngân sách Thành phố				
											Năm 2022	Giai đoạn 2023-2025	Năm 2022				Giai đoạn 2023-2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	2	2						15.190.678	10.810.000		4.400.000		6.410.000	2		
I	Lĩnh vực giao thông	2	2						15.190.678	10.810.000		4.400.000		6.410.000	2		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025	2	2						15.190.678	10.810.000		4.400.000		6.410.000	2		
1	Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai	1			Hà Đông, Chương Mỹ	2022-2027	L=21,70km, B=50÷60m	23/NQ-HĐND 23/9/2021	8.112.968	5.600.000		1.600.000		4.000.000		Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố	Nguồn vốn từ nguồn vốn dành cho các dự án lớn của Thành phố cần đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1			Thạch Thất	2022-2026	L=6,7Km, 6 làn xe cao tốc	23/NQ-HĐND 23/9/2021	5.500.000	4.000.000		2.000.000		2.000.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà								1.577.710	1.210.000		800.000		410.000			
	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 47+500 - Km 53+500)		1		Sơn Tây; Ba Vì	2021-2025	L=5,88km; B=35m	23/NQ-HĐND 23/9/2021	691.012	560.000		400.000		160.000	I	UBND huyện Ba Vì	Mức vốn NSTP đối ứng đã được quyết nghị tại Phụ lục 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 55+200 - Km 62+500)		I		Ba Vì	2021-2025	L=7,4 km; B=35m	23/NQ-HĐND 23/9/2021	886.698	650.000		400.000		250.000	1	UBND huyện Ba Vì	

Phụ lục 10
DANH MỤC DỰ ÁN XDCB SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CẬP NHẬT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số **343**/BC-UBND ngày **01/12/2021** của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 dự kiến				CTHT		Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			HT 2021	HT 2022-2025		
											Năm 2021 đã bố trí	Năm 2022 dự kiến bố trí	Giai đoạn 2022-2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG		18	22					8.127.471	6.627.500	45.000	73.500	6.509.000	1	37		
A	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt dự án đầu tư		1	8					136.815	118.500	45.000	73.500		1	8		
I	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		1						52.815	45.000	45.000			1			
	Dự án khởi công mới năm 2021		1						52.815	45.000	45.000			1			
1	Cải tạo, nâng cấp, đầu tư Hệ thống khí y tế tại các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế Hà Nội		1		Hà Nội	2021	Thiết kế, lắp đặt hệ thống cung cấp khí y tế cho 25 bệnh viện trực thuộc Sở Y tế Hà Nội	4522/QĐ-UBND 21/10/2021	52.815	45.000	45.000			1		Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	Dự án cấp bách đã được HĐND Thành phố quyết nghị bố trí kế hoạch vốn năm 2021 tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 và UBND Thành phố đã giao kế hoạch vốn tại Quyết định số 5044/QĐ-UBND 30/11/2021
II	Lĩnh vực hoạt động kinh tế			8					84.000	73.500		73.500			8		
II.1	Lĩnh vực đề điều			4					66.003	58.500		58.500			4		
1	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ Nhạn Tái, huyện Đông Anh đoạn tương ứng từ K3+600 đến K4+250 đê hữu Cà Lồ			1	Đông Anh	2021	L = 645m	1253/QĐ-SNN 15/10/2021	15.721	14.000		14.000			1	Sở NN&PTNT	Các DA được triển khai theo trình tự, thủ tục: UBND TP công bố tình huống xử lý khẩn cấp; GPĐ Sở NN&PTNT quyết định phương án xử lý cấp bách và quyết định phê duyệt dự án theo ủy quyền tại Công văn số 1200/UBND-KT ngày 26/3/2019 của UBND TP). Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn dự phòng đầu tư công
2	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2021	L = 1247m	1375/QĐ-SNN 29/10/2021	28.634	25.000		25.000			1	Sở NN&PTNT	
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở chân đê thượng lưu đê hữu Đáy đoạn từ K5+770 đến K5+990 và đoạn từ K6+020 đến K6+310, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội			1	Quốc Oai	2021	L = 508m	1013/QĐ-SNN 06/9/2021	3.821	3.500		3.500			1	Sở NN&PTNT	
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ Linh Chiểu tương ứng từ K32+600 đến K32+850 đê hữu Hồng, xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ			1	Phúc Thọ	2021	L = 280m	1012/QĐ-UBND 06/9/2021	17.827	16.000		16.000			1	Sở NN&PTNT	
II.2	Lĩnh vực giao thông			4					17.997	15.000		15.000			4		
	Dự án khởi công mới năm 2022			4					17.997	15.000		15.000			4		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 dự kiến				CTHT		Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Năm 2021 đã bố trí	Năm 2022 dự kiến bố trí	Giai đoạn 2022-2025	HT 2021	HT 2022-2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Đào Tấn, quận Ba Đình			1	Ba Đình	2021-2022	L=33,4m B= 3,4 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4263/QĐ-UBND 27/9/2021	5.417	4.500		4.500			1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	Dự án thuộc nhóm dự án cầu yếu, cầu vượt. Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư cho các dự án lĩnh vực giao thông dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 (chưa phân bổ chi tiết) được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 21/NNQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Hoàng, quận Nam Từ Liêm			1	Nam Từ Liêm	2021-2022	L=30.9 m B= 3,4 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4270/QĐ-UBND 27/9/2021	4.188	3.400		3.400			1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
3	Cầu vượt cho người đi bộ qua đường 2,5 tại khu vực chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2021-2022	L=29.9 m B= 3,4 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4271/QĐ-UBND 27/9/2021	4.557	4.100		4.100			1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
4	Cầu vượt cho người đi bộ tại trước tòa nhà HH1A, HUD3, CT5-X2 trong khu đô thị Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2021-2022	L=28.2 m B= 3.0 m	03/NQ-HĐND 15/5/2020; 4269/QĐ-UBND 27/9/2021	3.835	3.000		3.000			1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
B	Cập nhật, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án XD CB tập trung cấp Thành phố khởi công mới giai đoạn 2022-2025 đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định để phù hợp với Nghị quyết của HĐND Thành phố về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố tại kỳ họp HĐND Thành phố cuối năm 2021		17	14					7.990.656	6.509.000	-	-	6.509.000		29		
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			1					27.000	25.000			25.000		1		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025			1					27.000	25.000			25.000		1		
1	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và dạy học tại Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội			1	Nam Từ Liêm	2022-2024	Đầu tư hệ thống hạ tầng trang thiết bị CNTT	4220/QĐ-UBND 07/8/2019	27.000	25.000			25.000		1	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	Dự án điều chỉnh thời gian thực hiện dự án; bổ sung vào trung hạn 2021-2025
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		1						789.795	630.000		-	630.000				
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025		1						789.795	630.000		-	630.000				
1	Nâng cấp bệnh viện Ung Bướu Hà Nội - Bệnh viện mũi nhọn về chẩn đoán và điều trị ung thư		1		Hai Bà Trưng	2023-2027	250 giường bệnh		789.795	630.000			630.000			Ban QLDA ĐTXDCT Văn hóa-Xã hội Thành phố	Thuộc danh mục dự án XD CB tập trung cấp Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 được HĐND quyết nghị tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
III	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế		16	13					7.173.861	5.854.000		-	5.854.000		28		
III.1	Lĩnh vực đề điều, thủy lợi		6	2					1.461.874	1.175.000		-	1.175.000		8		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025		6	2					1.461.874	1.175.000		-	1.175.000		8		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 dự kiến				CTHT		Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			HT 2021	HT 2022-2025		
											Năm 2021 đã bố trí	Năm 2022 dự kiến bố trí	Giai đoạn 2022-2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội		1		Phúc Thọ	2022-2025	L=13,05km; B=9m, nền mặt đường cơ đê và đồng bộ các hạng mục khác		487.928	400.000			400.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư cho các dự án lĩnh vực giao thông dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 (chưa phân bổ chi tiết) được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 21/NNQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K84+600 đến K86+389 đê hữu Hồng thuộc xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội		1		Thanh Trì	2022-2025	L= 1.789m		119.197	95.000			95.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN &PTNT Thành phố	
3	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đuống tương ứng từ K10+135 đến K11+000 đê tả Đuống thuộc xã Yên Viên, huyện Gia Lâm			1	Gia Lâm	2022-2024	L=865 m		50.750	40.000			40.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN &PTNT Thành phố	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Hiệp Thuận kết hợp đường giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội		1		Phúc Thọ	2022-2025	L=12,72 Km		318.408	255.000			255.000		1	UBND huyện Phúc Thọ	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Văn Cốc đoạn từ K8+800 đến K13+660, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội		1		Đan Phượng	2022-2025	L=4.860m; B=9m		128.141	100.000			100.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Vàng - Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội			1	Gia Lâm	2022-2024	Trạm bơm lưu lượng 4.800m3/h		49.360	40.000			40.000		1	UBND huyện Gia Lâm	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội		1		Gia Lâm	2022-2025	L=6,145 Km		108.090	85.000			85.000		1	UBND huyện Gia Lâm	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn quận Hà Đông		1		Hà Đông	2022-2025	L=5,6km; B= 9m		200.000	160.000			160.000		1	UBND quận Hà Đông	
III.2 Lĩnh vực giao thông			10	11					5.711.987	4.679.000			4.679.000		20		
Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025			10	11					5.711.987	4.679.000			4.679.000		20		
1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quận Xá đến Thái Bằng, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2021-2025	L=8km; B=21m		448.804	360.000			360.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư cho các dự án lĩnh vực giao thông dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 (chưa phân bổ chi tiết) được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 21/NNQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Cải tạo, nâng cấp đường 419 - giai đoạn 2 trên địa bàn huyện Chương Mỹ (đoạn tiếp giáp xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai đến thị trấn Chúc Sơn)		1		Chương Mỹ	2022-2025	L=5,6km; B=9m		409.202	330.000			330.000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường vành đai 3,5 đến đường kênh Đan Hoài), huyện Đan Phượng		1		Đan Phượng	2021-2025	L=5,8Km; B=40-60,5m		1.168.736	1.000.000			1.000.000		1	UBND huyện Đan Phượng	
4	Đường vành đai 3,5 (đoạn từ Km0+00 + Km0+600) huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2022-2025	L=0,6Km; B=60-70m		200.868	170.000			170.000		1	UBND huyện Hoài Đức	
5	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc-Nam đoạn qua huyện Thạch Thất (giai đoạn 1 từ Km14+200 đến Km18+500), huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội		1		Thạch Thất	2022-2025	L=4,3Km; B=42-60m		715.418	580.000			580.000		1	UBND huyện Thạch Thất	
6	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn từ Km208 đến Km210+700, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội		1		Phú Xuyên	2022-2025	L=2,642Km; B=30-36m		629.600	510.000			510.000		1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích Chùa Hương, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2022-2025	L=3,5 Km; B=12m		156.725	130.000			130.000		1	UBND huyện Ứng Hòa	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 419 đoạn Km51+55 đến Km53+552(đoạn đi trùng tuyến đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn), huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội		1		Mỹ Đức	2022-2025	L= 2,5 Km; B=27m		301.869	250.000			250.000		1	UBND huyện Mỹ Đức	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 dự kiến				CTHT		Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó			HT 2021	HT 2022-2025		
											Năm 2021 đã bố trí	Năm 2022 dự kiến bố trí	Giai đoạn 2022-2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
9	Xây dựng, lắp đặt thí điểm hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố		1		Hoàng Mai, Đông Anh, Sơn Tây	2021-2023	Trạm cân tại 04 vị trí		315.695	255.000			255.000		1	Sở Giao thông Vận tải	
10	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Lê Đức Thọ (ngõ 63), quận Nam Từ Liêm			1	Nam Từ Liêm	2022-2023	L= 30,8m; B= 3,4m		5.195	4.500			4.500		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư cho các dự án lĩnh vực giao thông dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025 (chưa phân bổ chi tiết) được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 21/NNQ-HĐND ngày 23/9/2021
11	Đầu tư xây dựng cầu Bãi, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2022-2023	L= 30m; B= 8m		14.900	12.500			12.500		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
12	Đầu tư xây dựng cầu Bãi Ván, huyện Ba Vì			1	Ba vì	2021-2023	L= 32,1m ; B= 21m		40.368	32.000			32.000		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
13	Đầu tư xây dựng cầu Châm Mè, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2021-2023	L= 23,1m; B= 21m		33.500	26.000			26.000		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
14	Đầu tư xây dựng cầu Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2021-2023	L= 30m; B= 10m		16.595	13.500			13.500		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
15	Đầu tư xây dựng cầu Kim, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2021-2023	L= 32,1m ; B= 21m		40.368	33.000			33.000		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
16	Đầu tư xây dựng cầu Lộc Hà Km3+350 Quốc Lộ 3, tại Xã Mai Lâm, huyện Đông Anh			1	Đông Anh	2021-2023	L=51,3m; B= 16,5m		45.600	36.000			36.000		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
17	Đầu tư xây dựng cầu Vá, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2021-2023	L=32,1m, B= 21m		39.500	32.000			32.000		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
18	Đầu tư xây dựng cầu cho người đi bộ qua đường Nguyễn Khánh Toàn 2, quận Cầu Giấy			1	Cầu Giấy	2022-2023	L=32m; B=3,4m		5.358	4.500			4.500		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
19	Xây dựng cầu cho người đi bộ qua đường Trần Hữu Dực (ngõ 6), quận Nam Từ Liêm			1	Nam Từ Liêm	2022-2023	L=32,3m; B= 3m		5.200	4.500			4.500		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
20	Đầu tư xây dựng cầu cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Huyền, quận Cầu Giấy			1	Cầu Giấy	2022-2023	L=42m; B=3,4m		6.654	5.500			5.500		1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
21	Xây dựng tuyến đường từ đường vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến KCN Nam Thăng Long		1		Bắc Từ Liêm	2022-2026	L=4,45Km; B=40m		1.111.832	890.000			890.000			UBND quận Bắc Từ Liêm	Nguồn vốn từ nguồn vốn dành cho các dự án lớn của Thành phố cần đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

Phụ lục 11
CẬP NHẬT DANH MỤC DỰ ÁN XDCB TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ DỰ KIẾN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số **343** /BC-UBND ngày **04** / **12**/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 dự kiến	Ghi chú
		A	B	C				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	3	2						30.069.000		
A	Bổ sung danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ thực tế dự án (Bổ sung các công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn NSTP)	3	2						30.069.000	Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn đã được HĐND quyết nghị tại phụ lục 5 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021	Bổ sung vào Phụ lục 5 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
I	Lĩnh vực Văn hóa thông tin	1	2						2.169.000		
1	Bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu		1		Ba Đình	2021-2025	4,5 ha		798.000		
2	Nhà trưng bày Hoàng Cung Thăng Long		1		Ba Đình	2022-2024	1300m2 x 2 tầng		136.000		
3	Bảo tồn phục dựng hào, hệ thống thủy văn tại khu di tích Cổ Loa	1			Đông Anh	GĐ1: 2022-2025; GĐ 2: 2025-2030	Toàn bộ thành hào bao quanh khu di tích khoảng 500ha		1.235.000		
II	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	2							27.900.000		
	Lĩnh vực giao thông	2							27.900.000		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Chủ trương/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 05 năm 2021-2025 dự kiến	Ghi chú
		A	B	C				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	1			Tây Hồ, Đông Anh	2021-2026	Cầu: 3,0kmx29,5m Đường 9kmx60m		19.500.000		
2	Cầu Trần Hưng Đạo	1			Long Biên, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2022-2026	3,1km		8.400.000		
B.	Bổ sung danh mục các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2021-2025									Nguồn vốn thực hiện dự án từ nguồn vốn đã được HĐND quyết nghị cho từng lĩnh vực tại phụ lục 3 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021	Bổ sung vào Phụ lục 3.2 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
I	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình										
1	Xây dựng Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hà Nội				Dự kiến Mê Linh		500 giường				Nghiên cứu đầu tư tại vị trí địa điểm Bệnh viện đa khoa 1000 giường tại huyện Mê Linh

HS

Phụ lục 12
CẬP NHẬT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025
ĐỐI VỚI DỰ ÁN THỰC HIỆN CƠ CHẾ THANH TOÁN LINH HOẠT
 (Kèm theo Báo cáo số: **343** /BC-UBND ngày **01** tháng **12** năm 2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng	69		144.922,654		
A	Nhiệm vụ quy hoạch	1		249,7		
1	Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045	1	5115/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	249,7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
B	Chuẩn bị dự án	6		6.263		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới các trụ nước chữa cháy và hồ thu nước trên địa bàn Thành phố	1	NQ 04/NQ-HĐND ngày 09/04/2019	1.339	Ban QLDA ĐTXD công trình Cấp nước, thoát nước và môi trường	
2	Xây dựng trường THPT Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	1	NQ 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021	800	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1	NQ 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021	3.000	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	1	141/QĐ-TTg ngày 21/01/2020	264	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
5	Xây dựng tuyến đường vào Cảng Khuyến Lương	1	12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018	160	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
6	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xóm Ninh Liệt, Thôn 9, xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường Khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn trong phạm vi bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn	1	01/NQ-HĐND ngày 29/3/2021	700	UBND huyện Sóc Sơn	
C	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	10		67.344,955		
1	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	1	7612/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1886/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	1.242	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
2	Cống hoá và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	1	6343/QĐ-UBND ngày 18/11/2016; 1696/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	27.028	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185-Km189), huyện Thanh Trì	1	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND 23/4/2019; 1310/QĐ-UBND 17/3/2021	3.600	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
4	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn	1	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017; 4437/QĐ-UBND 02/10/2020	20.800	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
5	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	4356/QĐ-UBND 16/8/2019	908	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
6	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã	1	2576/QĐ-GTVT 28/1/2015; 4672/QĐ-UBND 07/10/2011; 2075/QĐ-UBND 17/4/2014	3.604	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
7	Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội	1	826/QĐ-UBND 18/02/2016	25	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
8	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	1	7998/QĐ-UBND 16/11/2017	80	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
9	Xây dựng đường Vành đai 2 (đoạn ngã tư Sở- Ngã tư Vọng)	1	5247/QĐ-UBND 02/10/2018	9.262	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
10	Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội giai đoạn II	1	4315/QĐ-UBND ngày 28/9/2006; 2304/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 2940/QĐ-UBND ngày 28/6/2012; 3947/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	795,955	Ban QLDA ĐTXD công trình Cấp nước, thoát nước và môi trường	
D	Thanh quyết toán dự án hoàn thành	52		71.064,999		
1	Lắp đặt khẩn cấp trạm bơm dã chiến Quang Lăng, huyện Phú Xuyên	1	2057/QĐ-SNN ngày 30/10/2019; 4552/QĐ-STC ngày 19/7/2021	3.157,534	Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi sông Nhuệ	
2	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng, đoạn từ K26+100 đến K26+600 thuộc khu vực hạ lưu kè Cam Thượng trên địa bàn xã Cam Thượng huyện ba Vì và xã Đường Lâm, tx Sơn Tây	1	2064/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 6839/QĐ-STC ngày 29/10/2021	1.244,866	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
3	Xử lý cấp bách sự cố hư hỏng cống Nhà Tráng trên đê hữu Bùi, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	1	1760/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 2568/QĐ-STC ngày 04/5/2021	51,930	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông tương ứng K2+200 đến K2+500 đê hữu Cà Lồ thuộc xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	1762/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 6673/QĐ-STC ngày 25/10/2021	344	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
5	Xử lý cấp bách hộ chân chống trượt cơ kè đoạn cuối kè Thanh Diêm (tương ứng K33+950 đến K34+200 trên tuyến đê sông Hồng), thuộc xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	1765/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 756/QĐ-STC ngày 29/01/2021	107	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
6	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông tương ứng từ K8+650 đến K9+065 (điểm cuối tiếp giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh) đê hữu Cà Lồ thuộc xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	1	2055/QĐ-SNN ngày 30/10/2020; 6674/QĐ-STC ngày 25/10/2021	603,429	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
7	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Bờ sông Bùi đoạn qua thôn Thượng và đoạn qua thôn Yên Cốc, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	1	37/QĐ-SNN ngày 14/01/2020; 4046/QĐ-STC ngày 30/6/2021	164,498	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
8	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê bao Thuần Lương, đê bao thôn Hòa Bình, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ	1	1768/QĐ-SNN ngày 24/9/2019; 2620/QĐ-STC ngày 06/5/2021	170,259	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
9	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu Bùi II đoạn qua 3 xã Hoàng Văn Thụ, Tân Tiến, Nam Phương Tiến	1	2102/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 3952/QĐ-STC ngày 28/6/2021	257,412	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
10	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Đồng Sở, Đê Mỹ Thượng xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ	1	2104/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 1685/QĐ-STC ngày 24/3/2021	2.113,534	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
11	Xử lý cấp bách sự cố sạt trượt mái đê hữu Đáy khu vực K13+450 thuộc địa bàn thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	1	378/QĐ-SNN ngày 01/4/2020; 5264/QĐ-STC ngày 18/8/2021, 6669/QĐ-STC ngày 25/10/2021	427,875	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
12	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Tả Tích đoạn từ cống Khúc Vay xã Cấn Hữu đến trạm bơm Đông Sơn huyện Chương Mỹ	1	443/QĐ-SNN ngày 14/4/2020; 4770/QĐ-STC ngày 27/7/2021	427,875	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
13	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ kênh Thuần Mỹ từ K1+450 đến K2+250 đê hữu Đà, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	1	483/QĐ-SNN ngày 17/4/2020; 7731/QĐ-STC ngày 27/11/2020	494,124	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
14	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê Đồng Trôi xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	1	484/QĐ-SNN ngày 17/4/2020; 8708/QĐ-STC ngày 31/12/2020	556,877	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
15	Xử lý cấp bách sự cố xói lở chân kè Cỏ Đỏ đoạn từ K7+110 (mô hàn số 9) đến K7+420 (sau mô hàn số 1050m) đê hữu Hồng, xã Cỏ Đỏ, huyện Ba Vì	1	490/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 8140/QĐ-STC ngày 15/12/2020	654,627	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
16	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Cầu, khu vực xóm 11, thôn Ngổ Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	1	491/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 8694/QĐ-STC ngày 31/12/2020	510,14	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
17	Xử lý cấp bách sự cố hư hỏng tường chắn phía chân đê giáp ngõ 733 đường Minh Khai, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng	1	492/QĐ-SNN ngày 20/4/2020; 8709/QĐ-STC ngày 31/12/2020	10,865	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
18	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ kè Sen Hồ, đê hữu Đuống, huyện Gia Lâm.	1	2106/QĐ-SNN ngày 31/10/2019; 4030/QĐ-STC ngày 29/6/2021	554,358	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
19	Xử lý cấp bách chống sạt lở mái đê hữu Đáy từ K12+400 Đến K12+520 xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai	1	1959/QĐ-SNN ngày 28/10/2020; 4144/QĐ-STC ngày 05/7/2021	39,467	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
20	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Cà Lồ, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	1	2057/QĐ-SNN ngày 06/11/2020; 4351/QĐ-STC ngày 12/7/2021	431,157	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	
21	Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn	1	Số 4985/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 8675/QĐ-STC ngày 31/12/2020	5.131,089	Ban QL Di tích và danh thắng Hà Nội	
22	Xử lý cấp bách sự cố sập Cống qua đê Đồng Ao, xã Đông Yên	1	1955/QĐ-SNN ngày 21/10/2019; 7903/QĐ-STC ngày 04/12/2020	460,456	UBND huyện Quốc Oai	
23	Xử lý cấp bách sửa chữa Đập Vai Đan xã Phú Cát	1	269/QĐ-SNN ngày 11/3/2020; 4062/QĐ-STC ngày 30/6/2021	2.046,815	UBND huyện Quốc Oai	
24	Cải tạo, chỉnh trang đồng bộ HTKT tuyến đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên	1	2286/QĐ-UBND ngày 20/5/2011; 6763/QĐ-STC ngày 10/10/2019	3.703,072	UBND quận Long Biên	
25	XD tuyến đường từ khu TT Hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giai đoạn 2)	1	5992/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 937/QĐ-STC ngày 05/02/2021	5.405,837	UBND huyện Mê Linh	
26	Đường Trần Đăng Ninh kéo dài	1	3674/QĐ-UBND ngày 10/4/2019; 5862/QĐ-STC ngày 17/9/2021	3.056,963	UBND quận Cầu Giấy	
27	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Trung thủy nông, xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	1	1416 /QĐ-SNN ngày 31/7/2019; 4548/QĐ-STC ngày 19/7/2021	2.362,843	UBND huyện Gia Lâm	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
28	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Hoà Xá, Ứng Hoà	1	347/QĐ-UBND ngày 10/8/2010; 3327/QĐ-STC ngày 24/5/2019	140,897	UBND huyện Ứng Hoà	
29	Xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến đường tỉnh 425, 426, 429B trên địa bàn huyện Ứng Hoà	1	705/QĐ-SNN ngày 17/7/2020; 4706/QĐ-STC ngày 26/7/2021	1.700,95	UBND huyện Ứng Hoà	
30	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, Km 2+700,2 đến Km 4+700,2 Quốc lộ 21A, Thị xã Sơn Tây	1	5252/QĐ-UBND ngày 22/10/2010; 2148/QĐ-STC ngày 13/4/2021	478,704	UBND thị xã Sơn Tây	
31	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Lương đoạn từ trạm bơm Đông Lạc đến trạm bơm Mai Trang huyện Phú Xuyên	1	01/QĐ-SNN ngày 02/01/2019; 7730/QĐ-STC ngày 27/11/2020	837,996	UBND huyện Phú Xuyên	
32	Xây dựng Trạm y tế phường Mai Động	1	6089/QĐ-UBND ngày 29/08/2014; 8914/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	152,627	UBND quận Hoàng Mai	
33	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	1	1941/QĐ-SGĐĐT ngày 12/10/2020; 8591/QĐ-STC ngày 30/12/2020	13.387,669	Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	
34	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục huyện Chương Mỹ	1	4849/QĐ-SNN ngày 25/10/2012; 2107/QĐ-STC ngày 12/4/2021	1.177,192	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
35	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Đông Ngạc, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	1	4463/QĐ-UBND ngày 24/8/2018; 3719/QĐ-STC ngày 18/6/2021	583,802	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	
36	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	1	4652/QĐ-UBND ngày 05/9/2018; 4717/QĐ-STC ngày 26/7/2021	898,554	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	
37	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	1	4047/QĐ-UBND ngày 10/9/2020; 5050/QĐ-STC ngày 09/8/2021	130,840	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	
38	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	4620/QĐ-UBND ngày 14/10/2020; 5049/QĐ-STC ngày 09/8/2021	16,967	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	
39	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	3979/QĐ-UBND ngày 04/9/2020; 4452/QĐ-STC ngày 15/7/2021	12,668	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	
40	Đầu tư xây dựng đồn CA Tiên Phong, huyện Mê Linh thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	4172/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; 5051/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	14,768	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	
41	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Huyện Thạch Thất	1	6554/QĐ-UBND ngày 03/12/2018; 3964/QĐ-UBND ngày 03/9/2020; 8406/QĐ-STC ngày 25/12/2020; 4944/QĐ-STC ngày 08/4/2021	2.228,841	Ban QLDA ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội	

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán, quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
42	Công hóa kênh Lạc Trung đoạn từ dốc Minh Khai đến sông Kim Ngưu	1	7980/QĐ-UBND ngày 16/11/2017; 7358/QĐ-UBND ngày 27/12/2019; 2496/QĐ-STC ngày 28/4/2021	1.389,970	Ban QLDA ĐTXD công trình Cấp nước, thoát nước và môi trường	
43	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Hòa (cầu Bớt Xuyên) vượt sông Đáy - qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	4305/QĐ-UBND ngày 15/7/2013; 6551/QĐ-STC ngày 09/10/2020	351,425	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
44	Cầu Ba Thá Km24+010 ĐT429 (ĐT73)	1	1781/QĐ-GTVT ngày 28/10/2009; 8427/QĐ-STC ngày 25/12/2020	3.645,878	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
45	Xây dựng cầu Zét	1	1196/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011; 5709/QĐ-STC ngày 10/9/2021	1.648,042	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
46	Xây dựng cầu Phú Tiên	1	2074/QĐ-SGTVT ngày 22/9/2016; 6642/QĐ-STC ngày 13/10/2020	529,187	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
47	XD khu tái định cư CT1 và CT5	1	752/QĐ-UBND ngày 15/9/2008; 5780/QĐ-STC ngày 08/9/2020	2.944,911	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
48	Đầu tư xây dựng cầu Chùa Dầu, huyện Đan Phượng	1	1812/QĐ-UBND ngày 16/04/2018; 2108/QĐ-STC ngày 12/4/2021	1.079,650	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
49	Xây dựng cầu bắc qua sông Sét nối ngõ 553 – ngõ 543 đường Giải Phóng	1	5701/QĐ-UBND ngày 23/10/2018; 1777/QĐ-STC ngày 29/3/2021	708,776	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
50	Dự án xây dựng đường kết nối Đại lộ Thăng Long với đường gom tại Km25-Km26 huyện Thạch Thất	1	3203/QĐ-UBND ngày 13/06/2019; 4085/QĐ-STC ngày 01/7/2021	1.822,230	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
51	Xây dựng công trình cầu Phó Hồng huyện Phú Xuyên	1	3202/QĐ-UBND ngày 13/6/2019; 2709/QĐ-STC ngày 10/5/2021	414,798	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
52	Đường tỉnh lộ 426 (ĐT 78 cũ) đoạn Km0-Km7+900	1	127/QĐ-SGTVT ngày 03/02/2015; 611/QĐ-STC ngày 04/02/2020	278,685	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	

Phụ lục 13

ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ DỰ KIẾN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 343 /BC-UBND ngày 01 /12/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		TỔNG SỐ (39 dự án)					360.980.937		
		<i>Trong đó:</i>							
	(*)	Theo nguồn vốn							
		<i>Vốn ODA (02 dự án)</i>					40.517.032		
		<i>Vốn trong nước (37 dự án)</i>					320.463.905		
	(*)	Theo tiến độ thực hiện dự án							
		<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (09 dự án)</i>					71.066.030		
		<i>Dự án mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (08 dự án)</i>					13.827.397		
		<i>Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (22 dự án)</i>					276.087.510		
	I	Lĩnh vực y tế (03 dự án)					1.284.433		
	I.1	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)</i>					784.433		
1	1	Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội - giai đoạn I	Hà Đông	2021-2024	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015; 5049/QĐ-UBND 30/11/2021	784.433	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 650 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
	I.2	<i>Dự án mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (02 dự án)</i>					500.000		

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
2	1	Đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Thận Hà Nội (tại Yên Nghĩa, Hà Đông)	Hà Đông	2022-2025	250 giường		200.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2022-2025 tại Phụ lục 3.2 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
3	2	Nâng cấp bệnh viện Tim Hà Nội	Tây Hồ	2022-2025	350-400 giường		300.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2022-2025 tại Phụ lục 3.2 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	II	Lĩnh vực văn hóa xã hội (08 dự án)					22.436.165		
	II.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)					1.376.465		
4	1	Cung Thiếu nhi Hà Nội	Nam Từ Liêm	2020-2024	3,96ha	4493/QĐ-UBND 29/8/2014; 4608/QĐ-UBND 14/10/2020	1.376.465	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 1.050 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
	II.2	Dự án mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (02 dự án)					934.000		
5	1	Bảo tồn khu vực khảo cổ học 18 Hoàng Diệu	Ba Đình	2021-2025	4,5 ha		798.000	NSTP	
6	2	Nhà trưng bày Hoàng Cung Thăng Long	Ba Đình	2022-2024	1300m2 x 2 tầng		136.000	NSTP	
	II.3	Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (05 dự án)					20.125.700		

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
7	1	Bảo tồn phục dựng hào, hệ thống thủy văn tại khu di tích Cổ Loa	Đông Anh	GD1: 2022-2025; GD 2: 2025-2030	Toàn bộ thành hào bao quanh khu di tích khoảng 500ha		1.235.000	NSTP	
8	2	Phục dựng điện Kính Thiên	Ba Đình	2022-2026			1.800.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
9	3	Đền thờ Ngô Quyền	Đông Anh	2022-2026	3714m2		126.000	NS huyện Đông Anh + XHH	
10	4	Nhà hát Opera và Khu văn hóa đa năng Quảng An	Tây Hồ	2022-2027	Nhà hát: 9,6ha; Khu văn hóa đa năng: 9 ha		11.996.000	XHH	Công ty TNHH mặt trời Hạ Long và Công ty CP Địa Cầu đề xuất
11	5	Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy	Đông Anh	2022-2026	101 ha	CTĐT: 6374/QĐ-UBND 21/11/2016; 2749/QĐ-UBND 26/6/2020	4.968.700	XHH	
	III	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo (02 dự án)					1.778.000		
		<i>Dự án mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (02 dự án)</i>					1.778.000		
12	1	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	Hà Đông	2021-2025	41750m2		980.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố dự kiến đầu tư giai đoạn 2022-2025 tại Phụ lục 3.2 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
13	2	Xây dựng trường Đại học Thủ đô	Ba Đình, Cầu Giấy	2022-2025	Đào tạo khoảng 12.000 sinh viên		798.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	IV	Lĩnh vực công nghệ thông tin (01 dự án)					7.873.000		
		<i>Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)</i>					7.873.000		
14	1	Xây dựng hạ tầng Khu công viên phần mềm	Đông Anh	2022-2026	80 ha		7.873.000	XHH	Công trình trọng điểm 2016-2020
	V	Lĩnh vực môi trường (03 dự án)					20.380.462		
	V.1	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (02 dự án)</i>					17.780.462		
15	1	Khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Sóc Sơn	2012-2021	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019; 957/QĐ-UBND 04/3/2020; 1009/QĐ-UBND 01/3/2021	1.487.018	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 400 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
16	2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội	Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ngđ	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	ODA + NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 5.800 tỷ đồng (trong đó vốn ODA cấp phát là 5.000 tỷ đồng) tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
		Vốn ODA cấp phát					13.709.042		
		Vốn ODA vay lại							
		Vốn trong nước					2.584.402		
	V.2	Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)					2.600.000		
17	1	Hệ thống thu gom nước thải (lưu vực S1) về Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở	Hoàng Mai	2021-2026	09 trạm bơm chuyển bậc và khoảng 53,6km cống các loại từ D300 đến D1800.		2.600.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	VI	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước (02 dự án)					2.700.000		
		Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (02 dự án)					2.700.000		
18	1	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả sông Nhuệ	Hà Nội	2021-2026	09 km kênh, cống; TB Ba Xã 14m3/s; Hệ thống bổ cấp tiếp nước sông Tô Lịch		1.300.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
19	2	Dự án xây dựng thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	Hà Đông	2021-2026	LV Yên Nghĩa: Hồ đm 39ha, Hồ đh 52,96ha; LV Khe Tang 75,3km cống		1.400.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	VII	Lĩnh vực thủy lợi kết hợp thoát nước đô thị (02 dự án)					8.357.852		
	VII.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)					4.722.852		
20	1	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	Hà Đông	2013-2022	Tiêu 6.300 ha	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND 10/6/2021	4.722.852	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 1.600 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
	VII.2	Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)					3.635.000		
21	1	Xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc	Thanh Trì	2022-2026	Tưới: 72m3/s 40.483ha; Tiêu 170m3/s, trong đó GD1: 70m3/s; 9.200ha		3.635.000	NSTP	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	VIII	Lĩnh vực giao thông (15 dự án)					262.561.785		
	VIII.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (04 dự án)					46.401.818		
	a	Dự án đầu tư từ ngân sách và ODA (03 dự án)					36.942.626		

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
22	1	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2022	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009, 5456/QĐ-UBND 2/11/2010, 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; 4036/QĐ-UBND 26/7/2019	32.910.000	ODA + NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 17.740,607 tỷ đồng (trong đó vốn ODA cấp phát là 6.907,607 tỷ đồng và vốn ODA vay lại là 7.311 tỷ đồng) tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
		Vốn ODA cấp phát					13.158.810		
		Vốn ODA vay lại					13.649.180		
		Vốn trong nước					6.102.010		
23	2	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2	Hai Bà Trưng, Long Biên	2020-2022	3,47kmx19,25m	CTĐT: 214/QĐ-TTg 07/02/2020; BCNCKT: 2673/QĐ-UBND 24/6/2020	2.538.153	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 2.100 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
24	3	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng	Bắc Từ Liêm	2017-2021	3,3kmx60,5m	5995/QĐ-UBND 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND 23/10/2019	1.494.473	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. CĐT đang xin điều chỉnh dự án. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 925 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
	b	Dự án đầu tư theo hình thức PPP (01 dự án):					9.459.192		

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
25	1	Xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2 đoạn từ Cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân đi bằng đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng theo hình thức BT	Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân	2017-2022	5,2kmx35m	1537/QĐ-UBND 06/3/2017	9.459.192	PPP	Công trình trọng điểm 2016-2020
	VIII.2	Dự án mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)					3.249.157		
26	1	Dự án tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường vành đai 3	Thanh Trì	2020-2025	3,4kmx60m	CTĐT: số 141/QĐ-TTg 21/01/2020	3.249.157	NSTP	Đang hoàn thiện thủ tục điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 2.535 tỷ đồng lên 3.249,157 tỷ đồng. Giai đoạn 2021-2025, NSTP bố trí 2.500 tỷ đồng tại Phụ lục số 3, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ngày 23/9/2021
	VIII.3	Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (10 dự án)					212.910.810		
27	1	Xây dựng đường vành đai 4 - vùng Thủ đô	Mê Linh, Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Oai, Thường Tín	2022-2028	L=111,2Km, Bn=120m		94.127.000	NSTP + NSTW+PPP (BOT)	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021. (Trong đó kinh phí phân xây lắp dự kiến giao Hà Nội là 20.000 tỷ đồng)
28	2	Cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	Tây Hồ, Đông Anh	2021-2026	Cầu: 3,0kmx29,5m Đường 9kmx60m		19.500.000	NSTP + PPP (BOT)	Công trình trọng điểm 2016-2020

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
29	3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6: Ba la - Xuân Mai	Chương Mỹ	2022-2027	L=21,7Km, B=50-60m		8.112.968	NSTP + NSTW	Công trình trọng điểm 2016-2020; chuyển từ PPP sang đầu tư công. Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 (NSTW dự kiến 1.600 tỷ đồng)
30	4	Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	Thạch Thất	2022-2026	L=5,5km, =60m		5.500.000	NSTP + NSTW	Công trình trọng điểm 2016-2020; chuyển từ PPP sang đầu tư công. Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 (NSTW dự kiến 2.000 tỷ đồng)
31	5	Đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	Phúc Thọ	2021-2026	L = 4km		4.000.000	NSTP + NSTW	Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
32	6	Tuyến đường sắt đô thị số 5 (Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc)	Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất	2021-2026			65.000.000	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020. Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
33	7	Cải tạo, nâng cấp đường 70: đoạn Hà Đông - Văn Điển	Hà Đông	2022-2026	7,5km	2931/QĐ-UBND 14/6/2018	2.823.842	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020; chuyển từ PPP sang đầu tư công. Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
34	8	Cải tạo, nâng cấp đường 70, đoạn từ Nhòn đến Đại Lộ Thăng Long - Hà Đông	Nam Từ Liêm	2022-2026	L=4,77Km, B=40m		2.823.000	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020; chuyển từ PPP sang đầu tư công. Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TS	STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư được phê duyệt		Nguồn vốn/Hình thức đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)		
35	9	Vành đai 3,5: Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	Hoài Đức	2022-2026			2.624.000	NSTP	Công trình trọng điểm 2016-2020; chuyển từ PPP sang đầu tư công. Dự án thuộc danh mục các dự án khởi công mới cần đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn hàng năm theo tiến độ dự án tại Phụ lục 5 của Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
36	10	Cầu Trần Hưng Đạo	Long Biên, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2022-2026	3,1km		8.400.000	NSTP + PPP	Công trình trọng điểm 2016-2020
	IX	Lĩnh vực công nghiệp (01 dự án)					3.243.000		
		<i>Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)</i>					3.243.000		
37	1	Khu công nghiệp Sóc Sơn	Sóc Sơn	2022-2026	306 ha		3.243.000	XHH	
	X	Lĩnh vực thương mại - dịch vụ (02 dự án)					30.366.240		
	X.1	<i>Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)</i>					7.366.240		
38	1	Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc gia	Đông Anh	2021-2025	90,39 ha	2727/QĐ-UBND 26/6/2020	7.366.240	XHH	
	X.2	<i>Dự án triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (01 dự án)</i>					23.000.000		
39	1	Thành phố thông minh							
		- Hạng mục: Tháp tài chính hỗn hợp đa năng	Đông Anh	2023-2028	Diện tích: 133.279m ² ; Tầng cao: 108 tầng		23.000.000	FDI + XHH	